

Nhà hàng Đại-La - Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31 — 33 đường Lăng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn Tiều
- ★ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ p ép
- ★ Có máy điều hòa không khí

Ở lâu 3 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Gần đến kinh kỳ, Bần thần đã dượt hay là đang hành kinh mà đau bụng, uống Lôi Công Hoàn « Ông Tiên ». Các tiệm thuốc Bắc có bán lẻ. Nhà thuốc Ông-Tiên Phú-Lâm Cholon. K.N.BYT. số 9-5-63

Phong ngứa Ghẻ chốc, lở loét, gãi tới đâu ăn lan tới đó không phải thoa phết sớ sai ngoài da mà hết. Uống Giải phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên » Trên 30 năm danh tiếng. Có bán lẻ ở các tiệm thuốc Bắc.

Nhà thuốc Ông Tiên Phú-Lâm, Cholon (K.N, BY. số 3—9-5-63)

Giấy phép số 292 CDV/TT/ND ngày 9-10-1961

Chủ-nhiệm : NGUYỄN-VỸ

In tại nhà in riêng của PHỒ-THÔNG

231, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON
Đ.T. : 25.861

GIÁ : 50 đ
Công sở : gấp đôi

PHỒ THÔNG

263

DƯỜNG SANG

New Delhi

ADAM-EVE

sinh tại
Đông Phi?

MỘT KHÁM PHÁ MỚI

LẠI SỞ N

hải đảo thần tiên
của Việt Nam

Đời sống trong một chiếc
Tàu Ngầm Nguyên Tử

Waso
A P95

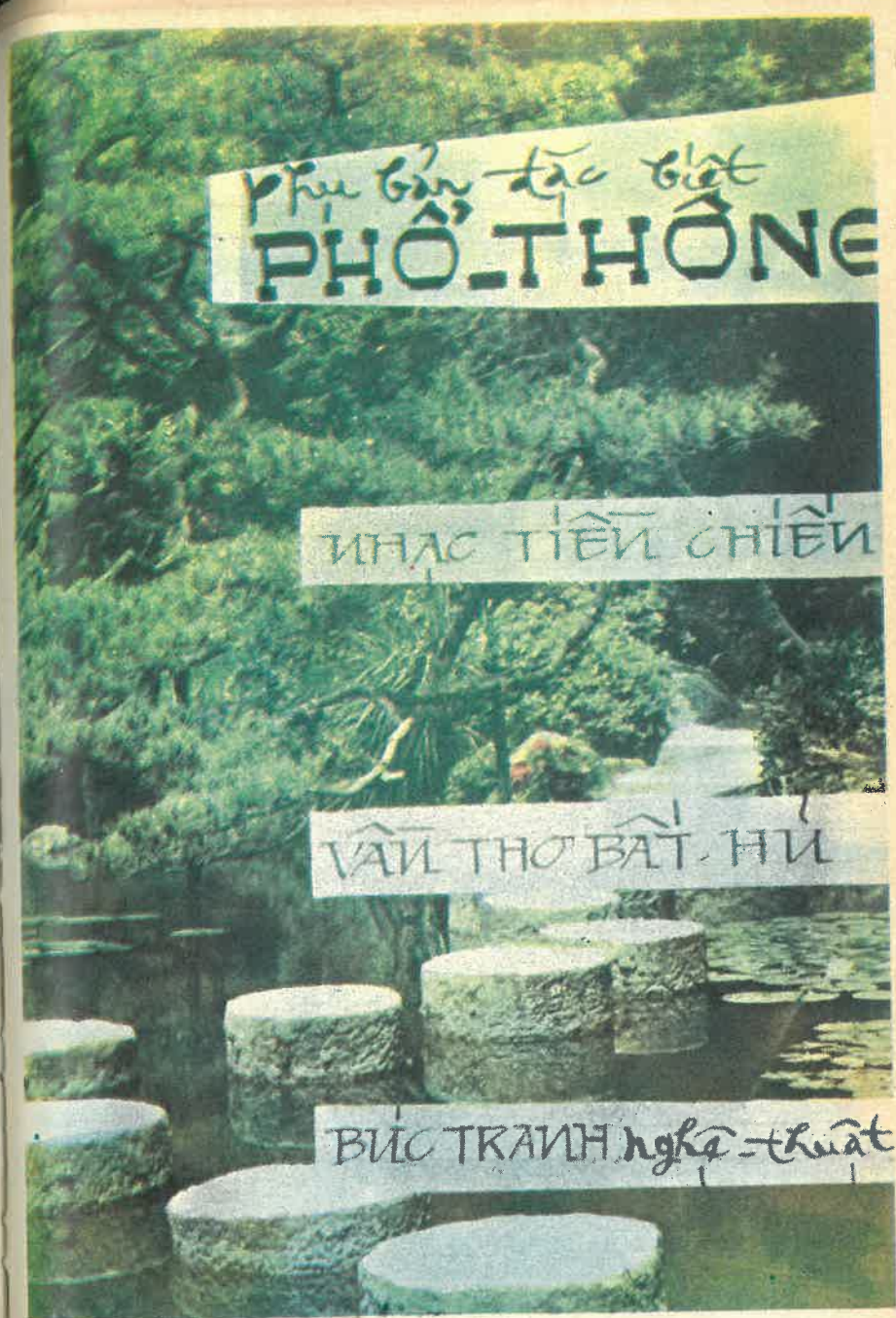
V6 P5

Cut

SÁCH ĐÃ PHÁT HÀNH:

TRÊN NGỌN GIÓ BẮC

- Kỷ niệm về trường học, thầy cô, bạn bè.
- Vui buồn của những trò chơi một thời tuổi nhỏ.
- Sách của một mùa nhưng đọc suốt một đời.



Slow

Hôm nay trời xuân bao tươi thắm Dừng
gót phiêu linh về thăm nhà Chân bước trên đường đầy hoa đào rơi.
đã hình dung hết ai đang cười. Tôi mơ trời xuân bao tươi thắm
mắt trong đen màu hạt huyền. Làn tóc mây chiều cùng gió ngàn dâng sóng
Xao xuyến nỗi niềm yêu. Cô láng giềng ơi! Không biết cô còn nhớ đến
tôi, giây phút êm đêm ngày xưa khi còn ngây thơ... Cô láng giềng
ơi! Tuy cách xa phương trời tôi không hề quên Bóng ai bên bờ đường
quê Đôi mắt đắm đắm chờ tôi về Năm xưa khi tôi bước chân ra
đi Đôi ta cùng đứng bên hàng tường vi. Em nói rằng em sẽ chờ
tôi, Dừng nói đến phân ly Cô láng giềng ơi! Nay bên
hoa bên thềm đã thắm rồi. Chân bước vui bên bờ đường

nguyễn bình

tương tư

(gửi Ch.)

THÔN ĐOÀI ngời nhớ thôn Đông,
Một người chín nhớ mười mong một người.
Gió mưa là bệnh của trời,
Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.
Hai thân chung lại một làng,
Cớ sao bên ấy chẳng sang bên này?
Ngày qua ngày lại qua ngày,
Lá xanh nhuộm đã thành cây lá vàng.
Bảo rằng cách trở đò giang,
Không sang là chẳng đường sang đã đành.
Nhưng đây cách một đầu đình,
Có xa xôi mấy mà tình xa xôi?
Tương tư thức mấy đêm rồi!
Biết cho ai, hỏi ai người biết cho?
Bao giờ bến mới gặp đò,
Hoa khuê các bướm giang hồ gặp nhau?

**

Nhà em có một giàn trầu,
Nhà anh có một hàng cau liên phòng.
Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông,
Cầu thôn Đoài nhớ trầu-không thôn nào?



NHỮNG BỨC TRANH NGHỆ THUẬT

"Madame de Pompadour" qua nét tả chân
sáng sủa của họa sĩ SAINT QUENTIN
(Pháp 1704-1788).

Đã phát hành trong toàn quốc:

VĂN - THI - SĨ
TIỀN - CHIẾN
của NGUYỄN - VỸ

Dày trên 500 trang
Nhà Sách KHAI-TRÍ xuất bản
62, Đại-lộ Lê-Lợi — Saigon II

TẠP CHÍ phổ thông

Giám Đốc, Chủ Bút :
NGUYỄN VỸ
Tổng thư ký Tòa soạn :
PHAN THỊ THU MAI
Tòa Soạn :
233 Phạm Ngũ Lão Saigon
ĐT. 24814
*

Chúng tôi hoàn toàn không chịu trách nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc (theo thể lệ chung của các tạp chí quốc tế). Bài lai cáo không đăng, không trả lại. Các Sách Báo Việt Ngữ ở trong nước được tự tiện trích đăng những bài trong tạp chí PHỔ THÔNG, nhưng yêu cầu đề rõ xuất xứ: «trích tạp chí PHỔ THÔNG» và đừng viết tắt. Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại Quốc mà không xin phép. Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHỔ THÔNG, printed in Việt Nam.

P.T.

Bài vở, Kỹ thuật, Trình bày :
CAO ĐẮC BỬU
Đặc biệt phần Văn Nghệ :
TU KẾ TƯỜNG

Năm thứ XIII Số 263 15-3-1971

- 1— Thi hào Hồ xuân Hương
- 2— 15 Ngày Đa Sự
- 3— Thử tài của Bạn
- 4— Phổ Thông đây đó
- 5— Đa Tạ (Thơ)
- 6— Tử chiến tại «Đồi Máu»
- 7— Căn bệnh của một người (Thơ)
- 8— Ho!
- 9— Adam và EVE sinh tại Đông Phi
- 10— Ước hẹn (Thơ)
- 11— Khách sạn mùa xuân (Truyện)
- 12— Còn đâu cái đóa hồng hồng (Thơ)
- 13— Chết khát, lối chết chạt vật nhất
- 14— Những mùa chiêm bao (Thơ)
- 15— Cuộc hành trình của RA II
- 16— Tư Tưởng
- 17— Tamassou, Hải đảo thần tiên
- 18— Cười
- 19— Thơ cho Thanh Vân (Thơ)
- 20— Tiền nhuận bút
- 21— Những mùa mưa lãng quên
- 22— Thơ máu hồng. Tơ xanh (Thơ)
- 23— Đường sang NEW DELHI
- 24— Tặng Căn mưa cuối mùa (Thơ)
- 25— Đời sống trên một chiếc tàu ngầm
- 26— Những giòng thơ mới
- 27— Sinh hoạt Văn nghệ
- 28— Đọc sách mới

PHỔ THÔNG

Góp phần xây dựng Văn Hóa Việt Nam
Phổ Biến Văn Đông Tây Kim Cồ

	TRANG	
NGUYỄN VỸ	8	
BẢO CHÂU	10	
ĐÀU BẾP	14	
VIÊN VỌNG KÍNH	18	
MÂY BIÊN THÙY	19	
CAO ĐẮC BỬU	20	
NGUYỄN NHƯƠng NGHIỆM	33	
MỸ TRANG	35	
LƯƠNG THỂ ĐÔNG	39	
HUY TƯỜNG	47	
NGUYỄN THIẾU NHẪN	48	
PHƯƠNG ĐÀI	59	
PHƯƠNG BẢO	60	
THY LINH TỬ	66	
NGUYỄN DUY TRÌNH	67	
P.T.	74	
NGUYỄN THUỘC	75	
P.T.	78	
TRẦN LIỄU HẠ	82	
BÀ THU LAN	83	
TU KẾ TƯỜNG	85	
ĐẶNG TẤN TỚI	98	
TRẦN LÊ NGUYỄN VŨ	99	
HOÀNG TUYẾT KHANH	109	
YÊN CHI	112	
HOÀNG TUYẾT KHANH	117	
ĐẶNG BẢO TRÂM	122	
NGUYỄN MAI	128	

Giá 50\$
Cộng giá gấp đôi



SÁCH BÁO MỚI

● **Phòng Lưu cũ mới**

(Thú nuôi chim. Thú đá gà. Thú đá cá lia thia. Thú chơi dế mèn, cóc, cồng. Có thêm bài luận về chim phụng hoàng, ve ve, bọ heng...)

của **VƯƠNG HỒNG SÈN**

Hiện cở Đặc san số 1. Dày 300 trang. Bản Đặc Biệt không đẽ giá bán.

● **Thú xem truyện Tàu**

Hiện cở Đặc san số 2. Dày 328 trang. Bản Đặc biệt không đẽ giá bán.

của **VƯƠNG HỒNG SÈN**

● **Le Bouddhisme Vietnamien et La Littérature Bouddhique Vietnamienne.**

Do Association des Bouddhistes Vietnamiens d'outremer, section de France xuất bản. Của Thượng Tọa Thích Thiện Châu. Paris.

● **Liaisons Nouvelles** (La Revue des Cinq Mondes) Revue Internationale de la Génération Nouvelle des Jeunes, Techniciens et Intellectuels.

Fondateur — Directeur et Rédacteur en Chef

NGUYỄN XUÂN LANG

Tạp chí chủ xướng thuyết Đại Hòa.

● **Trần quý Cáp**

Một quyển sách rất đầy đủ về nhà Cách mạng Trần quý Cáp, do chính con cháu của Cụ sưu tầm, ông Lam Giang biên soạn, và Cụ Đông Xuyên chép lại bằng Hán tự.

Đông Á xuất bản.

- Một cao nguyên chìm đắm trong khói lửa nội chiến
- Một cuộc sống rừng sâu bị bỏ quên giữa lục địa Á châu thiếu ăn
- Một chuỗi thảm kịch trong lịch sử bang giao Việt-Mỹ

VÒNG ĐAI XANH

tiểu thuyết chấn động của
NGÔ THIẾ VINH

Nghiều Đề trình bày
Thái-Độ xuất bản

Thi Hào

HỒ XUÂN HƯƠNG

XVI.—

(tiếp theo)

• NGUYỄN VỸ

N HƯ tôi đã xác minh trong mấy chương trước, Hồ Xuân Hương là một thi sĩ tài hoa nổi bật hơn hết cả trong Văn học Sử Việt Nam, trên cả Đoàn thị Điểm, Nguyễn Du về nhiều phương diện. Nhưng nếu nghiên cứu Hồ Xuân Hương như một cá nhân riêng biệt, như một nữ Thi nhân trong cương vị độc đáo, thì không thể nào lĩnh hội trọn vẹn Hồ Xuân Hương.

Thơ Hồ Xuân Hương, ai đọc cũng tưởng là dễ hiểu. Cho đến một anh nông dân, một cô thôn nữ ít học cũng có thể tự phụ hiểu thơ Hồ Xuân Hương. Nhưng thiên tài Hồ Xuân Hương phát lộ ra ở chỗ mà cô tự phân hóa ra thành một vật thể thứ hai,

huyền kỳ trác tuyệt, (*un sublime dédoublement*) nơi đây không một nhân tài nào của Việt Nam và Thế giới sánh kịp được với cô.

Bắt nguồn từ Hồ quý Ly, vị tiên hiền siêu đẳng huyết thống họ Hồ bỗng dưng này nở phi thường vào thế kỷ XVIII trong hai chi phái Hồ Phi: Hồ Xuân Hương, con gái của Hồ phi Diễn, và Hồ Phi (Nguyễn) Huệ, con trai của Hồ phi Phúc, do khí thiêng nung đúc ở đất Nghệ.

Hồ Xuân Hương và Quang Trung Hoàng Đế, tuy người di cư ra Bắc, kẻ di cư vào Nam, nhưng vẫn song song đi theo chung một con đường cách mạng, cách mạng lịch sử, văn hóa, xã hội Cách mạng dân tộc :

Xuân Hương với ngòi bút lông, Quang Trung với lưỡi gươm thép đều đập nát Nho giáo, dẫm lên Phật giáo, hai trào lưu ngoại lai từ Trung quốc tràn xuống, từ Ấn độ tràn qua, để xây dựng lên cả hai, một văn hoá Việt Nam thuần túy, một văn hoá của nguồn gốc thiêng liêng vĩ đại.

Cũng như Quang Trung đã dựng lên một đế quốc hùng cường cho người trai nước Việt, Hồ xuân Hương đã tạo lên một đế quốc kiêu hãnh riêng cho người con gái Việt Nam. Vì thế của Hồ xuân Hương ngự trị trên cả thế kỷ XVIII với pháp chế riêng và kỹ thuật riêng. Và Hồ Xuân Hương đã chinh phục cả thế kỷ XIX, Thế kỷ XX, và chắc chắn các thế hệ hậu lai nữa.

Trên bình diện đó, Quang Trung Hoàng đế chưa hoàn thành nhiệm vụ và đã ngưng lại quá sớm, chứ

Hồ Xuân Hương còn tiếp tục mãi mãi cuộc cách mạng văn hóa của nhân dân Việt Nam.

Ai đã đọc Comtesse de Noailles trong bài tựa Jardin de Roses của Saadi, nhà Thi hào Ba tư khả ái ? Ai đã đọc chính Nữ Bá Tước trong Coeur Innombrable ? Ai đã đọc Sapho trên Đảo Lesbos ?

Nhưng Hồ xuân Hương xuất hiện, như vầng thái dương rực rỡ trên vòm trời Thăng Long, còn gì đâu những ánh sáng lu mờ của vài ngôi sao kiêu hãnh ?

Thiên tài Hồ Xuân Hương đã nảy nở huy hoàng, bên cạnh uy phong lâm liệt của Napoléon đương thời của Đông Á. Tất cả những hào quang chói lọi của trời Âu đã rớt xuống tan vỡ như sương mù trong Nghìn Lẻ Một Đêm của Schéhérazade và trên mặt sóng Egée của Huyền thoại lesbienne...

Nữ-Thi-Hào

HỒ - XUÂN - HƯƠNG

em họ của Quang Trung Hoàng Đế

sẽ xuất bản thành sách trong năm nay.

15 NGÀY ĐA SỰ



• BẢO CHÂU

Rút hay đánh tiếp ?

ĐỒNG thời với chiến thắng khá to lớn ở Tchépone của quân ta một số báo chí quốc ngoại và quốc nội đã đặt ra một câu hỏi khẩn cấp mà mọi người ai cũng thấy cần thiết. Câu hỏi đó là : Cuộc hành quân đã đạt được mục tiêu, quân ta đã phá tan nhiều kho vũ khí, tiếp liệu, địch chết nhiều v.v. vậy thì khi nào thì quân ta rút về nước ?

Nhiều tờ báo Saigon tự nhiên làm lớn vấn đề này, chạy tít 8 cột cần thận, khiến cho độc giả mới liếc qua phải giật mình, tưởng quân V.N.C.H sắp rút hết về tới nơi. Sau đọc kỹ, mới hay ký giả các báo nọ chỉ mới đề nghị mà thôi với lý luận rằng việc rút lui như vậy sẽ tránh cho ta sự sa lầy và mất chính nghĩa.

Mới đây, Phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ trong một dịp đi thăm chiến sĩ vùng giới tuyến, cũng đã tuyên bố tương tự những tờ báo nói trên : Ông nói, đã đến lúc chấm dứt các cuộc hành quân Lào để các chiến sĩ có thể nghỉ ngơi sau một tháng mệt nhọc.

Nhưng dường như ý kiến của các tờ báo nêu trên và nhất là của Phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ đã không được nghe theo, ít ra là trên phương diện chính thức. Thật vậy, những lời úp mở của các giới chức thẩm quyền đã xác nhận rằng sau khi giai đoạn hai của cuộc hành quân hoàn tất, thì chúng ta bước sang... giai đoạn 3. Người ta không biết được mục tiêu của giai đoạn 3 là đâu, nhưng chắc chắn giai đoạn 3 sẽ được phát khởi. Những tin tức về việc Q.L.

V.N.C.H có thể rút quân khỏi Hạ Lào đều bị Văn Phòng Tổng Thống cải chính. Tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Sư Đoàn I Bộ Binh tuyên bố với báo chí : Chúng tôi sẽ ở lại vùng này cho đến mùa mưa ; tức là cho đến tháng Tư 1971. Lời tuyên bố này phù hợp với lời tuyên bố sau này của Bộ Trưởng Quốc Phòng Hoa Kỳ Melvin Laird trong một cuộc phỏng vấn ở Hoa T. Đồn, theo đó phần trọng yếu của QLVNCH sẽ rút khỏi Lào trước đầu mùa mưa. Trung Tướng Hoàng Xuân Lãm, Tư lệnh cuộc hành quân, cũng nói là mục tiêu đã hoàn tất nhưng QLVNCH vẫn sẽ tiếp tục lùng kiếm các kho dự trữ của địch để phá hủy. «Chúng tôi có ý định chuyển quân tới các vùng khác để tìm kiếm», ông cho biết như vậy.

Như vậy rõ ràng là Quân lực VNCH sẽ lưu lại Ai Lao ít nhất là một tháng nữa để thực hiện giai đoạn 3 của cuộc hành quân. Và chắc chắn ngày rút quân cũng sẽ tùy thuộc ít nhiều vào mục tiêu và kết quả của giai đoạn 3 : nếu mục tiêu của giai đoạn 3 là cắt lộ 23 từ Muong Phine tới thì việc rút quân có lẽ sẽ thực hiện dễ dàng, còn nếu mục tiêu là đột kích Vinh hay Đồng Hới, thì việc rút quân đương nhiên sẽ tùy thuộc phản ứng của BV và Trung Cộng. Thật

là rắc rối.

Hà Nội đối lập trường

KHÔNG hiểu có phải vì sự lấn lướt của QLVNCH tại cả ba chiến trường Việt, Miên, Lào, hay vì thế kẹt về đường dây tiếp tế cho «chiến trường lớn» ở Nam Việt Nam và Kampuchia, mà mới đây nhà cầm quyền Hà Nội đã phát ngôn một cách bừa bãi rằng sẽ không bên nào thắng bằng quân sự trong chiến tranh V.N

Nếu lời phát ngôn trên do bất cứ một nhân vật nào khác không phải là người của Hà Nội đưa ra thì chẳng có gì là lạ cả. Nhưng ở đây chính nhà cầm quyền BV đi nói với các nhà ngoại giao ở Hà Nội, thế mới lòi thối.

Cái lòi thối thứ nhất là dân chúng và binh sĩ BV sẽ hoang mang vô kể, nếu lời phát ngôn này lọt vào tai họ. Từ bao lâu nay, bác Hồ nhà ta vẫn dạy dỗ dân chúng về cái lập trường chắc như đinh đóng cột của mình là «phe ta» sẽ chiến thắng dù phải mất 20 năm. Và khi Hồ Chủ Tịch theo Mác, theo Lê Nin về châu thổ, các vị đàn em vẫn tiếp tục noi theo lập trường sắt đá đó để hành động. Vậy nay, họ sẽ ăn nói làm sao cho trôi về cái khoản «thay đổi vào giờ chốt vì lý do... kỹ thuật như vậy».

Cái lỗi thôi thứ hai là đàn anh của CSBV sẽ mất mặt với thế giới khá nhiều. Nga thì còn đỡ, vì tuy giúp đỡ BV rất nhiều nhưng không ở cạnh BV và lại còn bận bịu ở Âu Châu, Trung Đông. Chứ còn Trung Cộng, ở cạnh đàn em, đã hứa sẽ chi viện đầy đủ, bắt đàn em cứ đánh tới... người Việt Nam cuối cùng, thế mà để cho đàn em phát ngôn bừa bãi thì kệt quá.

Cái lỗi thôi thứ ba là của... V.N.C.H! Vì B.V lên tiếng như vậy, hẳn muốn nhấn khéo với anh Mèo là tôi mềm rồi đó, liệu mà hện hò, đi đêm, ăn chè ăn cháo gì gì đi là vừa. Rút cuộc, nếu cuộc ăn chè kết thúc trong tho thối hân hoan, V.N.C.H có thể bị anh đồng minh lớn của mình dọa cúp cái này cái nọ để bắt phải bóp bụng theo sự thỏa thuận giữa anh ta và địch. Lúc đó thì hết thuốc chữa!

Hung Thần Calley đã bị xác nhận tội trạng

Vụ thảm sát Mỹ Lai, một đề tài sôi động và giạt gân nhất trong năm vừa qua, một đề tài ăn khách đến độ có một đạo cả một đạo quân báo chí Mỹ suốt ngày chỉ lo chia nhau đi các quận miền Trung để moi móc xem còn vụ thảm sát nào nữa không, rồi tung nhiều tin vịt động trời, lâu nay đã thấy chim

dẫn trong quần lãng. Các phiên họp để thẩm tra bị cáo, những lần triệu tập nhân chứng, thăm vấn, khám nghiệm v.v... kéo dài mãi làm cho sự chú ý của dân chúng cũng giảm dần.

Đến nay, sau bốn tháng điều tra gay go ở Fort Benning (tiểu bang Georgia) chính phủ Hoa Kỳ đã tuyên bố quả thật Trung Úy William Calley đã phạm tội bắn chết một số đàn ông, đàn bà, trẻ con và trẻ sơ sinh trong vụ thảm sát Mỹ Lai cách đây ba năm.

Theo tin các thông tấn ngoại quốc, Đại Úy Aubrey Daniel biện, lý Tòa án Quân sự, nói rằng một số người VN đã bị lừa xuống một cái mương và do chính Calley và tiểu đội của ông ta hạ sát. Chính quyền tố cáo rằng 70 dân làng Mỹ Lai đã bị giết vào ngày 16-3-1968. Trước đó, độ 30 người hay hơn nữa đã bị hạ sát do lệnh của Calley.

Chiếu theo luật lệ, Calley đã bị tố cáo cố ý hạ sát 102 người và có thể bị án tử hình.

Biện lý Daniel tuyên bố rằng trong các phiên thẩm vấn Calley không nhận đã hạ sát 30 người trước ngày 16/3/68. Nhưng ông ta dựa vào những lời cung khai của các nhân chứng cho biết là họ đã thấy Calley bắn vào các dân làng.

Biện lý Daniel còn cho biết

không hề có tiếng súng từ trong Mỹ Lai bắn ra khi Calley và binh sĩ của ông ta tiến gần tới nơi đó. Họ không tìm thấy VC đâu cả. Trước mắt họ chỉ là những người đàn ông, đàn bà, con nít và trẻ sơ sinh không có khí giới tự vệ.

Vụ án này sẽ đưa ra xử vào một ngày gần đây. Calley có thể bị tử hình, nhưng từ lâu người ta được biết có một phong trào vận động để dự luận Mỹ có cảm tình với Calley và ảnh hưởng đến sự xét xử cũng như ảnh hưởng vào lời khai của các nhân chứng. Có cả những tờ báo đăng lời tự thuật hiển lành của Calley, có những chương trình Ti Vi nói

khéo hộ Calley.

Chính phủ Mỹ sợ phong trào này ảnh hưởng đến sự vô tư của luật pháp, nên trong lần xác nhận tội trạng của Calley, các bồi thẩm quân nhân, những người quyết định Calley có tội hay không, đã phải khăn gói vào sống biệt lập trong Fort Benning và trong thời gian sắp luận tội, họ bị cấm nhiều thứ, trong đó có việc coi Ti Vi.

Bây giờ thì Calley đã bị xác nhận có tội. Sự kiện này chắc hẳn sẽ làm hài lòng những phong trào chống Mỹ ở VN và giúp các nạn nhân được ngậm cười nơi chín suối.

••

Café Meilleur Goût

Thơm ngon đặc biệt. Nổi tiếng nhiều năm trên thị trường.

Cửa giới sành điệu. Có bán sỉ và lẻ khắp nơi do xưởng rang tại 242 đường Tôn Đức Khánh-Hội

Chi nhánh: 124 Pasteur

135 Hàm Nghi SAIGON



Thử tài của bạn

• ĐẦU BÉP

• Bạn hãy đoán thử

1.— Nếu một con ruồi được nở lớn 1 tỷ lần hơn, thì nó sẽ lớn đến độ nào ?

2.— Nếu có một sợi dây thép dài được đặt vòng quanh trái đất theo đường xích đạo, và được đặt sát mặt đất, thì chiều dài của nó sẽ tăng thêm bao nhiêu nếu ta nâng sợi dây lên cách mặt đất 3 tấc ?

• Bạn có khiếu về Vật lý không ?

1.— Chúng ta có một lồng sắt và một con chim trong đó. Cái lồng nặng 1kg700 và con chim nặng 100gram. Nếu con chim đậu trên cành cây bắt ngang qua lồng, thì dĩ nhiên cả hai cân nặng 1kg800, nghĩa là nặng bằng hai sức nặng cộng lại. Nhưng nếu giả thử con chim bay vòng vòng trong chiếc lồng, thì chiếc lồng sẽ cân nặng bao nhiêu ? Sức nặng của con chim sẽ không ảnh hưởng gì đến chiếc lồng, mặc dù nó ở trong lồng, hay là cả hai vẫn cân nặng 1kg800 ?

2.— Một con khỉ con bám vào một chiếc ròng rọc, đầu dây bên kia là một quả cân. Trọng lượng của con khỉ và quả cân bằng nhau, nên nếu con khỉ không động đậy gì hết, thì còn khỉ và quả cân nằm ngang nhau. Nhưng giả thử con khỉ bắt đầu bám sợi dây leo lên, thì quả cân bên kia sẽ tuột xuống hay lên cao ?

• Bạn hãy tính cái này trong vòng năm phút

Bảy sĩ quan đứng một hàng để được gắn huy chương, người cao cấp nhất đứng phía bên trái. Nếu được biết sĩ quan cao cấp nhất mang cấp bậc Đại Tá, bạn hãy cho biết những vị sau đây mang cấp bậc nào và đứng chỗ nào.

Số 263

PHỎ THÔNG

15

Nguyễn có cấp bậc cao hơn Phúc.

Ánh có cấp bậc cao hơn Bách và thấp hơn Đức.

Can có cấp bậc bằng với Ích, nhưng lại thấp hơn Đức và cao hơn Ánh.

Phúc có cấp bậc cao hơn cả Ích lẫn Đức,

☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

• Ai là kẻ sát nhân ?

Ba tuần trước đây có 5 người ngồi tranh luận về chiến tranh. Một trong 5 người đã nổi giận rút súng bắn một người khác cũng trong bọn. Theo những dữ kiện sau đây, bạn có thể tìm ra được kẻ sát nhân là ai không ?

Đức đánh quần vợt liên tiếp 5 trận với một trong số những người vô tội sáng hôm qua.

Kẻ sát nhân là anh của An ; An và kẻ sát nhân đã sống chung từ bé tới lớn.

Ước rất thích nghiên cứu toán học.

Sung, vốn là một tay quần vợt có hạng, cũng là một tay chuyên môn đánh bài.

Kẻ sát nhân bị mổ ruột dư cách đây 10 ngày.

Ban gặp An lần đầu tiên cách đây 4 tuần.

An đã sống tại nhà mẹ anh ta kể từ khi án mạng xảy ra. Đức vốn là một tay dương cầm giỏi.

Ban và Sung đánh bài với nhau cách đây 2 hôm

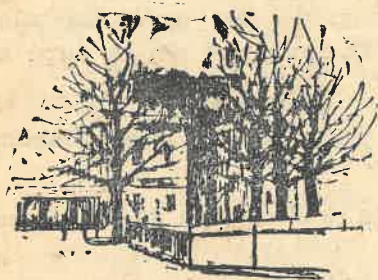
(Xin so sánh lời giải của bạn với lời giải của chúng tôi ở trang 18)



phở thông

đó
đây...

• VIÊN VỌNG KÍNH



• MIỀN NAM PHI CHÂU

có một bộ lạc có tục lệ đáng khen là rất ghét những bài diễn văn dài dòng. Họ đặt ra một thông lệ, mỗi diễn giả khi lên diễn đàn phải đứng một chân đọc diễn văn, và khi nào máu dồn xuống khiến chiếc chân kia bị chạm đất thì bắt buộc diễn giả đó phải chấm dứt bài diễn văn.

• BÁC SĨ HERBERT MC.

Lean Avans, người đã khám phá ra sinh tố E hồi năm 1929 đã từ trần, hưởng thọ 88 tuổi. Ông đã

tắt thở hôm thứ bảy vì bệnh tim tại bệnh viện Alta Bates sau một cơn bệnh lâu dài.

Công dụng của sinh tố E được tìm thấy trong các hạt lúa mì, vài loại hạt giống và rau khác nhưng chưa được xác định rõ. Sinh tố này rất cần thiết để tái tạo các sinh vật và duy trì những bắp thịt ở tim và đầu. Tầm quan trọng của sinh tố E trong việc dinh dưỡng chưa rõ nhưng chắc chắn là người ta cần đến sinh tố này.

• TRUNG CỘNG VỪA

phóng một vệ tinh không gian thứ hai, bay vòng địa cầu mỗi lần 106 phút, Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ loan báo như vậy. Vệ tinh này, do một hệ thống của Bộ Chỉ huy Phòng không tại Bắc Mỹ theo dõi, đã bay vào quỹ đạo cao từ 1.770 đến 260 cây số. Ngũ giác đài cho biết không thể xác định được sứ mạng của vệ tinh. Vệ tinh này được phóng đi hồi 12 giờ 15 giờ quốc tế căn cứ Shuang-Cheng-Tzu tại miền Trung T.C như kỳ phóng lần đầu. Ngũ giác đài cho hay một phi công Mỹ đã thấy vệ tinh bay lúc lái phi cơ trở về Hàng không Mẫu Hạm Kitty Hawk sau một phi vụ tại Đông Nam Á. Ông cho biết là ông đã thấy một vết mờ từ vệ tinh hướng về phía Bắc ở cao độ.

• TÂN TÔNG THỐNG CHI-

Li vừa bỏ nhậm một thi sĩ vào chức vụ Đại sứ tại Pháp; đó là Pablo Neruda, 66 tuổi, chuyên ca ngợi bình dân và cách mạng bằng thi ca được kể là một nhà thơ lỗi lạc nhất của Châu Mỹ la tinh. Xuất thân từ một gia đình thợ hỏa xa, Pablo đã được giải thưởng Lénine giải thưởng cao nhất trong Đảng Cộng sản Chi Li được kể là đảng thứ 3 tại thế giới, tự do (sau đảng Ý và Pháp)

Thật sự. Pablo tên thật là Ricardo Eliecer Neftali Reyes y Baoalto nhưng năm 1920 ông ta đã lấy bút hiệu Pablo Neruda để tỏ lòng ngưỡng mộ nhà thơ Tiệp, tác giả của tác phẩm «Hoa trên nghĩa địa».

• BA DELORES PULLARP

Johnson, người đàn bà cao nhất thế giới đã trải qua một cuộc giải phẫu óc tại Houston; với chiều cao 2m49 của bà, người ta phải dùng tới 2 bàn mổ để giải phẫu.

Trong cuộc giải phẫu lâu 7 giờ các bác sĩ đã lấy ra một cục bướu khiến một hạch nhót sản xuất quá nhiều kích thích tố tăng trưởng, Một phát ngôn viên thuộc bệnh viện Methodist ghi nhận là tình trạng của bà Johnson hiện rất khả quan.

Bà Johnson, 24 tuổi, sinh quán tại Quincy thuộc tiểu bang Louisiana, nặng 195, 5kg. Bà làm việc trong năm tháng tại một gánh xiếc lưu động với những màn giúp vui mang tên là «người khổng lồ». Chồng bà Johnson là ông James Johnson cao 1m85 và là một người trông coi trong đoàn xiếc.

• TÒA THÁNH VATICAN

vừa cho biết bất đồng ý kiến với cựu Tổng giám mục địa phận Canterbury và nói rằng những cuộc «kết hôn thử» là sai lầm với bất cứ hình thức nào.

Đức cựu Tổng giám mục đã đề nghị là các cặp vợ chồng trẻ định lấy nhau nhưng không có phương tiện lập gia đình ngay nên làm lễ đính hôn và sau đó việc làm tình sẽ được coi như hợp lệ.

Đề nghị của ông tiếp theo đề nghị của một nhóm nghị viên tiểu bang Maryland (Hoa Kỳ) nhằm biến cuộc hôn nhân thành một hợp đồng có thể tái hạn ba năm một lần.



GIẢI ĐÁP

đố vui trang 15

• Bạn hãy đoán thử

- 1.— Con ruồi sẽ lớn bằng mặt trăng,
- 2.— Dài hơn... 1 mét 8!

• Bạn có khiếu về vật lý không?

1.— Nếu con chim bay trong lồng thì cả 2 chỉ cân nặng 1kg7, bởi lẽ: hơi gió do cánh của con chim đập đập lúc đang bay sẽ tạo nên một áp lực, nhưng áp lực này thoát hết ra ngoài vì lồng sắt trống. Nếu con chim bị nhốt trong một hộp đóng kín, thì dù con chim chỉ bay chứ không đậu hẳn xuống đáy hộp, cả hai vẫn cân nặng 1kg8, nghĩa là bằng sức nặng của cái hộp và con chim cộng lại.

- 2.— Quả cân sẽ đi lên.

• Bạn hãy tính cái này trong vòng 5 phút:

Nguyễn ☐	Phúc ☐	Đức ☐
Đại Tá	Trung Tá	Thiếu Tá
Can và Ích ☐ ☐	Ánh ☐	Bách ☐
Đại Ủy	Trung Ủy	Thiếu Ủy

• Ai là kẻ sát nhân?

Sung đã giết Ước!

Đức không thể là kẻ sát nhân vì anh ta vừa đánh 5 trận quần vợt liên tiếp, trong khi kẻ sát nhân bị mồ ruột dư từ 10 ngày trước, nên không thể đánh quần vợt được.

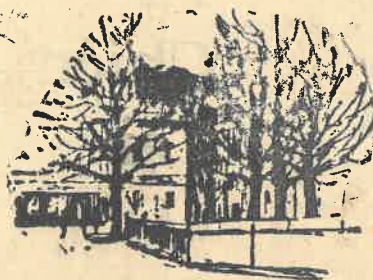
An không phải là kẻ sát nhân vì là em của kẻ sát nhân.

Ban không thể là kẻ sát nhân được vì anh ta mới gặp An! Đầu tiên cách ngày án mạng có 1 tuần.

Vậy chỉ còn Sung và Ước. Nhưng vì ta thấy Sung là có chứng cứ hiển nhiên còn sống (đánh bài với Ban cách đây 2 hôm, vậy anh ta phải là kẻ giết Ước).

NHÂN TIN.— Bạn Loan Anh, mời bạn đến văn phòng trong những giờ làm việc.

N.V.



ĐA TẠ

Tôi vẫn là tôi của tám năm
Tám năm bờ ngõ kiếp tơ tằm
Tám năm lạc lỏng từng phiên chợ
Người vô tình nên vẫn lặng câm

Tôi đâu dám trách, chỉ buồn thôi
Phận bạc làm sao dám sánh đời
Tài mọn xui người thêm lạnh nhạt
Buồn kia tôi biết chỉ riêng tôi

Gần một năm dài tôi xót xa
Ngày qua tháng lại lệ phai nhòa
Người xa xăm quá Người đâu biết
(Thơ vẫn ngọt ngào, vẫn thiết tha)

Nhưng thơ không điem nụ cười tươi
Chưa thấu hồn thơ của một người
Chưa dịu lòng tôi trong giây phút
Nên còn cay đắng mãi riêng tôi

Tôi vẫn đợi chờ một tiếng Tor
Mà Người muôn thuở vẫn ơ hờ
Và đây lần cuối lời Đa Tạ

Xin tạm biệt Người, tạm biệt Thơ

MÂY BIÊN THÙY

tường trình
của
phổ thông

Quay lại cuốn phim đầy đủ
và sống động nhất về các
trận ác chiến oai hùng của
chiến sĩ Nhảy Dù và Thiết kỵ
VNCH tại ngọn đồi 31.

• CAO ĐẮC BỬU

ĐẠI Tá Nguyễn văn Thọ.
Chỉ Huy Trưởng Lữ Đoàn 3
Nhảy-Dù, là một sĩ quan cao cấp
nổi tiếng trong binh chủng của
ông. Tuổi trạc tứ tuần với gần 20
năm trong quân ngũ, ông được

Tử
Chiến
Tại
«Đồi
Máu»

biết như một trong những vị chỉ
huy can trường nhất và được
nhiều huy chương nhất, thuộc Sư
Đoàn Dù. Trung Tướng Dục Quốc
Đổng, Tư Lệnh Sư Đoàn, xem
Đại Tá Thọ như cánh tay
mặt của mình.



Số 263

PHỔ THÔNG

21

Lữ Đoàn của Đại Tá Thọ được
đưa ra Đông Hà vào giữa tháng 2
năm 71 theo kế hoạch hành quân
Lam Sơn 719. Ngày 20 tháng 2
năm 1971, sau 5 ngày chờ đợi,
Đại Tá Nguyễn văn Thọ nhận
được lệnh di chuyển Lữ Đoàn 3
đến đèo Lao Bảo và tại đây binh
sĩ của ông được trực thăng vận
qua Lào. Địa điểm đổ quân là khu
vực đồi 31.

Tử Thần rình rập

L ữ Đoàn 3 Nhảy Dù khi đến
nơi liền phân tán như sau: Bộ
Chỉ Huy nhẹ Lữ Đoàn, Đại Đội
33 (thuộc Tiểu đoàn 3) và một
Pháo đội 6 khẩu 105 ly đóng ở
đồi 31. Đại đội 34 đến đóng ở
một ngọn đồi bên trái gần đó. Các
Đại đội còn lại của Tiểu đoàn 3
là Đại đội 31, 32 đến lập căn cứ
tại đồi 30. Còn hai Tiểu đoàn 2, 6
thì đóng xa hơn, nằm sát đường
mòn Hồ Chí Minh.

Đại Tá Nguyễn văn Thọ ra lệnh
cho binh sĩ lập ngay vòng đai
phòng thủ khi vừa đổ trực thăng
xuống, vì ông biết địa thế vùng
này bất lợi cho binh sĩ của mình.
Khí hậu ở đây rất độc địa, ban
đêm lạnh cắt da, ban ngày nóng
như thiêu đốt. Thế đất toàn đồi
núi trùng trùng điệp điệp chỉ có
hai ngọn đồi 30, 31, là cao nhất,
trong đó đồi 31 cao đến 545 thước.
Hai ngọn cách nhau độ 3 cây số,
đồi 31 xa biên giới Việt Nam hơn
đồi 30.

Quân Bắc Việt làm bá chủ khu
vực này đã lâu. Họ đã quá quen
thuộc với địa thế hiểm trở và họ
lẩn sàng chờ đợi một trận đụng

độ. Đại Tá Thọ cũng biết điều đó.
Kể từ lúc ông đổ quân xuống vùng
này và tung ra những trung đội
tuần thám, đã có những cuộc
đụng độ lẻ tẻ xảy ra. Thế
nhưng ông không ngờ là
quân Bắc Việt tập trung ở đây
đông hơn sự tưởng tượng của
ông. Thật vậy, vì thời tiết xấu,
phi cơ quan sát không thấy được
sự chuyển quân nên Đại Tá Thọ
không được thông báo về quân số
địch thực của địch. Trên thực tế
quân số của địch đã lên đến 12 K
(K chỉ đơn vị cấp Đại Đội của
Cộng Sản), tức hơn một Trung
Đoàn, và đã vây kín lực lượng
ít ỏi của Đại Tá Thọ.

Trận ác chiến đầu tiên.

Q UÂN Cộng Sản Bắc Việt
im lặng trong 4 ngày liên tiếp. Họ
dự định sẽ tấn công vào chiều
25-2. Nhưng mới sáng ngày 25-2
quân Dù đã phát hiện được sự có
mặt đông đảo của địch quân chung
quanh căn cứ. Lập tức lệnh báo
động khẩn cấp được ban ra, binh
sĩ đều trong tình trạng sẵn sàng
ứng chiến. Đại tá Thọ vội gọi
ngay Đại đội 34 rút về để tăng
cường việc phòng thủ.

Nhưng đã quá trễ, Đại đội vừa
di chuyển về cách đồi còn 200
thước thì cuộc tấn công của địch
phát khởi. Lúc đó là 13 giờ 30.
Đại đội Dù rơi đúng vào vị trí
mong muốn của địch: địch có ý
định một mặt chặn đánh đoàn
quân đang di chuyển, một mặt tấn
công vào căn cứ trên đồi, để quân
ta bị phân tán lực lượng và không
tiếp cứu nhau được.

Chiến thuật chính của Cộng quân trong trận này là chiến thuật «tiền pháo hậu xung» cộng thêm với chiến thuật biển người, quyết lấy sức mạnh và số đông để tiêu diệt quân ta. Mở đầu họ pháo kích như mưa vào đồi 31, đồng thời xua 21 chiến xa lội nước PT 76 và chiến xa hạng trung T34 do Nga Xô chế tạo ào ạt đánh vào hai lực lượng ta.

Địch cũng sử dụng tối đa hỏa lực súng lớn như B40, B41, thượng liên Trung Cộng và đặc biệt là loại súng phun lửa, để phá hủy các chướng ngại vật và làm nao núng tinh thần quân Dù.

Nhưng họ đã lầm. Chiến sĩ Dù rất bình tĩnh, chống trả cuộc tấn công của địch một cách tài tình, hàng loạt hàng loạt lính Bắc Việt ngã gục trước họng súng của các chiến sĩ thiện nghệ. Tuy vậy, vì địch quân đông như kiến, bị cấp chỉ huy xua ra thì mạng không chút tiếc thương, cộng với lực lượng chiến xa lũ lượt tiến tới, nên đại đội 34 thấy cần phải mở đường máu về đồi 31 để cố thủ vững chắc hơn. Và đại đội 34 đã thực hiện được ý định đó, với ít nhiều tổn thất.

Lực lượng trên đồi vào lúc đó chỉ còn khoảng 200 tay súng có thể tác chiến. Đại tá Nguyễn Văn Thọ không chút sồn lòng, ông vừa đốc thúc binh sĩ cầm cự vừa chờ đợi phi pháo tiêu diệt địch.

Mất yểm trợ phi pháo

KHI trận đánh vừa bùng nổ, phi cơ quan sát đã có mặt và gọi

ngay phi pháo yểm trợ. Một lát sau 3 chiếc Phantom F-4 của Hoa Kỳ, nhiều trực thăng vũ trang đến tấn công đoàn chiến xa địch. Các phi cơ này hoạt động khá hữu hiệu vượt được màn lưới cao xạ để tiêu diệt từng chiếc PT 76 và T 34. Hàng ngũ địch quân rối loạn trông thấy. Binh sĩ Dù thừa dịp tiêu diệt các lính bộ chiến đang ở dưới chân đồi, ai cũng tin rằng tình hình sẽ thuận lợi cho quân ta.

Nhưng, khi 3 chiếc Phantom hạ đến chiếc chiến xa thứ 8 thì một chiếc trúng đạn rớt xuống đất. Và thật là bất ngờ, các phi công Mỹ trên các phi tuần còn lại tự nhiên ngưng yểm trợ để bay đi cứu viên phi công ngộ nạn. Chiến trường đang nghiêng ngả nhờ phi pháo, bỗng nghiêng hẳn về phía địch vì nhờ không bị bom đạn trên đầu, chiến xa địch có thể tiến nhanh lên đồi. Các binh sĩ Dù trên đồi đều lấy làm phẫn uất trước sự thiếu suy nghĩ của các phi công Mỹ, đã không đếm xỉa gì tới sinh mạng quân Việt Nam và kết quả chiến trường mà chỉ lo đi cứu một cá nhân bị nạn. Ai ai cũng thấy rõ nếu sự yểm trợ phi pháo tích cực như lúc đầu thì quân địch đâu dễ gì tiến nhanh được. Viên phi công V.N trên phi cơ quan sát đã khóc tức tưởi khi thấy các phi cơ Mỹ bỏ đi như thế.

Địch tràn ngập đồi

TUY vậy chiến sĩ Dù không nao núng, vẫn tiếp tục chiến đấu trong tình cảnh tuyệt vọng. Ai nấy cũng bắn đỏ cả nòng súng, bắn đến hết đạn Địch quân chết

vô số, nhưng nhờ có chiến xa còn lại, chúng vẫn tiếp tục tiến dần về phía đỉnh đồi. Sáu khẩu đại bác của pháo đội Dù cũng hoạt động quá sức của chúng, đến nỗi lần lượt rơi vào tình trạng không sử dụng được.

Binh nhất P. thuộc lực lượng đồi 31 là một trong những xạ thủ bắn dữ dội nhất ở tuyến phòng thủ. Anh đã từng đụng trận nhiều lần nhưng chưa bao giờ lại thấy lính Bắc Việt xung phong liều mạng bằng lúc này. Bọn họ gần như là cuồng tín, tràn lên như ong vỡ tổ. Trước mắt binh nhất P. họ là những cái bia quá dễ bắn. Anh không cần nhắm bắn từng người, chỉ cần bắn bừa cũng hạ địch như rạ. Những xác lính Bắc Việt nằm che cả hàng rào kẽm gai, vậy mà những người sau vẫn xung phong, dẫm lên xác đồng bọn mà đi. Sau cùng binh nhất P đành áp dụng chiến thuật bắn một tràng đạn, rồi hụp đầu xuống tránh đạn, chờ cho lớp khác xung phong lên, lại nâng lên bắn tiếp. Cứ thế anh hạ không biết bao nhiêu tên địch. Thấy địch chết quá nhiều, binh nhất P. cũng cảm thấy xốn xang trong bụng nhưng không thể làm gì khác hơn là tiếp tục bắn. Cuối cùng trong một lúc ngẩng lên anh bị một viên đạn AK xẹt ngang cằm. Anh được đưa qua năm chung với toán thương binh trong khi bạn bè anh tiếp tục bắn những viên đạn cuối cùng.

Con số tổn thất bên ta bắt đầu lên dần. Trước tình cảnh này: đạn hết, thời tiết xấu (không có phi pháo yểm trợ), Đại tá Thọ ra lệnh

cho một số sĩ quan, binh sĩ và thương binh phải rút về đồi 30, còn ông và một số ít chiến sĩ ở lại tử thủ cản đường quân địch. Các sĩ quan, binh sĩ và thương binh tuân lệnh, chào kính vị chỉ huy can trường và rút lui về đồi 30.

Càng ngày các chiến xa địch càng tiến đến gần đỉnh đồi. Địch quân vẫn còn đông, đang tìm cách xâm nhập Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn. Tình thế đã tuyệt vọng. Trong cơn mưa đạn rầm trời, Đại úy Lương Pháo đội Trưởng 105 ly đã quyết định trực xạ để tiêu diệt chiến xa địch. Rủi thay vào giờ chót có tổng cộng 5 trong 6 khẩu đại bác bị trở ngại tác xạ chỉ còn một khẩu hoạt động. Với sự cố gắng phi thường và nhờ kỹ thuật trực xạ chính xác, pháo đội Dù đã hạ thêm 9 chiến xa địch, kịp trước khi bị địch tràn ngập hẳn vị trí cuối cùng. Đại úy Lương đã dùng chất nổ phá hủy cả 6 khẩu đại bác và anh đứng tự sát để khỏi lọt vào tay quân thù.

Bây giờ quân Bắc Việt đã tiến sát tới các hố tác chiến của quân Dù. Trời chợt tối hẳn lại và đổ mưa tầm tã. Các chiến xa của địch đã dẫm lên những địa đạo phòng thủ, tiến đến sát đỉnh đồi. Trận đánh cận chiến bắt đầu diễn ra trong tiếng hò hét vang dậy. Các chiến sĩ Dù đã chiến đấu thật dũng mãnh, hết đạn thì dùng đến lựu đạn, ném hết thì dùng lưỡi lê và võ thuật đánh xáp lá cà.

Nhưng quân số quá ít ỏi, một phải địch đến mười, làm sao các chiến sĩ Dù chống cự nổi. Cho nên cuối cùng địch đã tràn ngập

đình đời. Trong đợt này một Đại úy Dù bị một toán 4 tên quân Bắc Việt bắt sống. Chúng hỏi trong hầm còn ai nữa không, ông trả lời là còn người trong đó. Ba tên vội chạy xuống hầm lục soát, viên Đại úy Dù đã dùng một thế võ Karaté đá vào hạ bộ tên cán binh Cộng Sản còn lại rồi thoát được về đồi 30.

Số phận Đại Tá Nguyễn Văn Thọ ra sao ?

ĐẠI tá Nguyễn Văn Thọ cũng đã chiến đấu đến quả lựu đạn cuối cùng như các binh sĩ của ông. Ông có vết thương ở chân từ trước và trong những ngày trời lạnh buốt ở đồi 31 vết thương của ông đau nhức trở lại. Viên cận vệ của ông lúc thấy một số binh sĩ được ông cho lệnh rút lui về đồi 30, đã xin công ông đi cùng với họ về nơi an toàn, nhưng ông nhất định không chịu. Ông ra lệnh cho viên cận vệ này theo các binh sĩ về đồi 30 luôn, anh này còn chần chờ thì ông dọa sẽ bắn nếu ở lại. Viên cận vệ đành tuân lệnh, nhưng đi được một lúc thì bị trúng đạn, rất may được đồng bạn mang về đồi 30 kịp nên sống sót.

RIÊNG về Đại Tá Thọ, thì vì sau đó Cộng quân tràn ngập ngọn đồi nên không ai biết đích xác số phận ông ra sao. Người ta hiện có nhiều nguồn tin khác nhau về vấn đề này.

Nguồn tin thứ nhất cho rằng Đại tá Thọ đã bị quân địch bắt giữ. Nguồn tin này do chính viên cận

vệ sống sót của ông thuật lại: Anh này khi về Sài Gòn với vết thương trên người đã cho biết lúc anh ta bị trúng đạn gục xuống, anh ta có quay lại và nhìn thấy bọn lính Cộng sản Bắc Việt bắt Đại tá Thọ và hạ sát Trung tá C. tại chỗ.

Tin này không được xác nhận nhưng lại trùng hợp với nguồn tin do Đài Phát thanh Việt Cộng sau này truyền đi, cho rằng Đại tá Thọ đã bị bắt giữ. Đài Việt Cộng còn truyền thanh một cuốn băng tuyên truyền mà họ cho rằng chính do Đại tá Thọ nói. Tuy nhiên, Bộ Tư Lệnh Việt Nam Cộng Hòa đã thu lại cuốn băng rồi đưa cho Trung tá Minh, em ruột Đại tá Thọ nghe đi nghe lại nhiều lần, và Trung tá Minh xác nhận đó không phải là giọng nói của anh ông.

Nguồn tin thứ hai thì cho rằng Đại tá Thọ đã tự sát khi bị quân Bắc Việt bao vây và ra lệnh cho ông hàng. Nguồn tin này do một sĩ quan kể lại, theo đó khi liên lạc vô tuyến lần chót với Bộ Tư Lệnh Hành quân Sư đoàn Dù, Đại tá Thọ đã nói với Trung Tướng Dư Quốc Đống rằng: "Trung Tướng ơi, tôi chết" rồi sau đó bên kia đầu máy im bặt. Do đó mà mọi người nghĩ ông đã tự sát.

Nguồn tin thứ ba được xác nhận chính thức là Đại tá Thọ đã mất tích. Nguồn tin càng chắc chắn hơn khi mấy hôm sau, Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù kéo đến chiếm lại đồi 31, binh sĩ đã không tìm thấy xác Đại tá Thọ. Có thể hiện Đại tá Thọ đang còn lạc trong rừng sâu Hạ Lào.

Tái chiếm đồi 31

SAU khi đồi 31 bị thất thủ ngày 25-2, Bộ Tư Lệnh cuộc hành quân Lam Sơn 719 của tướng Hoàng Xuân Lãm đã hoạch định ngay một kế hoạch phản công tái chiếm lại ngọn đồi chiến lược 31. Người được giao trọng trách trực tiếp chỉ huy cuộc tái chiếm là Thiếu Tá Phú, sĩ quan phụ tá phòng nhì Sư Đoàn Nhảy Dù. Thiếu tá Phú trạc độ 38 tuổi, người hơi gầy, để râu quai nón, nhận được lệnh điều động các thành phần Dù còn lại của Lữ Đoàn 3 ngay vào ngày hôm sau, tức 26-2. Các toán quân của ông cùng với Thiết kỵ vượt biên đến mục tiêu vào lúc xế chiều ngày 26. Đến nơi Thiếu tá Phú bố trí lực lượng của mình nằm cách đồi 31 lối 150 thước.

Trên đồi 31, khói vẫn còn bốc nghi ngút, hàng trăm xác chết quân BV cháy đen còn nằm la liệt ở sườn đồi. Lúc bấy giờ quân BV đang đóng ở trên đồi, họ thấy quân ta tới nhưng không phản ứng gì cả. Trái lại, họ còn nguy trang đề đánh lừa lực lượng ta: một số lính BV cời đồ trăn của các chiến sĩ Dù thương vong mặc vào ; khi các chiến sĩ trinh sát của ta leo lên cây cao cời áo trắng phất qua phất lại ra hiệu cho địch đầu hàng, địch cũng dơ tay vẫy vẫy khiến quân ta lầm tưởng là còn vài đơn vị bạn tử thủ ở góc đồi này.

Được tin các chiến sĩ trinh sát cho biết là dường như còn quân bạn trên đồi, Thiếu tá Phú lên viện vọng tiêu quan sát. Lúc bấy

giờ trên đồi 31, quân C.S.B.V lại dùng binh sĩ Dù hy sinh ngày hôm qua gói vào poncho đánh dấu chữ thập để đánh lừa máy bay. Trước thắng của ta, bay theo yểm trợ cho cánh quân của Thiếu tá Phú, cũng đã bay vòng quanh đồi để quan sát, nhưng vì thấy có dấu hiệu chữ thập, lại thêm địch dùng khói màu làm hiệu, khiến các phi công bỏ đi không xạ kích vì lầm tưởng quân bạn.

Trao đổi... đạn đại bác

Thiếu Tá Phú bán tín bán nghi, nhưng cuối cùng vì chưa có nguồn tin chính thức đó là địch nên ông không tấn công. Trời sụp tối, Thiếu tá Phú cho lui quân về phía Đông Nam đóng trên đồi 30. Để phòng ngừa địch quân pháo kích, các sĩ quan Thiết kỵ quyết định cho xe ủi đất đào hầm để cho thiết giáp núp tránh đạn, chỉ nhô nòng súng lên bên ngoài mà thôi. Binh sĩ thì nằm nghỉ ở các hố cá nhân hay sau lưng các xe thiết giáp. Trước khi nghỉ ngơi họ cũng lo gài mìn chung quanh đồi thật kỹ để phòng ngừa lối đánh "đặc công" của CS, trong đó lính BV không dùng súng mà chỉ ôm toàn chất nổ lao vào đám quân ta để gây thiệt hại lớn cho quân ta...

Trái với sự lo ngại của mọi người, tối hôm đó hai bên đều bất động, chiến trường hoàn toàn yên tĩnh, tưởng chừng như quân hai bên đã rút lui không còn một người nào nữa... Thiếu Tá Phú vẫn bán khoán không hiệu lực ở đồi 31 là bạn hay thù. Mấy ngày, vào lúc đó có hai binh

CHÚC MỪNG

Được hồng thiệp báo tin : 17-3-71

Em **LÊ - THỊ - TIẾN**

sánh duyên cùng cậu

NGUYỄN - THANH - SƠN

Anh Chị Bảy Phui

Chúc mừng hai em Sơn Tiến được trăm năm
Hạnh Phúc.

Các bạn yêu Văn Thơ, xin tìm đọc:

NHÀ VĂN VIỆT-NAM

1940 - 1970

do **LƯƠNG TRỌNG MINH** biên soạn

SỐNG MỚI tổng phát hành

Giá : 250\$00

sĩ Dù thất lạc trong trận đánh ở đồi 31 ngày hôm qua, đi trong rừng mãi đến bây giờ mới gặp được quân bạn, và được đưa vào trình diện Thiếu Tá Phú. Ông Phú hỏi ra mới biết toàn là địch ở trên đồi !

Thế là sáng hôm 27, Thiếu Tá Phú chờ viện binh thuộc Lữ Đoàn 1 Thiết Kỵ do Đại Tá Luật chỉ huy đến tăng viện xong rồi bàn chuyện tấn công ngay đồi 31. Bộ chỉ huy hành quân quyết định là sẽ yêu cầu pháo binh từ A lưới 2 và phi pháo bắn dọn đường, xong quân bộ chiến sẽ ồ ạt kéo sang. Lúc đó đã 9 giờ sáng. Bộ Chỉ Huy vừa quyết định xong, chưa kịp thực hiện thì bỗng chyt đạn đại bác của địch đã rót như mưa xuống quân xa. Hàng ngàn quả Sơn pháo 82 ly, đại pháo 130 ly và hỏa tiễn 122 ly thì nhau nổ liên hồi. Địch đã ra tay trước.

Trong làn mưa đạn đó, một chiến sĩ Dù đã bất chấp mọi nguy hiểm trèo lên viền vọng tiêu dùng ống nhòm quan sát phía địch, nhìn thử đại bác địch đặt ở hướng nào. Quả ống viễn kính, anh thấy một sĩ quan tiền sát pháo binh địch đang dùng máy truyền tin liên lạc với pháo binh của họ để bắn vào vị trí phòng thủ của ta.

Lập tức anh báo cho các sĩ quan tiền sát pháo binh của ta để gọi về căn cứ hỏa lực A-lưới 2 xin tác xạ vào đồi 31. Chỉ một phút sau hàng trăm quả 105 ly rót xuống vị trí địch, khiến đồi 31 gần như bốc lửa. Pháo binh địch im luôn. Cuộc trao đổi đạn đại pháo chấm

dứt, sau khi kéo dài 20 phút. Lực lượng Dù và thiết giáp của ta bị thương 40 người trong trận pháo kích này.

Trận đánh chiến xa mở màn

TIẾNG súng pháo kích vừa im được một chút thì quân CSBV bắt đầu mở cuộc tấn công bằng chiến xa. Từ phía đồi 31, lực lượng chiến xa địch gồm khoảng 25 chiếc loại T 34 và PT 76 dàn hàng ngang lù lù tiến thẳng vào tuyến phòng thủ của ta ở đồi 30. Tình hình căng thẳng đến toát mồ hôi lạnh, nhưng dù lực lượng chiến xa quá đông đảo không ngờ được, binh sĩ ta vẫn bình tĩnh nghinh chiến, vì ta cũng có chiến xa và phi pháo hùng hậu.

Chiến xa địch, có lính bộ chiến đi sau, vừa tiến vừa bắn đại bác và đại liên vào phòng tuyến chiến xa của ta đang dàn ra nghinh chiến. Một tràng đạn đại liên bắn nhằm một chiếc T41 của ta, gây thương tích trầm trọng cho viên tài xế, khiến chiến xa không chạy nữa. Thiếu úy Đà thuộc lực lượng thiết kỵ liều mạng xông lên chỉ huy chiếc T41 này, ông điều khiển đại bác bắn trúng pháo tháp và bắn đứt dây xích một chiếc T 34 khiến chiến xa địch im luôn. Một chiếc PT 76 khác chạy đầu cũng bị trúng đạn, nhưng vẫn lù lù tiến lên. Lập tức một phi tuần Phantom rượt theo thả bom lửa, nhưng bom trúng đích mà chiếc chiến xa bốc cháy của địch vẫn cứ tiến. Đường như lính thiết giáp của địch đã bị cấp chỉ huy khóa chân vào

chiến xa nên dù xe bị cháy rụi vẫn không thấy người nào nhảy ra. Thấy chiếc PT 76 vẫn tiếp tục leo trên sườn dốc, hơn 40 chiến xa và thiết vận xa của ta phải tập trung hỏa lực bắn vào, sức công phá của đủ loại đạn như vậy mới đẩy chiếc PT 76 nọ đâm vào khe đá và cháy ngùn ngụt.

Một chiếc PT 76 khác cũng bốc cháy và vẫn tiếp tục leo lên đồi như chiếc kia nếu không chặn kịp thời thì nó có thể phát nổ ở phía phòng tuyến của ta. Trước tình trạng nguy ngập ấy, một viên trung sĩ nhất Công Binh đã lạnh trí và gan dạ lái chiếc xe ủi đất của Công Binh đến hất tung chiếc PT 76 ấy lẫn long lóc xuống đồi. Thật là một chiến cụ kỳ lạ!

Thấy tình thế thất lợi, quân BV mới tung ra lực lượng chống chiến xa của mình để cứu vãn tình thế. Hơn một đại đội quyết tử chống chiến xa của địch kèm áo mưa từ sau các chiến xa địch xuất hiện và dàn hàng ngang bò lên đồi. Bọn này trang bị toàn B 40 và B 41, hô một tiếng hàng trăm lính địch nhất loạt đứng lên lao về phía Dù và Thiết giáp, trực xạ vào phía quân ta. Đạn B40, B41 bay vèo vèo trên đầu chiến sĩ ta như những khúc củi đen biết bay, may mà loại đạn này chỉ bị chạm vào đầu mới nổ nên không nguy hiểm lắm. Trong chốc lát đã có ba bốn chiếc chiến xa của ta bị đạn B40 của đại đội quyết tử địch phá hủy. Một trong mấy chiếc này chở đầy đạn, nên bị bốc cháy và sắp phát nổ.

Viên trung sĩ nhất Công Binh lại

trở lại thêm một lần nữa, lao chiếc ủi đất đến hất chiếc chiến xa này xuống. Và chiếc chiến xa đã nổ tung khi vừa rơi xuống chân đồi.

Toán lính quyết tử chống chiến xa của địch đã bị tia thừa dân, nhưng hỏa lực B40 vẫn còn gây nguy hiểm cho phòng tuyến ta. Lúc bấy giờ địch chỉ còn cách quân Dù và Thiết Kỵ độ 100 thước. Binh sĩ Dù đã bắt đầu sử dụng lựu đạn và chuẩn bị đánh cận chiến. Tuy nhiên thiếu tá Phú thấy nhiều tên địch còn ôm B40 lên đồi được, ông nghĩ phải quyết định nhờ phi pháo gấp trước khi địch xung phong sát phòng tuyến và bắn hết chiến xa của ta. Thiếu tá Phú nói như hể vác máy:

— Xin ném bom lửa xuống địch! Tuy cách có 100 thước, nhưng địch ở dưới đồi, chúng tôi ở trên đồi, thiệt hại sẽ không nhiều đâu. Chúng tôi chấp nhận sự hy sinh!

Lời yêu cầu sắt thép và can đảm ấy vẫn làm phi công bắn khoăn, vì với khoảng cách gần quá như vậy, sự can thiệp của phi cơ rất dễ gây thiệt hại cho quân bạn. Nhưng rút cuộc các phi công đều nghe theo lời Thiếu tá Phú, và kết quả thật tốt đẹp: bọn lính chống chiến xa của địch đều bị chết cháy, lẫn long lóc xuống chân đồi.

Cộng quân bắt đầu yếu thế dần. Các chiến xa T34 khá lợi hại của địch dần dần bị Phantom tiêu diệt. Cuối cùng, cộng quân không nổi hỏa lực của chiến xa, phi pháo và pháo binh đành rút lui vào rừng

sâu tuy vẫn duy trì vòng vây và áp lực đối với khu vực đồi 31. Trên bãi chiến trường còn nghi ngút khói lửa, quân ta đếm thấy có khoảng hơn 300 địch bỏ xác tại trận, 18 chiến xa bị phá hủy 13 chiếc molotova và 200 vũ khí đủ loại bị tịch thu.

Qua ngày 28-2 quân Dù bắt đầu lục soát các vùng gần chân đồi 31 tìm thêm được 50 xác cộng quân khác tịch thu thêm 3 súng cộng đồng.

Vẫn còn hận

THẬT ra, quân B.V vẫn chưa chịu thua sau trận phản công của quân ta. Các đơn vị địch vẫn duy trì vòng vây xung quanh vùng đồi 31 và từ hôm 1-3 họ bắt đầu pháo kích lại. Mỗi lần pháo kích gồm đến hai, ba trăm quả đạn đại bác. Tuy bị áp lực thường xuyên như vậy, nhưng trong hai ngày 1 và 2-3, các binh sĩ Dù của cánh quân Thiếu tá Phú cũng phải đánh liều mò lên đỉnh đồi 31 để lượm xác chết của đồng đội. Những xác chết hai ba ngày đã mục rữa, mùi tử khí xông lên nồng nặc, không ai chịu nổi binh sĩ dưới quyền của Thiếu Tá Phú đã phải lấy bao đựng gạo sấy để làm bao tay mang xác chết đồng đội.

Đến đêm 2-3, quân địch lại bắt đầu áp dụng chiến thuật biến người toan tấn công tái chiếm đồi 31.

Địch đi hàng ngang, hết lớp này đến lớp khác ào ào tiến lên... và làm mỗi ngọn cho các họng súng thiện xạ thuộc lực lượng Dù và

Thiết giáp. Nhờ ở trên cao, nên lực lượng ta bắn hạ địch rất chính xác, thêm vào đó, hỏa lực của phi cơ làm rối loạn hàng ngũ chiến xa địch và giết chết một số đồng binh lính BV. Thiếu tá Phú trong lần bị tấn công này, đã rút kinh nghiệm xương máu của trận đồi 31 lần trước nên không gọi trực thăng tải thương, tiếp tế, mặc dù chiến sĩ của ta đã chiến đấu tới ba bốn ngày liên tiếp mà không chút nghỉ ngơi và con số thương binh đã lên đến 200 người. Thiếu tá Phú biết rằng hễ một khi có một phi cơ bị rơi là các phi tuần yểm trợ đều có quyền bỏ ngang để đi cứu phi công ngộ nạn, khiến chiến trường bị gián đoạn yểm trợ và dễ bị mất thế ưu thắng. Và các loại trực thăng tải thương, tiếp tế thường bị rơi như vậy.

Với sự hỗ trợ tối đa của phi pháo, lực lượng do Thiếu tá Phú chỉ huy đã đẩy lui được cuộc tấn công cuối cùng của địch quân trước khi họ rút tàn quân đi thật xa. Sự thất bại rút lui này cũng chấm dứt trận chiến ác liệt kéo dài 8 ngày trời tại vùng đồi 31.

Trở thành một địa danh nổi tiếng

TỔNG kết tổn thất của cả hai bên trong suốt các cuộc giao tranh quanh căn cứ hỏa lực 31 trong 8 ngày trời, người ta nhận thấy địch đã bỏ ít nhất từ 1000 đến 1400 xác đồng bọn tại trận, 27 chiến xa đủ loại bị hủy diệt, 13 xe molotova cùng vô số vũ khí đạn dược bị

tịch thu. Bên ta có vào khoảng hơn 200 chiến sĩ thương vong và vài chiến xa bị đốt hủy.

Sau những trận đánh kinh hồn, Đồi 31 đã được báo chí quốc tế nhắc nhở đến nhiều như là «trận chiến bằng chiến xa lớn nhất chiến cuộc Đông Dương» ! Đại Tá Cố Văn Trường Sư Đoàn Dù cũng đã xác nhận rằng trận đồi 31 dữ dội hơn các trận đánh dữ dội nhất của chiến cuộc Triều Tiên.

Trung tướng Dư Quốc Đống thì tỏ ra rất bức mình khi có ai nhắc tới đồi 31 có lẽ vì ông quá

tiếc thương cho người bạn đã ra đi, Đại tá Nguyễn Văn Thọ.

Đó là những phản ứng chính thức. Còn phản ứng của những người đã trực tiếp tham dự trận chiến thì sao ? Đối với họ, những trận đánh ở đồi 31 là những trận đánh vô cùng ác liệt mà suốt một đời người cũng không sao quên được. Chiến cuộc Hạ Lào có thể sẽ chấm dứt nhưng những hình ảnh ấy sẽ không bao giờ mất trong tâm trí. Đối với họ, ngọn đồi 31 quả là ngọn «Đồi Máu» theo đúng ý nghĩa đích thực của nó. ••



Trên xe lửa, cậu bé tỏ ra nghịch ngợm quá sức. Cha cậu dọa

— Nếu mày không ngồi yên tao sẽ gọi người soát vé để ông ta đuổi mày xuống.

— Còn con thì con sẽ nói cho ông ta biết rằng con đã 8 tuổi rồi chứ không phải 6 tuổi như lời ba đã nói với ông ta !

Một ông hỏi người cảnh binh :

— Thưa ông, đã ba lần tôi đến tiệm hớt tóc để cạo râu, hớt tóc và mỗi lần như thế tôi lại bị mất một chiếc xe Honda, vậy phải làm sao bây giờ ?

— Vậy thì ông để râu và tóc đi, đừng hớt nữa.

Một ông năm mươi đến dự lễ thượng thọ của cụ già 100 tuổi. Khi ra về ông nói :

— Thưa cụ, cháu hy vọng sang năm cháu lại được tới dự lễ ăn mừng cụ 101 tuổi.

Cụ già đáp :

— Tại sao không ? Tôi trông cậu cũng khỏe mạnh đấy chứ !

KHÔNG GIAN

Đã phát hành toàn quốc :

NGOÀI CHÂN MÂY

● tập truyện tình yêu 7 tác giả

LÊ VĂN TRƯỚC ● NGUYỄN THỤY LONG ● KIÊM THÊM ● PHÙNG NGỌC ẦN ● PHẠM HỒ ● HỒ PHONG TRẦN VIỄN PHƯƠNG.

Những vang động tận cùng. Những xô xao đuổi theo vây bủa. Những thôn thức đầu đời ngân nga trôi đi. Những vàng son lầy lùnh đang còn hay đã tuột khỏi tầm tay.

Bạn muốn lang thang vào đền đài, đứng chân trên thành quách nguy nga một thời, lắng nghe tiếng reo gọi lời trần tình thôn thức, tiếng hát mệnh mông bênh bồng trôi xa, hay giới tìm những bóng dáng bảo ảnh nhòe nhạt của thế giới hồng hoang giữa đời hôm nay lồng lộn oi nóng, mỗi một ?

Hãy đọc :

NGOÀI CHÂN MÂY

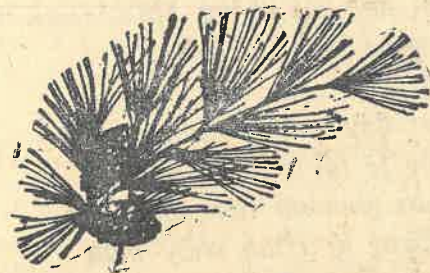
Cõi yên nghĩ bình an. Vùng trú ngụ êm ấm cho những tâm tư tìm lại đích thực đời mình.

Sẽ yên lặng đúng 30 ngày, kể từ ngày 20-3-71.
Nhưng bất ngờ sẽ nổi giận đập vỡ bờ Saigon và các tỉnh
đúng ngày 20-4-1971 :

S Ó N G

Tạp Chí Văn Học Nghệ Thuật Xã Hội
Bộ mới. Số 1

- Tiểu luận : TRẦN VĂN NAM, NGUYỄN BẮC SƠN
- Truyện ngắn : CUNG TÍCH BIÊN, LÊ VĂN THIÊN
TỪ KẾ TƯỜNG, NGUYỄN LỆ UYÊN, TRẦN HOÀI THU.
- Thơ TÀN VY, NGUYỄN PHAN THỊNH, HẠC
THÀNH HOA, TỪ THẾ MỘNG, CHU TRẦM NGUYÊN
MINH, KIM TẤN, LÔI TAM.
- Thơ dịch : BERTOLD BRECHT. HÀ THỨC SINH.
- Nhạc : Rồi Cũng Phai, VŨ THÀNH AN.
- Thời của những trái tim hồng : trang tuổi thơ do TỪ
KẾ TƯỜNG và THỤY MIỀN chăm sóc.
- SÓNG mơ : trang con gái do : LÂM BĂNG THỦY
phụ trách.
- Trước mặt sau lưng : viết về nhiều vấn đề : THỤY
MIÊN, LÊ VĂN THANH VÂN, TRẦN PHÙ THẾ, PHẠM
CAO HOÀNG, LƯU NHŨ THỤY, NGUYỄN PHƯƠNG
LOAN.
- SÓNG ngầm : viết về những cái giận mà không nói :
NGUYỄN THƯỢNG PHÚ, PHẠM NAM HẢI.
- Phỏng vấn : nhà văn VÕ HỒNG về vấn đề sách báo
thiếu nhi.
- Điện ảnh, Kịch Trường : VŨ ĐÌNH TRƯỜNG
- SÓNG Xa gần : đầy đủ sinh hoạt anh em văn nghệ,



cơn bệnh của một người

• NGUYỄN-NHƯƠNG-NHIỆM

Cơn bệnh của một người
Tiếng hú đầy lịch sử
Những vỏ sò tiêu hao
Mùa Đông ngâm trong biển
Chuyến xe lửa trở về
Không thấy con đường sắt
Ngọn gió nào ngu ngơ
Thời qua đầu núi biếc

Đầu núi nhô giữa trời
Có che tôi bóng mát ?
Cộng mây hồng đang trôi
(Nói dài thêm khao khát)

Những mãnh ly vỡ ra
Nổi sâu tôi nhọn bén
Đời ôm cánh đại bàng
Nhưng thân thu quán nhỏ

Quán nhỏ ngồi một mình
Chiếc muống nhôm làm nhịp
Tôi hát bài không tên
Em ơi em nào biết

Sợi dây thừng thảng giềng
Kéo lê tôi thảng sáu
Thời gian rải tằm tằm
Những lộ trình chảy máu

Có hoài một móng chim
Tung ra mùa hạ lớn
Viên đạn bùn thật êm
Băng băng trên dốc mồn

Chiếc ná của tuổi thơ
Đeo hoài trên bộ ngực
Những chân năm xác xơ
Trong một ngày gió bắc

Tôi khóc từ tim tôi
Ngày tháng đông lệ mặn
Quờ quạng một chỗ ngồi
Như người mù khua gậy

Cơn bệnh của một người
Nổi đau quần lịch sử
Ngọn gió độc thổi hoài
Suốt trăm năm chưa đủ.

● MỸ TRANG

HO!

Bạn hút thuốc và bạn
ho? Coi chừng ung thư
phổi!

Bà cụ Tư đã lớn tuổi nhưng vẫn còn khỏe mạnh. Một hôm bà khúc khắc ho. Tuy nhiên bà không lấy thế làm hoảng sợ. Bà mua những viên kẹo mật ong để ngậm nhưng không thấy bớt ho. Bà lại ngậm thứ kẹo ho có chất khuynh diệp và bạc hà, vẫn không đỡ hơn tí nào. Liên tiếp ba ngày sau, mỗi buổi chiều bà uống một ly rượu vang nóng rồi lên giường nằm nghỉ. Nhưng bà vẫn còn ho, và ho dữ dội hơn. Bà ra hiệu thuốc tây mua một loại si rô trị ho nổi tiếng là công hiệu từ lâu. Tuy nhiên, loại thuốc này vẫn không cho bà bớt ho tí nào. Lúc đó bà quyết định đi bác sĩ.

— Thưa bác sĩ, tôi bị ho dữ quá! Bà nói tay đập đập vô ngực.

Bác sĩ dùng ống nghe để chẩn bệnh cho bà nhưng ông không thấy gì khác lạ. Bác sĩ xác nhận là bà không bị sốt và kết luận rằng đó chỉ là một bệnh nhẹ, sau đó ông kê cho bà một toa thuốc tương đối nhẹ.

Tám ngày sau, bà cụ Tư trở lại phòng mạch bác sĩ: bà vẫn còn ho như cũ. Bác sĩ cau mày lại, ông bắt bà kể lại một lần nữa những triệu chứng của bệnh. Một ý tưởng vụt đến với bác sĩ: bà cụ này bị khó chịu ở ngực, nhưng biết đâu sự khó chịu ấy do chỗ khác đến.

Bác sĩ bắt đầu chẩn bệnh lại kỹ lưỡng hơn trước. Lần này ông nhận ra cái lưới gà chắn ở cổ họng bị sưng lên, vì thế nó nghiêng về phía sau làm cho cổ họng bị nhột nhột,

do đó mà có các cơn ho. Sau khi định được nguyên do căn bệnh, bác sĩ biên cho bà một loại thuốc nước súc miệng có tính làm săn da, mục đích để làm săn chắc các thớ thịt bị mềm. Ngay sau đó mọi việc đều êm đẹp, các cơn ho biến mất.

Những cơn ho dai dẳng và khó trị thường làm cho bệnh nhân và những người chung quanh họ lo ngại rất nhiều. Thường thường người ta nghĩ đến những sự tệ hại, nghĩa là một sự nhiễm trùng trong phổi. Cũng có đôi khi người ta cười, nói :

— Ôi dào, chuyện gì mà phải lo. Tại trời trời đấy thôi.

Lỗi nói ấy chỉ là một lỗi nói để làm bớt đi những nỗi lo âu, hay để chối bỏ những lo âu ấy.

Khắc nhỏ :
một việc cần thiết
tuy ghớm ghếc

TRÊN thực tế, cơn ho có thể có nhiều nguyên nhân khác nhau mà phần lớn các nguyên nhân ấy lại chẳng liên quan gì với hệ thống hô hấp cả. Thường xảy ra nhất là chứng ho vì sự khó chịu trong cổ họng hay phía sau cổ họng.

Có nhiều người thường cho rằng ho chỉ là hậu quả của bệnh cảm, của thời tiết hay của sự thay đổi chỗ ở. Điều này không phải là vô căn cứ.

Bệnh cảm thường gây ra chứng sổ mũi. Nhưng chất nước mũi tiết ra bởi những màng nhầy trong mũi lại không hoàn toàn

chảy ra ngoài bởi đường mũi, mà có một phần nước mũi lại chảy theo chiều ngược nghĩa là chảy vào cuốn họng, gây ra sự khó chịu. Thế là người ta ho... và người ta khắc nhỏ để tổng bớt ra ngoài cái chất khó chịu ấy. Tuy nhiên không nên có cảm tưởng bệnh cảm đã dời chỗ đến buồng phổi.

Khắc nhỏ là điều không thích hợp với phép lịch sự, vì vậy phải khắc nhỏ một cách kín đáo, nhưng dù sao thì cũng phải khắc nhỏ để tránh việc nuốt chất nước mũi ấy. Sự khắc nhỏ này có thể gây cho người ta một cảm giác nhòm tòm, nhưng thà vậy còn hơn bởi vì đó là một phản ứng tự nhiên và lành mạnh có thể nói là bắt buộc bởi thiên nhiên ; sự khắc nhỏ có thể không được lịch thiệp lắm, nhưng nuốt chất nước mũi ấy vào lại còn tệ hơn nữa !

Nếu bạn đã có con, chắc bạn cũng ghi nhận rằng nơi trẻ con, bệnh cảm thường đi liền với những xáo trộn về tiêu hóa, những cơn nôn mửa. Trong nhiều trường hợp, hiện tượng này được giải thích như sau : Trẻ con thường nuốt chất nước mũi vào bụng chất này không được tiếp nhận bởi bao tử vì thế nó bị tổng ra ngoài bằng cách nôn mửa.

Một phương thuốc xưa cũ nhưng rất hay.

TRONG cổ họng sau là thanh quản và khí quản, hay bộ phận này dễ bị nhiễm trùng và sưng đỏ lên. Chứng thanh quản viêm thường biểu lộ bằng sự tắc

tiếng, khan tiếng trong vài hôm. Cách tốt nhất nếu bị khan tiếng là bạn không nên nói gì cả cho đến khi những dây âm thanh của bạn lấy lại được giọng bình thường của chúng. Điều này dĩ nhiên sẽ gây ra những phiền phức cho bạn trong khi làm việc, nhất là khi bạn làm các nghề dạy học, điện thoại viên hay bán hàng..

Chứng khí quản viêm thường gây ra những cơn ho khan và làm cho ta hơi đau đầu ở phía sau xương ức.

Thường thường chứng thanh quản và khí quản viêm là do sự nhiễm trùng nhẹ, không liên quan gì đến việc thay đổi nhiệt độ và người ta có thể chịu đựng được không lấy gì làm đau đớn hay khó khăn cho lắm. Điều này không có nghĩa là nên coi thường chúng. Thực ra, sự nhiễm trùng có thể ăn lan tới đường hô hấp và biến chứng thành sưng phổi.

Làm thế nào để chữa trị chứng thanh quản và khí quản viêm ? Trước hết nên tránh đi ra ngoài nhất là khi trời lạnh và ẩm ướt ; sau đó chữa trị bằng một phương thuốc xưa rất hay của nhiều gia đình : sự xông hơi. Dĩ nhiên điều đó không có gì là mới lạ cả nhưng luôn luôn công hiệu. Nếu bạn không chịu được việc xông hơi thì nên tìm cách xông cho nhanh. Cách xông hơi cũng rất hiệu quả đối với chứng sổ mũi để làm cho thông mũi.

Để tránh những nguy hiểm.

NẾU cơn ho làm cho bạn đau đớn, hay nếu có kèm theo sự khắc nhỏ quá nhiều hay những cơn sốt, bạn nên đi khám bác sĩ

ngay không chậm trễ.

Tiêu chuẩn hợp ho dai dẳng, thường thường bác sĩ phải cho đi chụp hình phổi hay chiếu điện, mục đích là để xem trong phổi có những triệu chứng bệnh hay không. Ngoài ra bác sĩ còn muốn được chắc chắn về bệnh trạng của bạn để khỏi đưa bạn đến những nguy hiểm.

Việc chiếu điện cho một hình ảnh kém chính xác hơn là chụp hình bằng quang tuyến, nếu sau khi chiếu điện bác sĩ bảo bạn đi chụp hình phổi thì việc ấy có nghĩa là ông đã nhận thấy một vài điểm bất thường. Nhưng bạn không nên vì thế mà lo âu. Ở giai đoạn này, bác sĩ vẫn còn chưa biết gì cả, ông chỉ tìm cách để biết. Có thể sau đó ông sẽ kết luận một cách giản dị rằng đó chỉ là một vết sẹo của một bệnh cũ đã lành từ lâu.

Hút thuốc và ho...

CÒN có một loại ho nữa tương đối thường xảy ra song cũng không nên coi thường : đó là chứng ho của những người hút thuốc. Điều đáng tiếc là các bệnh nhân thường quen với những cơn ho một cách quá dễ dàng. Toa thuốc cốt yếu là không hút thuốc nữa, nhưng người ta vẫn cứ hút, và người ta nói rằng tôi ho là vì tôi hút thuốc và cứ như thế cho đến khi mọi việc trở nên quá muộn.

Ở đây, thực tế trình bày một đặc tính rõ ràng làm phật ý, nhưng cần nên nhìn thẳng vào thực tế hơn là tự ru ngủ với những ảo tưởng.

Thực tế có nghĩa là — theo thống kê — cứ tám người hút

thuốc thì có một người, chẳng chóng thì chầy, bị ung thư phổi.

Vậy nếu bạn hút thuốc và nếu bạn lại còn bị ho thì bạn cần phải đi chụp hình phổi. Nếu hình chụp

không cho thấy điều gì bất thường cần báo động thì rất tốt, nhưng bạn nên đi chụp lại ít nhất mỗi năm một lần: phòng bệnh hơn chữa bệnh.



Sau khi khám bệnh xong, bệnh nhân hỏi bác sĩ:

— Thưa bác sĩ tôi có thể ăn cua bể được không? Đó là món tôi thích nhất.

— Không, Ông không nên ăn cua bể.

— Thưa bác sĩ không được ăn cua bể, thế ăn trứng được không ạ?

— A, trứng thì được.

Bệnh nhân đi rồi, bác sĩ quay sang nói với cô y tá.

— Cái thằng ngu, giá nó để trứng vào câu hỏi thứ nhất thì có lẽ nó được ăn cua bể rồi.

Chiều chủ nhật, bọn trẻ họp nhau tại nhà Hùng để nổ đùa. Hùng chạy vô nói với mẹ:

— Mẹ ơi chúng con muốn chơi trò làm voi trong sở thú và chúng con muốn mẹ giúp chúng con một tí.

— Mẹ giúp được gì bây giờ?

— Mẹ đóng vai Bà đẹp và hiền văn cho voi ăn mía trong sở thú ấy mà!

— Tại sao cả nhà anh B đi học tiếng Mỹ vậy nhí?

— Tại vì anh ấy vừa xin một đứa bé Mỹ về nuôi thành ra cả nhà anh ấy phải đi học tiếng Mỹ để hiểu đứa bé nói gì khi nó lớn lên!



ADAM

và EVE

Sinh Tại Đông Phi

?

● Sự khám phá một xương hàm của loài người cách đây 2.600.000 năm tại Ethiopie và một khối cụ lâu 2.100.000 năm đã làm cho các nhà bác học bắt đầu tin chắc là con người đầu tiên trên trái đất sống tại Đông Phi

● LƯƠNG THẾ ĐÔNG

Có phải người ta đã tìm ra ngôi mộ của Adam, và phải chăng Adam là một người Phi Châu? Những thắc mắc về lý lịch của Adam có thể sẽ được sáng tỏ? Đó là những vấn đề lớn mà các nhà cổ sinh vật học ngày nay đang tìm cách giải đáp.

Ngày xưa người ta không lưu tâm mấy tới những khám phá của Darwin khi ông cho rằng những ông tổ bà tổ đầu tiên của chúng ta đã sống ở Phi Châu. Người ta không lưu tâm là phải, vì cách đây một trăm năm có mấy ai dám tin tưởng vào quá khứ và tương lai của xứ Phi Châu huyền bí với những vị phù thủy, những giống mọi ăn thịt người?

Rồi vào những năm đầu tiên của thế kỷ 20, mọi người không ngạc nhiên chút nào cả khi nghe tin đã tìm thấy ngôi mộ Adam ở ven bờ sông Dordogne, bờ sông Vézère hay ở những chỗ khác trong vùng Périgord. Sau 1920, ngôi mộ của Adam được ta gán cho là nằm ở... Châu Á và vùng Nam Dương quần đảo. nơi có những nền văn minh cao và cổ kính.

Đây là một phản ứng tự nhiên vì xưa nay mọi người vẫn cho rằng ánh sáng văn minh nguyên thủy phát xuất từ Đông Phương. Papini thì quả quyết rằng ánh sáng cũng có thể đến từ miền nam địa cầu.

Mãi cho đến gần đây, sau các cuộc khai phá hầm mỏ, các hoạt động về hải cảng và sau những sự tìm kiếm thuần túy của các nhà thông thái chuyên khảo cứu về Phi châu, hàng loạt những khám phá quan trọng đã khiến mọi người phải lưu ý đến Phi Châu, nhất là tại các vùng Đông Phi.

Một tia sáng từ PHÌ CHÂU

NG A Y nay tất cả những nhà khảo cứu về thời tiền sử đều đồng ý với nhau về việc xem Phi Châu như là nơi phải nghiên cứu để tìm kiếm dấu vết của nguồn gốc con người.

Giáo sư Arambourg xác nhận rằng « chắc chắn, chính Phi Châu là nơi mà người ta phải tìm kiếm để làm sáng tỏ vấn đề ». Trong giả thuyết thuộc về thuyết tiến hóa

hầu như nhân loại có nguồn gốc ở Phi Châu, nói đúng hơn là ở Đông Phi trong vùng xích đạo và vùng có những hồ lớn. Linh Mục Teilhard de Chardin đưa ra ba lý do chứng minh cho sự tìm kiếm ấy.

Thứ nhất, vùng này là vùng đất lý tưởng cho việc chọn lựa những con khỉ đột giả nhân mà những tánh chất giải phẫu, sinh lý và hình thể đều gần giống với con người. Không phải vì thế mà người ta suy đoán rằng con người sinh ra từ loài khỉ, nhưng đúng hơn là ở một giai đoạn nào đó của sự tiến hóa, cách đây khoảng 20 hay 30 triệu năm, những con khỉ giả nhân ấy đã có chung nguồn gốc với con người.

Lý do thứ hai là người ta đã khám phá ra rất nhiều xác giả nhân Australopithecus hóa thạch tại Phi Châu. Những sinh vật này đã đi lại bằng hai chân tại nhiều nơi trong vùng xích đạo cách đây 500.000 năm.

Những vết tích ấy cũng không đủ để người ta xác nhận chúng giống khỉ hay giống người hơn nhưng có điều chắc chắn là những con giả nhân ấy có thể đứng thẳng được và chúng sử dụng những vật dụng thô sơ bằng đá. Với hình vóc bé nhỏ khoảng từ 1 thước 20 đến 1 thước 40 trông chúng có vẻ là khỉ hơn. Không những người ta không thể xác nhận rằng loài người trực tiếp sinh ra từ những giả nhân ấy nhưng sự hiện diện của loài khỉ và loài người hầu như là đồng thời khiến người ta nghĩ rằng có thể giống khỉ

ấy vẫn còn tồn tại ngay cả khi mà những con người đầu tiên trên quả đất đã xuất hiện.

Cuối cùng, lý do thứ ba của linh mục Chardin là sự dồi dào những vết tích của kỹ nghệ đá mài là một dấu hiệu của sự phân tán rộng rãi những người thợ và những nhà chế tạo ở Phi Châu.

Một yếu tố quan trọng khác khiến người ta suy đoán rằng nguồn gốc con người nằm ở Phi Châu là khí hậu. Ở Phi Châu không có những sự thay đổi nhiệt độ xảy ra do các thời kỳ băng giá tạo nên, nhất là thời kỳ băng giá cuối cùng, khởi sự cách đây khoảng 100.000 năm và hầu như kéo dài mãi đến thời đại Tân thạch khí (từ 12000 đến 15.000 năm). Trong khi băng giá đã khiến cho Âu Châu thành một nơi không thể nào sinh sống được, thì tại Phi Châu, đó lại là những thời kỳ mưa, nghĩa là thời kỳ hết sức ẩm ướt, bị ngắt đoạn bởi những thời kỳ khô khan mà ngày nay đã biến một phần của lục địa thành sa mạc.

Những thời kỳ mưa này đã tạo ra nhiều cái hồ mênh mông mà những sự thay đổi về mực nước và diện tích đều rất lớn. Sự lên, xuống của nước trong suốt bốn thời kỳ mưa và bốn thời kỳ khô khan đã để lại những dấu vết cho phép các nhà địa chất học và các nhà cổ sinh vật học theo dõi sự tiến hóa của Phi Châu từ hai triệu năm nay.

Con người chỉ có mặt trong thời kỳ mưa cuối cùng và khuôn

mặt Phi Châu đã được tạo ra theo như chúng ta đã biết. Người ta đã tìm ra những dấu vết xưa cũ nhất cho biết sự hiện diện của con người tại một thung lũng ở Oldoway. Tất cả những gì có thể đem đến những tia sáng về các nguồn gốc xa xôi nhất của con người đều đã được khám phá ra tại Phi Châu. Những vết tích tìm ra ở Phi Châu được xem như là xưa cũ nhất, nhiều nhất và rải rác đều đặn nhất. Dù mọi thứ vết tích : những thời kỳ khác nhau của kỹ nghệ đồ đá, những xác hóa thạch của thú vật và loài người, những dụng cụ... Nếu còn một may mắn để xác định thời điểm đúng đắn về sự phát khởi của con người, thì đây chính là sự may mắn ấy vậy.

Có đúng là loài người không ?

PHẦN lớn những khám phá quan trọng về thời tiền sử tại Đông Phi là do công của giáo sư Leakey, giám đốc viện bảo tàng chuyên về thời tiền sử Phi Châu Nairobi (Kenya). Những công trình của ông cho phép chúng ta tóm tắt như sau về lịch sử nguồn gốc của con người :

Cách đây 30 triệu năm có những giống khỉ sống ven bờ hồ Victoria, trong số này có những sinh vật để lại xác đã hóa thạch mà giáo sư Leakey đã tìm thấy khoảng một trăm xác. Trong số những xác hóa thạch này có những xác của một giống mà người ta gọi là « Proconsul » và có những đặc tính giải phẫu khiến người ta nghĩ là

chúng có khuynh hướng tiến hóa thành loài khỉ hơn là tiến hóa thành loài người. Khoảng 15 triệu năm sau những sinh vật vẫn còn là khỉ, mà người ta tìm thấy dấu vết cho thấy những đặc tính khiến người ta nghĩ rằng nếu chúng không phải là tổ tiên loài người, thì chúng cũng là căn nguyên phát sinh ra loài giả nhân Australopithecus và loài người.

Giáo sư Leakey đã khám phá ra tại vùng thung lũng Oldoway, một nơi đã xuất hiện từ thời tiền sử, một xác sinh vật hóa thạch liên hệ đến những vết tích của một nền kỹ nghệ đá mài hết sức thô sơ.

Giáo sư Leakey cho rằng xác sinh vật ấy thuộc về một giống khỉ giả nhân mà ông đặt tên là Zinjanthrope. Xác ấy đã có khoảng 1.750.000 năm và rất có thể đây là một trong những người đầu tiên của nhân loại. Điều quan trọng đáng nói về giống Zinjanthrope, là sự kiện người ta khám phá ra chúng cùng lúc với những khỉ cụ.

Những công cuộc đào xới mới nhất của các cộng sự viên của giáo sư Arambourg, đã cho phép người ta định tuổi cho những khỉ cụ ấy là khoảng hơn 2.500.000 năm. Giáo sư Arambourg cách đây hai năm đã rời khỏi vùng đất mà ông đang đào xới ở phía bắc hồ Rodophe, dọc theo sông Orno phát xuất từ Ethiopie. Từ nhiều năm nay, những ê kíp nhân viên khảo cổ quốc tế đã làm việc ở đó và tạo nên nhiều kết quả đáng ngạc nhiên. Những kết quả ấy làm cho người ta phải xác định rằng khỉ cụ đã xuất hiện một

THẺ CĂN CƯỚC

Tên :

Họ :

ADAM

CHỮ KÝ :

Nghề nghiệp : **NGƯỜI ĐẦU TIÊN TRÊN TRÁI ĐẤT**

Sinh ngày : **2.600.000**

Tại : **ĐÔNG PHI**

Con của ông : **CHA MẸ**

Và bà : **KHÔNG RÕ**

Tình trạng gia đình : **CÓ VỢ**

Tên người vợ : **EVE**

Quốc tịch : **CÔNG DÂN ĐỊA CẦU**

Tâm vóc : **TÂM VÓC CỦA NGƯỜI HOMO SAPIENS**

Dấu vết đặc biệt : **XƯƠNG HÀM RỘNG VÀ CỨNG**

Hiện ngụ tại : **VÙNG ETHIOPIE**

thời gian khá lâu, trước sự có mặt của giống người «Homo Sapiens»

Chỉ mới một triệu năm

GIỐNG Zinjanthrope vẫn còn ở giai đoạn khỉ già nhân Australopithèque nhưng chúng đã tiến hóa nhiều hơn những loại khỉ giống người. Những loại khỉ giống người này thật ra chỉ là những sinh vật bốn chân. Loại khỉ già nhân Australopithèque, đi bằng hai chân và biết sử dụng khí cụ.

Ai cũng công nhận rằng loài Australopithèque qua nhiều giai đoạn tiến hóa đã dùng những dụng cụ tinh vi hơn nhau hay kém nhau. Rồi người ta lại tìm ra loại Néanderthal cũng ở Phi Châu và quay ngược về một giai đoạn trước xa thời kỳ của loại Néanderthal ở Âu Châu.

Cuối cùng giáo sư Leakey đã khám phá ra, vẫn tại Odolway, một xác sinh vật hóa thạch trẻ hơn rất nhiều, chỉ mới 1 triệu năm, mà nhiều người cho rằng đó là người đàn ông đầu tiên. Người ta đặt tên là «Homo habilis» Phi Châu. Nhiều loại «Homo habilis» khác, trẻ hơn (từ 4 đến 500.000 năm) đã được khai quật tiếp sau đó. Dĩ nhiên bốn trăm hay năm trăm xác sinh vật hóa thạch, một vài chục loại giống người khác không phải là tất cả phạm vi của sự tìm kiếm cũng như không đủ để cho phép ta kể lại lịch sử nhân loại. Những giai đoạn của sự khám phá về địa chất, sự tiến hóa của những động vật địa phương thay đổi không ngừng, những bằng chứng về sự hiện diện của trí thông

minh và nhất là từ nhiều năm nay, những phương tiện để định tuổi cho các vết tích, bảo đảm sự chính xác hơn cho mỗi khám phá.

Những dân cư của những hang động ở Âu Châu, ở Lascawx hay Font de Gaume, đã để lại cho chúng ta những tài liệu xưa khoảng 15.000 năm. Những tài liệu này liên quan đến một thời kỳ chỉ còn sự hiện diện của một giống duy nhất, đó là giống người «Homo Sapiens». Tại Đông Phi đó là nhiều giống người đã sống chung với nhau trong khoảng từ 350.000 đến 400.000 năm. Như thế lục địa của dân da đen này không những chỉ là nơi phát xuất đầu tiên của nhân loại mà cho tới những thời kỳ gần đây nó vẫn còn là nơi duy trì những nền văn minh bán khai, tiền sử.

Người Phi Châu, nhưng màu da gì?

MỘ T trong những nhà khảo cứu về thời tiền sử Phi Châu siêu việt nhất, Giáo sư C. Van Riet Powe de Johannesburg đã tóm tắt những sự quả quyết của ông trước một đại hội chuyên viên như sau: «Tôi cho rằng con người tiền triển chậm chạp từ nguồn gốc ban sơ của họ, và một khí hậu đồng nhất ở Phi Châu rất thích hợp cho sự tiến hóa con người. Rồi sau một thời gian hàng triệu năm, và do những biến đổi của địa cầu con người tản mác ra Âu Châu, Á Châu, Nam Phi. Nhưng chính Phi Châu là nơi

mà con người đã sinh ra và duy trì. Chính ở đó mà vỏ kịch tiến hóa của con người đã diễn! Và giáo sư Van Riet Lowe còn nói thêm: «Tôi phát hiện những điều trên không chút do dự. Công việc của những nhà địa chất học, tiền sử học, cổ sinh vật học tài ba nhằm chứng tỏ rằng Phi Châu là nơi những sinh vật giống loài người nhất và chính loài người đích thực từ hàng trăm triệu năm nay đã sinh sống».

Linh mục Teilhard de Chardin cũng cho rằng «hiện tượng về sự xuất hiện của loài người đã xảy ra tại Phi Châu một cách quá rõ ràng». Phi Châu, vùng đất của những tương phản, nhưng cũng là vùng đất cung cấp cho sinh vật nhiều phương tiện để sinh sống nhất, nên có thể chính Đông Phi là nơi được vinh dự có sự phát sinh của những người đầu tiên. Chúng ta

không bao giờ nắm giữ được thời gian đích xác hay những tương quan của những điều đó, bởi vì Linh mục Chardin đã nói: «những sự kiện quá khứ luôn luôn chỉ để lại cho chúng ta những vết tích của thời kỳ cực thịnh của thời đại đó, nghĩa là những thời kỳ thành công và phảng lảng. Còn những thời kỳ phôi thai ngắn ngủi ban đầu thì lại biến mất không còn một vết tích nào lưu lại cho đến thời đại chúng ta».

Adam có thể là một người Phi Châu, điều đó không có nghĩa là Adam thuộc giống người da đen. Giống da đen ở Phi Châu chỉ xuất hiện trước thời đại của chúng ta khoảng hơn 3.000 năm. Nhưng vấn đề đó không quan trọng vì không kể đến vấn đề màu da thì thể chất và đặc tính của loài người ở nơi nào và ở thời đại nào cũng tương tự như nhau. ●●



Nhân viên soát vé xe lửa hỏi một bà:

— Thưa bà, thế là thế nào? Bà mua vé đi Nha Trang nhưng tàu này chạy đi Đà Lạt, cơ mà?

— Ủa thật vậy sao? Tại sao người cầm lái xe lửa lại có thể làm lộn kỳ quái như thế.

Cô bé Na hỏi bà nội:

— Bà ơi bà, tình nhân là gì?

— Ô, Chúa ơi! Bà nội kêu lên thảng thốt, chữ đó nhắc bà nhớ đến một điều gì.

Bà đứng lên đi về phía chiếc tủ đứng lớn và mở cửa tủ ra...

Một bộ xương người ngã xuống và vỡ vụn...



cười thầm

Người cha hỏi cậu con trai :

- Con có biết tại sao cha phạt và đánh con không ?
- Thưa cha không
- Tại vì con đã đánh một đứa bé nhỏ hơn con.
- Thưa cha con nghĩ rằng điều đó được lắm chứ vì con nhỏ hơn cha.

Tại một sân khấu đang diễn trò ảo thuật, gia hỏi một em bé trong hàng ghế khán giả vừa tỉnh ngủ lên giúp ông :

- Này em, em chưa bao giờ quen biết tôi, có phải không ?
- Vâng, thưa Ba. Em bé trả lời.

Bà mẹ nói với cậu con trai nhỏ,

— Này con, đây là chị vú mới của con, con hãy đến hôn chị ấy đi.

- Thưa mẹ, con không dám.
- Tại sao vậy ?
- Con sợ chị ấy tát con như đã tát Ba ngày hôm qua !

Ông A mua cái chổi 220 đồng, hôm sau ông bán lại với giá 160 đồng. Ông lấy làm hài lòng lắm và giải thích như sau :

— Bán như thế thì tuy có lỗ chút ít ở chỗ tiền trăm, nhưng tôi được lời nhiều ở chỗ tiền chục...

Người mẹ hỏi cô con gái :

- Minh em con đâu ?
- Con nhốt nó trong tủ lạnh rồi má.
- Trời, thằng nhỏ lạnh đến chết mất.
- Ồ, má đừng có lo, con đóng cửa kỹ lắm mà.

thơ huy tưởng

ƯỚC HẸN

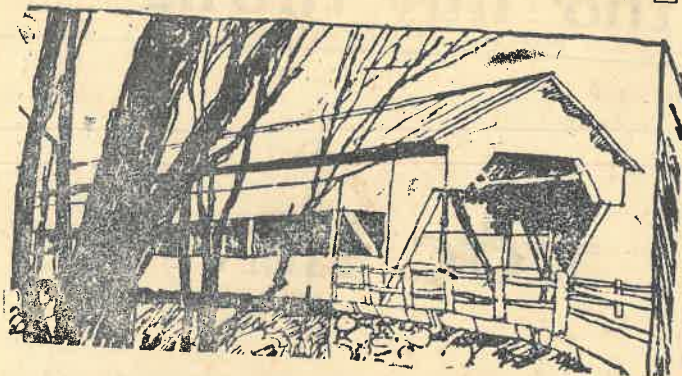
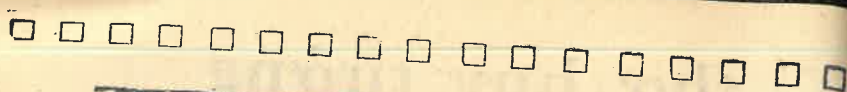
Tôi đứng hái tàn những bóng cây
Nhìn thu trái lá vẫn chưa đầy
Hai hàng cỏ biếc trắng sao rụng
Tóc dầy dựa về sau mái Tây

Em bước bàn chân trên đồi thu
Tôi nghiêng bia mộ bóng đêm gù
Thấy năm ngón nhỏ đầm lá ước
Dẫm nát hồn tôi, mộng sương tu

Gửi một cành mây về sơ nguyên
Âm vang hạt muối vỡ trăm miền
Nửa khuya ghé hỏi giòng sông cạn
Nghe đá tảng rền lời tịch nhiên

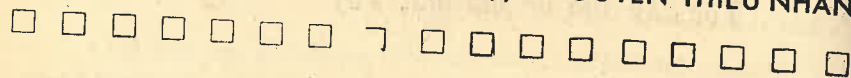
Thôi hãy quay về buổi hồng hoang
Rơi bóng chim rầy chết trên ngàn
Theo hoa với mộng thơm bờ suối
Tôi dịu em máu chảy mê hoang.

HUY TƯỜNG



KHÁCH SẠN MÙA XUÂN

• truyện NGUYỄN THIẾU NHẪN



TẤT cả những con lạc đều chăm chú theo dõi những quân bài. Trong phòng ngoài tiếng vù vù của chiếc quạt trần người ta còn nghe tiếng thở dài, tiếng chắc lưỡi, tiếng gõ gõ xuống chiếu, tiếng đánh dẹt vào đùi của các con bạc. Khói thuốc mịt cả căn phòng. Gã lấy tiền xâu hồi hộp theo từng quân bài được lật lên ném xuống mặc dù gã chẳng phải là người chính thức trong cuộc và ai thắng ai bại gã cũng vẫn là người được cuộc.

Đến lá bài thứ tư Kim Yến rút con đầm bích, Tư Quán Lý rút sập cơ, Phụng Đô La đâm chuẩn và Vũ — gã nhà báo — rút con bạc bích. Rút được đầm bích Kim Yến vừa tròn hai đôi: đôi đầm nổi mặt và đôi cùn đáy. Chưa nhà nào có đôi nổi mặt cả. Kim Yến tính nhanh: như vậy Tư Quán Lý đi già, con Phụng Đô La đi ri và gã nhà báo chắc chắn là gã thua suốt. Không mua bán gì cả, Kim Yến vừa nghĩ vừa đếm sáu tờ giấy năm trăm đây vào tiền lụng:

— Sáu tờ mới cho đôi đầm.

Tư Quán Lý nheo mắt nhìn Kim Yến:

— Bộ ca rê rồi sao mà đánh giữ vậy?

Kim Yến phả từng hơi thuốc Salem thành vòng tròn bay là là trên mặt Tư Quán Lý:

— Ca rê không cứ theo thì biết liền.

Tư Quán Lý gõ gõ ngón tay trên lá sập cơ:

— Gì mà khó tánh quá vậy, tiền làng mới có năm trăm mà đánh thêm tới ba thiên lận. Bớt đi cô Yến.

Kim Yến rút một hơi thuốc cuối cùng, dụi tàn vào cái gạt tàn thuốc:

— Không thêm bớt gì cả. Sông bài chó không phải chợ cá, có theo thì theo không theo thì thôi không ai ép.

Tư Quán Lý cười hi hi, gã nói giọng ồm ồm:

— Gì mà người đẹp khó tánh quá vậy, nếu cô nương không chịu bớt thiên nào thì kẻ hèn này cũng đành nghỉ... chơi.

Phụng Đô La háy mắt:

— Cái ông này ăn nói nham nhở vừa thôi nhé. Có theo hay không thì bảo.

Tư Quán Lý xoay ngang lá sập cơ nói, tôi bỏ rồi mà. Phụng Đô La hất hất mái tóc làm sợi dây chuyền mang đồng đô la đang đưa trên trũng ngực:

— Sì, già kít mà còn bỏ tôi sức mấy mà dám theo, bộ tiền Lèo sáo.

Tư Quán Lý phân trần:

— Bỏ hay theo là quyền tự do của mỗi người mà. Vả lại già kít sức mấy mà tôi bỏ, chẳng những theo mà còn tố lại nữa là khác.

Phụng Đô La trề môi:

— Sời ơi! ai mà còn lạ gì ông nữa. Cả thành phố này ai mà không biết ông là Tư-Bê-Tông, đánh xì phé phải đợi trùm tây người ta mới dám đánh. Tôi cá với ông năm ăn một là ván bài này ông già kít đó, dám cá không.

Tư Quán Lý bị nói trúng tây, chống chế:

— Thôi, tôi không đại. Cá là tôi ăn chắc nhưng mà ăn... là như vậy... đâu có ngon.

Phượng Đô-La nguyệt dài :

— Sí, ăn tiền chó sức mấy ăn tôi mà ngon mấy không ngon.

— Đừng có nói vợ vào... cha nội.

Kim Yến sốt ruột, gắt :

— Tởm với nhau thì mang qua phòng kẻ bên mà tởm, để cho người ta... đánh bài.

Rồi nàng quay sang Vũ :

— Ông nhà báo... có theo hay không ?

Ông nhà báo, hình như vũ đang mơ màng ở đâu, lúc nghe Kim Yến hỏi hình như gã có nhú mày rồi lật đật đáp :

— Theo chứ... tôi theo.

Gã vừa đếm tiền đầy vào tiền làng vừa nói :

— Chưa thấy thua.

Tư Quân Lý buột miệng nói :

— Vậy là... mua suốt, mua con sập.

Phượng Đô La bĩu môi :

Nước hoa HÉRA

— ĐẶC CHẾ TINH VI TỪ HOA RỪNG V.N.

— THƠM DIU DÀNG NGỌT NGÀO LÂU PHAI

— RẼ HƠN SẢN PHẨM NGOẠI QUỐC

— RẤT THÍCH HỢP CHO MỌI GIỚI

CÓ BÁN: NƯỚC CỐT THƠM NGUYÊN CHẤT

BÀO CHẾ TỪ HOA LAN RỪNG VIỆT NAM

— GIÁ RẺ ĐẶC BIỆT

DO LÊ CÔNG TÂM VIỆN BÀO
CHẾ HÉRA PHÁT HÀNH.

— 242 TÔN ĐẢN KHÁNH HỘI

— CHI NHÁNH . 124 PASTEUR

SAIGON

— VĂN PHÒNG : 135 HÀM

NGHI SAIGON. Đ.T. : 91.284.

— Thôi đừng có phụ đề Việt ngữ, cha nội,

Tư Quân Lý cười hi hi :

— Sao mà người đẹp... mận ăn thua với tôi quá vậy.

Vũ hấp háy đôi mắt. Kim Yến nhìn thấy hình như có nụ cười trong đôi mắt ấy, nụ cười đầy liễu lĩnh và tin tưởng. Nụ cười mà Kim Yến đã bắt gặp trên một khuôn mặt nào lâu lắm rồi nàng không nhớ rõ. Sao mà trí nhớ của tôi mù mịt làm vậy. A. nụ cười, phải rồi Vũ có nụ cười bằng mắt của Xuân của những ngày quá khứ, — Xuân của những ngày Kim Yến mười tám tuổi áo trắng đơn sơ mộng trắng trong, Xuân của những ngày Kim Yến công chúa ngủ trong rừng vắng đợi chờ hoàng tử. Vậy mà đã hai năm rồi. Chỉ tại em tất cả. Bây giờ anh có còn oán hận em nữa không, anh Xuân ?

— Thôi rút bài đi chó cô nương, nhớ anh chàng nào mà như mất hồn vậy.

Tiếng nói và giọng cười của Phượng Đô La kéo Kim Yến trở về với hiện tại. Nụ cười của Xuân bây giờ lâng lâng như sương khói. Lá bài thứ năm Kim Yến rút con bạt cơ và Vũ rút thêm con bạt chuồn. Tư Quân Lý gỏ tay xuống chiếu bạc :

— Ông nhà báo... bề suốt rồi.

Vũ mỉm cười đưa mắt nhìn Kim Yến :

— Đánh nữa hay thôi, cô Kim ?

Cô Kim. Trong những ngày xưa cũ Xuân đã chẳng từng gọi tôi bằng tên Kim thân ái là gì. Cô Kim rất mến. Kim thương. Kim yêu dấu. Kim người yêu bé bỏng. Kim tình yêu tội nghiệp của anh. Còn bao nhiêu tên gọi êm đềm cho tình yêu ngày cũ. Vậy mà bây giờ tình yêu đó đã xa. Con én đã vỗ cánh bay cho mùa xuân đời trống vắng.

Tư Quân Lý xen vào :

— Ông nhà báo sức mấy mà dám đánh nữa.

Vũ hút một hơi thuốc, cười lớn :

— Vậy thì... ta pi.

Kim Yến cắn móng tay, chả lẽ hăn ba con bạt. Nếu phải thì cũng nên cho hăn ăn, Kim Yến vừa gỏ gỏ xấp tiền xuống chiếu bạc vừa nghĩ thầm.

Tư Quân Lý, Phượng Đô La và gã lấy tiền xâu im thin thít.

Kim Yến liếc nhanh về phía Vũ, gã nhìn Kim Yến và cười cười. Kim Yến nhú mày, chả lẽ hăn dám thẩu cáy mình. Nàng gỏ

manh xấp tiền một lần nữa và để vào tiền làng, nói :

— Tôi bắt.

Tư Quản Lý. Phụng Đò La và gã lấy tiền xâu cùng ồ lên một tiếng lúc Kim Yến lật lên tấm bạt rồi.

Tư Quản Lý chắc chắn lưới :

— Ghê thiệt, đôi bạt mà dám mua ghê thiệt.

Phụng Đò La trề môi :

— Chớ ai bẽ tông như ông mà nói.

Tư Quản Lý lại cười hi hi nói thôi mà người đẹp.

Kim Yến thua hai tây liên tiếp. Vũ hôm nay thật đỏ bài mua con gì lên con đó. Sông bạc càng về sáng càng bớt hấp dẫn. vì tất cả đều mệt mỏi.

Ván bài ba ách thua Tư Quản Lý cái thùng Kim Yến hết sạch tiền Vũ đề nghị cho nàng mượn tiền.

Những ván bài về sáng càng đánh Tư Quản Lý càng «bẽ tông» hơn làm Kim Yến mất hứng, nàng che miệng ngáp đứng lên nói :

— Mệt quá, thôi nghỉ.

Tư Quản Lý phụ họa :

— Phải đó, mệt quá, nghỉ mai chơi nữa.

Trở về phòng, lúc cởi chiếc nịt vú Kim Yến thấy rớt ra hai tờ giấy năm trăm xếp gọn lại, nàng mỉm cười khi nghĩ tới số tiền phải trả cho gã y tá đến chích thuốc cho nàng mấy bữa nay và nàng đã cần thận cất vào đó trước khi đánh bài.

Nàng tắt đèn lên giường nằm và mỉm cười một mình trong bóng tối.

2

KIM Yến một tay kéo quần, một tay chặn miệng bông có tằm còn xoa xoa trên mông nói :

— Sao mà bữa nay đau quá vậy.

Gã y tá cười hi hi để lộ mấy cái răng vàng sáng chói :

— Chớ cô không nghe người ta nói . « kim đâm vô thịt thì đau, thịt đâm vô thịt nhớ nhau suốt đời » đó sao.

Kim Yến nhăn mặt :

— Thôi đừng có văn chương tao đàn, chạ nội.

Gã y tá cười hi hi nói, lâu lâu cũng thơ... thần cho nó vui mà cô Yến. Gã lục trong chiếc cặp da màu nâu cũ xì đưa cho Kim Yến mấy viên thuốc :

— Cô uống thêm mấy viên thuốc này cho nó dứt.

Kim Yến mở chiếc «sắc» lấy tiền đưa cho gã, nói :

— Uống nhiều ba cái quỷ này nóng quá.

Gã y tá vừa cầm tiền vừa cười hi hi :

— Trụ sinh mà.

Kim Yến bỗng bắt tức cười khi nhớ đến gương mặt nhăn nhó của Ba Sanh. thằng cha thầu khoán đã bỏ tiền bao nàng ăn, ở khách sạn này cả tháng nay, lúc hẳn đến sĩ và nàng về việc nàng đã sang bệnh cho hẳn. Nghĩ cũng tội. Thằng cha đề nghị nàng làm vợ bé và nàng cũng đã từ ào cho xong chuyện không ngờ mới có nửa chừng thì chuyện bệnh hoạn trục trặc lại xảy ra. «Cô thiệt là khốn nạn mà. Cô có bệnh mà không nói. Cô sang bệnh cho tui, tui lại về sang bệnh cho vợ tui. Trời ơi ! Cô hại tui quá mà». Thằng cha đã đỏ mặt, gân cổ lớn tiếng sĩ và nàng. Khuôn mặt nhăn nhó của thằng cha lúc đó trông thật tội nghiệp, bây giờ nghĩ lại Kim Yến còn bắt tức cười. Không biết bây giờ thằng cha và vợ đã chữa hết bệnh chưa. Vợ chồng thằng cha đã uống và chích hết bao nhiêu thuốc trụ sinh.

Gã y tá thu dọn đồ nghề vào chiếc cặp da nói :

— Tôi đi nghe cô Yến.

Kim Yến khóa trái cửa phòng cởi hết quần áo leo lên giường nằm. Nàng vẫn còn thói quen không mặc quần áo lúc ngủ, cùng lắm là nàng chỉ khoác vào người chiếc áo ngủ bằng voan trắng. Kim Yến có cảm giác hình như có người nhìn trộm nàng qua một lỗ nhỏ được khoét ở cánh cửa. Chắc lại là thằng Cầm - thằng con nít bồi phòng chưa nứt mắt mà đã dám đưa tiền ư ư gạ ngủ với nàng tháng trước. Nàng lẩn người vào sát vách, lấy thư của bà Tư mẹ nàng, từ Cái Mơn gọi lên ra đọc.

Biết là quá 23 Tết mà không về thế nào cũng có thư của mẹ nên sáng nay Kim Yến ghé lại nhà Thảo con bạn học cũ hiện đang dạy ở trường tiểu học cộng đồng và quả nhiên nhận được thư của bà Tư. (Kim Yến vẫn nói dối với gia đình là nàng lên Tây Phố đi làm việc và mượn địa chỉ để liên lạc với gia đình).

Trong thư bà Tư viết :

«Con Hai,

Hôm đưa ông Táo về trời tao trông bây về quá mà không thấy nên nay tao viết thư này nhờ người gởi ở nhà cô giáo Thảo. Không biết bây có bệnh hoạn gì không mà sao không về. Hôm trước nhà bị pháo kích, pháo kiểng gì đó chết mất con heo Tết, làm thiệt cả nhà chờ bây quá mà bây không về.

Tao định gả con Ba cho thằng Sáu Dưng con anh xã Hai mà nó nói đề hồi ý bây. Tao coi thằng nhỏ cũng được mà con Ba nó cũng lớn rồi, nó được mười sáu tuổi rồi đó chớ ít sao.

Thôi vài chữ cho bây rõ.

Ngoài thư của bà Tư còn có thư của con Diệu em nàng. Trong thư con Diệu viết :

«Chị Hai mến,

Má và em, thằng Tư, thằng Năm, thằng Út trông chị lắm đó nhé. Sao hôm 23 đưa ông Táo chị không về má nói không biết chị có bệnh hoạn gì không. Mày đưa nhỏ trông chị đem quần áo mới về cho tụi nó hết sức đó nhé. Đồi quốc sơn chị cho em hôm trước bị gãy cái cục đồng gì đó ở dưới gót rồi, ở đây đầu có ai biết mà đóng lại. Cái áo dài chị cho em hôm trước bị dán cần một lỗ uổng ghê. Em xin má may cái áo dài mới mà má không cho tại vì hôm trước nhà mình bị pháo kích lắm. Cái trái đạn mắc dịch tụi làm chết con heo Ú. Làm thiệt bán vớt vát được chút đỉnh còn bao nhiêu ăn đã đời. Cả nhà chờ hoài mà không thấy chị về.

Tụi em trông chị lắm đó nhé, chị Hai.

À, em quên nói với chị là má định gả em cho anh Sáu con bác Xá. Tụi em thương nhau hồi trước Tết Mậu Thân. Em muốn biết ý kiến của chị đó nhé, chị Hai. Tụi bạn em ở dưới này nó có chồng hết rồi.

Tết chị về nhé chị Hai.

Em gái của chị.

Diệu.»

Kim Yến đề mấy bức thư viết bằng giấy học trò xuống nệm giường, nhìn lên tờ lịch. Đã 26 Tết rồi còn gì. Kim Yến mím môi : Phải tới nhà con mẹ Hiền mới được». Chỉ cần một thằng Mỹ say đưa tới một phòng ngủ nào đó trong một đêm là nàng sẽ có một số tiền lớn để giải quyết nhiều việc.

Kim Yến bước xuống giường. Nàng nghe bước chân đi rón rén ngoài phòng lúc nàng cúi xuống mặc quần, nàng rửa thăm : «Cái thằng cầm mắc dịch.»

3

KIM Yến sáng mắt lên khi nhìn thấy những tờ giấy bạc nằm kẹp trong chiếc bóp da Mỹ. Nàng vợ vội quần áo, đi nhẹ nhẹ ra phía cửa phòng, khóa trái cửa lại. Trên nệm giường nhàu nát thẳng Mỹ vẫn còn ngủ say như chết.

Kim Yến bước nhanh vào phòng tắm vừa mặc quần áo, vừa đếm tiền. Một trăm, đơn xanh tất cả. Mày giàu rồi Yến ơi. Em sẽ có áo dài mới; giày guốc mới nghe Diệu. Tụi bây sẽ có quần áo mới nghe thằng Tư, thằng Năm, thằng Út. Má sẽ có tiền để nuôi gà, nuôi heo và nhà mình năm nay sẽ ăn một cái Tết thật lớn, nghe má. Kim Yến xách giày nhảy chân sáo trên những bậc thang.

Thằng cha người Tàu gác cửa phòng ngủ đang cần nhẫn về việc bị phá giấc ngủ chợt im bật lúc Kim Yến dúi vào tay gã mấy tờ giấy bạc. Thằng cha cảm ơn rồi rút.

Đã năm giờ sáng. Kim Yến đánh thức một ông già đập xích lô đang nằm ngủ gà ngủ gật trên xe dầy, nói :

— Sáng rồi. Cho về quán Biên Thủy, ông già.

Ông già xích lô vẫn chưa tỉnh ngủ, vừa ngáp vừa hỏi về đâu.

Kim Yến cười lớn :

— Về chợ.

Kim Yến nghĩ tới cái quán cơm tấm ở gần chợ cá mà nàng và tụi bạn vẫn gọi là quán Biên Thủy. Quán cơm tấm độc nhất ở Tây-Phố này một hai giờ sáng đã mở cửa.

Nghĩ tới một đĩa cơm tấm bì hai hột gà, một ly cam vắt hai hột gà bỏ trứng trắng Kim Yến nghe khỏe hẳn người. Kim Yến nghĩ đến nỗi vui mừng hiện ra nét mặt mẹ nàng, con Diệu, thằng Tư, thằng Năm, thằng Út lúc nàng xách va-ly về nhà :

«Nàng đi, nàng đi... Nàng xách va ly nàng đi luôn...» Kim Yến hát nhỏ một điệu nhạc kỳ cục của ai nàng cũng không nhớ rõ. Nàng bỗng nhớ tới điệu bộ và giọng hát «Má ơi má... con về đây !...» của nghệ sĩ Trần Văn Trạch lúc ông này trình diễn bài «chuyến xe lửa mừng năm» mà nàng đã được xem trong một chương trình Đại Nhạc Hội. Cái điệu bộ của nghệ sĩ này lúc trình diễn bài hát thật là hay.

Bài hát diễn tả được sự mong muốn gặp lại người mẹ của một đứa con sau bao ngày xa cách.

Kim Yến quay ra sau hỏi ông già xích lô :

— Bác ơi ! Bác có biết Trần văn Trạch không bác ?

Ông già xích lô đáp :

— Biết chứ. Ông Trần văn Trạch tóc dài dài đó chứ gì.

Kim Yến nói :

— Phải đó. Tôi khoái ông đó quá bác ơi.

Ông già xích lô cười hề hề, gỡ điều thuốc lá sâu kèn ra khỏi môi nói :

— Tôi cũng vậy.

Kim Yến cười lớn. Ông già xích lô cũng cười. Cả hai cùng cười vang đường phố.

Chợ đang họp ở cuối đường, phía có ánh đèn.

4

NHỮNG ngày cuối năm khách sạn buồn hiu. Những khách trọ đã trả lại phòng về quê ăn Tết từ mấy ngày trước. Phương Đô La đã về Vĩnh Bình hôm kia. Vũ — gã nhà báo cũng đã xách va ly về Saigon hôm qua. Trước ngày Vũ về Kim Yến đã sang phòng Vũ để trả lại gã món tiền mà nàng đã vay hôm đánh xì phé, nhưng gã từ chối. Nài nỉ lắm gã mới nhận phân nửa, phần còn lại gã nói là lì xì cho Kim Yến.

Gã con trai thật là kỳ cục. Gã đã giúp nàng nhiều thứ nhưng không bao giờ đòi hỏi ở gì nàng.

Sau đó gã còn dẫn Kim Yến đi chơi suốt ngày hôm đó. Buổi sáng trước khi về Saigon gã có mang sang tặng nàng một sắp vải may áo dài loại vải thời trang nhất. Gã buồn buồn nói :

— Trước tôi định mua sắp vải này để tặng một người nhưng bây giờ thì không cần thiết nữa. Tôi gửi sắp vải này cho cô và nghĩ rằng nó có ý nghĩa hơn.

Kim Yến đã cảm động muốn khóc. Hình như Vũ cũng cảm

động nhưng sau đó gã khóa lấp đi bằng những tiếng cười lớn. Gã đã bắt tay chúc nàng sang năm mới được nhiều vui vẻ trước khi xách va ly bước xuống những bậc thềm khách sạn.

Kim Yến đã nhờ Tư Quản Lý đòi dùm nàng số tiền một trăm đơn xanh ra tiền Việt Nam.

Suốt buổi sáng hôm nay nàng đã đi mua sắm đủ thứ. Một chiếc áo dài cho bà Tư, hai chiếc áo dài, giày, guốc cho con Diệu. Quần áo, giày vớ cho thằng Tư, thằng Năm, thằng út. Nàng cũng không quên mua cho con Diệu và nàng mấy chiếc soutien đắt giá. Nàng nghĩ con Diệu nó sắp có chồng rồi cũng nên cho nó ăn mặc với người ta nên nàng mua thêm cho nó cái đồng hồ Seiko. Nàng cũng đã mua đủ thứ bánh trái về để cúng ông bà trong những ngày Tết.

Buổi chiều, Kim Yến đi mua thêm hai trái dưa hấu. Mang hai trái dưa hấu lên tới phòng mệt đừ đừ, Kim Yến để nguyên quần áo định nằm một lúc cho hết mệt rồi sẽ sửa soạn nhưng vì mệt quá nàng ngủ luôn tới tối.

Kim Yến chợt thức giấc lúc có tiếng xoay nắm cửa. Tưởng là thằng Cẩm nàng định nạt cho nó đi nhưng khi cửa phòng bật mở nàng chưa kịp la lên thì đã bị một chiếc khăn chặn ngang miệng.

Sĩ Cùi vừa khóa cửa vừa cười khặc khặc :

— Không dè gặp lại... cố nhân.

Sĩ Cùi ra lệnh cho gã đàn ông lạ mặt cột chặt chân tay Kim Yến lại. Hắn lục trong khắp phòng và cười khặc khặc lúc cầm chiếc "sắc" đầy tiền của Kim Yến mà nàng đã cẩn thận giấu dưới nệm giường.

Sau đó hai thằng lại bỏ đôi trái dưa ra vừa ăn vừa cười.

Kim Yến chỉ còn ú ớ đưa cặp mắt căm hờn mà nhìn. Gã đàn ông lạ mặt vừa ngòm ngòm cặp dưa vừa xỏ trong sắp vải mà Vũ đã tặng cho nàng, nói :

— Cái này mà mang về...tặng đào thì tuyệt.

Gã vừa nói vừa đưa lên lau miệng. Sĩ Cùi kề miệng vào tai gã nói nhỏ nhỏ, gã ném miếng dưa đang ậm đồ vào chiếc la va bỏ cười hô hố.

— Đại ca tính vậy thì...nhứt Đại ca rồi.

Sĩ Cùi đưa tay gãi gãi cái cò đầy ghê ngứa nói :

— Tao mà mậy.

Gã cười khặc khặc leo lên giường ôm lấy Kim Yến. Nàng lẩn người vào sát vách để tránh nhưng đã đàn ông lạ mặt đã đưa dao kề vào cổ nàng nói:

— Im đi nào, tội anh thương. Lặng quặng là chết đó.

Gã vừa nói vừa đưa tay mở dây trói ở chân nàng. Kim Yến nghe lạnh lạnh ở cổ. Nàng nhắm mắt chịu đựng hơi thở hơi hám của Sĩ Cùi.

Sĩ Cùi và gã đàn ông lạ rút đi đã khá lâu Kim Yến mới nói lòng được chiếc khăn cột ở miệng. Trước khi rút đi gã đàn ông lạ còn cẩn thận cột chặt chân nàng lại. Sĩ Cùi đã chìa dao vào mặt nàng nói:

— Mày nhắn lại với thằng Xuân Quốc Vương là tội tao đã truất phế nó. Gặp nó là tao mổ mặt nó đó.

Kim Yến chỉ còn biết nhìn theo bằng ánh mắt căm hờn.

Có tiếng xoay nắm khóa cửa, Kim Yến hỏi ai đó. Thằng Cầm mở cửa lách mình đi vào. Thấy Kim Yến bị trói nó lén quỳnh chạy lại. Nó ngồi xuống mép giường nhìn Kim Yến. Nàng bực mình gắt:

— Sao không mở trói dùm tao mà lại ngồi đó.

Nó vẫn im lặng nhìn Kim Yến với cái nhìn kỳ lạ. Bực mình quá Kim Yến hỏi lớn:

— Chớ mày muốn cái gì?

Thằng Cầm đưa tay run run vuốt nhẹ chân nàng. Nó lẩn tay trong túi quần lấy ra hai tờ giấy năm trăm đưa lên ư ư. Kim Yến chợt phì cười lúc biết ý muốn của nó. Nàng hỏi:

— Bộ mày muốn ngủ với tao hả, thằng quỷ?

Thằng Cầm ư ư gật đầu. Kim Yến lắc đầu chán nản:

— Muốn ngủ với tao ít ra mày cũng phải cởi trói cho tao chớ... chân tay như vậy mà làm ăn gì.

Thằng Cầm mừng rỡ cúi xuống loay hoay cởi trói cho nàng. Kim Yến chợt ứa nước mắt lúc thằng Cầm lấy bày nằm trên người nàng.

Con sốt đang đến với nàng.

NGUYỄN THIẾU NHẪN

(Trong một truyện dài)

thơ

CÒN ĐÁU CÀI ĐÓA BÔNG HỒNG

Cánh tim rướm lệ hồn thơ
 Trôi xoay vũng mắt đắm mờ thâu canh
 Một trời thương nhớ xây thành
 Mây buồn khói tóc nửa vành khăn số
 Tâm tư khép mộng sông hồ
 Mẹ giờ đã khuất bên bờ trắng khuya
 Mệnh mông khói lửa bốn bề
 Lời ru của mẹ vọng về núi sông
 Còn đâu còi đóa bông hồng!
 Giờ đây dáng mẹ thoáng trong gió ngàn
 Vào đời mẹ bước hiên ngang
 Nhìn con ánh mắt miền man sớm chiều
 Cho con nếp sống tin yêu
 Nhìn trong huyết thống mà khêu lửa hồng
 Đề con vượt bước gai chông
 Đưa đàn chim nhỏ xa vùng tịch liêu
 Không gian tím lạnh đầu hiu
 Rừng thương biển nhớ những chiều bữa vầy
 Hào hùng tiếng dội trời mây
 Con tìm nắng ấm đông đầy quê hương

PHƯƠNG ĐÀI

CHẾT KHÁT

lối chết chật vật

• PHƯƠNG BẢO

CHẾT vì khát cũng đã được liệt vào hàng những cái chết khổ nhọc nhất. Và người ta chết vì khát rất nhanh. Nếu trời lạnh người ta có thể sống không có nước trong khoảng độ mười ngày. Nếu trời nóng nực, người chỉ có thể cầm cự trong hai ngày. Chính khoa học đã xác định điều đó, nhưng trong lãnh vực này vẫn còn có những ngoại lệ đáng đương đầu với những luật lệ của tạo hóa.

MẶT trời tựa như một bó đuốc khổng lồ, tỏa hết sức nóng xuống da thịt khô héo của con người. Pablo Valencia, một tay săn thú người Mễ tây cơ, ở Arizona. Lúc này, anh đang lê những bước khó nhọc qua những vùng cát nóng bỏng. Anh đã phải bỏ rơi con ngựa của mình và anh cũng vừa uống cạn những giọt nước cuối cùng của bình nước mang theo. Hai ngày hai đêm như thế trôi qua, anh vẫn không tìm thấy trong cái lò lửa khủng khiếp đó một dấu vết nhỏ của một sinh vật nào.

Trong những ngày thống khổ đó, những tia nắng ác độc của mặt trời đã hút tất cả nước từ thân hình gầy guộc của Pabo đến nỗi hầu như anh không thể tiến bước thêm nữa. Anh bước đi loạng choạng, ngơ ngác như người đang

ở trong trạng thái xuất thần, tất cả những bắp thịt của anh kêu kéo kẹt dưới mỗi bước chân như thể những hạt cát đã thay thế một cách nham hiểm cho các chất lỏng dùng để bơm dầu vào các khớp xương. Đầu anh lắc lư theo nhịp chân chuyển động. Hai tay anh buông thõng bên cạnh sườn không còn chút sức lực nào, những bọt nước miếng khô đọng lổm đổm trên những đường nứt nẻ của đôi môi.

Thế nhưng, thật là một sự kiện khó tin, ngày thứ ba trôi qua, rồi ngày thứ tư, thứ năm, Pablo Valencia vẫn còn sống trên đời... Nhưng nếu lần này, anh được cứu sống thì không phải là vì anh đã quen với những hoàn cảnh không có lối thoát như vậy, nhưng chính là nhờ sự kiện anh đã được sanh ra ở vùng ráp giới sa mạc.

CHẾT KHÁT

nhất của con người

Mười Lăm Ngày
Băng Qua Sa Mạc

VỞ I con dao bằng thép bén nhọn, vũ khí duy nhất mà Pablo còn giữ bên mình, anh rọc lấy những mảnh vỏ dai và lỏm chồm gai nhọn của cây xương rồng. Những mảnh này có nhiều nước tuy nó có vị đắng và khó chịu, nhờ đó có thể làm dịu đi trong chốc lát cơn khát khủng khiếp đang vò xé anh. Cũng có đôi khi, trong những giờ phút kinh hoàng ấy, Pablo đã phải đào đất lên để tìm những viên đá vùi sâu dưới đất trước khi mặt trời mọc, chờ cho đến khi những viên đá này được bao phủ một lớp sương để liếm lấy lớp sương đó.

Anh đã phải lê bước như thế trong mười lăm ngày dưới nhiệt độ ban ngày là 50 độ bách phân qua đoạn đường dài 160 cây số băng ngang sa mạc. Khi người ta tìm thấy anh, thì chân thể anh đã hoàn toàn phủ đầy vết nứt nẻ và vết cắt ở da vì đá và gai xương rồng. Và trong lúc đó, máu anh không chảy ra. Sau sự mất nước trầm trọng của cơ thể, máu anh đã có đặc tính của si rô nên không thể rịn ra từ các vết thương.

Mặc dù, dưới sức nóng tàn

bạo ấy, anh đã mất khá nhiều nước cũng như trọng lượng cơ thể anh đã giảm đi 1 phần tư — thông thường, một sự mất nước từ 10 đến 15% có thể xem như sẽ chết — nhưng tay săn thú Pablo đã bình phục sau một thời gian rất ngắn.

«Vết Sứa» Kiến :

CHUYỆN của anh Pablo Valencia xảy ra vào năm 1905. Từ đó đến nay, người ta đã nói đến biết bao nhiêu mẫu chuyện lý thú và huyền hoặc về những kẻ sống sót trong những trường hợp khó khăn tượng tự, và thường là được cứu thoát một cách hết sức may rủi vào phút chót của cái chết thảm khốc nhất : chết vì khát.

«S.O.S. Sahara» Đó là cái tên mà người ta dùng để chỉ cái kinh nghiệm mà dựa vào đó, vào năm 1950, một vài người Pháp đã muốn chứng minh rằng có thể có sự sống sót trên sa mạc. Vì sơ xuất ba nhân viên của đoàn thám hiểm đã bỏ xa đoàn chính, được trang bị rất chặt chẽ. Sau đó bốn ngày người ta tìm thấy họ, sắp chết vì khát, nằm sóng sượt dưới một mái tôn uốn mà họ đã may mắn tìm thấy. Mái tôn này có lẽ ngày

xưa thuộc vào thành phần vật liệu chiến tranh của đại tướng Đức Erwin Rommel, người đã được mệnh danh là «con chồn của sa mạc». Nhìn thấy cái chết đến gần, ba người bỗng nhớ đến những câu chuyện của những dân lãg từ Ả rập khi khát, chứ nếu không, sau ba ngày khát nước họ đã đi đến hồi kết cuộc bị thảm nhất.

Họ liền tìm bắt một loại kiến thợ mà trong những tháng ẩm ướt chúng thường dự trữ nước trong bao tử, rồi vắt lấy nước đó để liếm trong khi thiếu nước.

Những con lạc đà, tự chúng cũng thành công đặc biệt trong việc giải quyết vấn đề nước trên sa mạc. Lâu nay người ta nghĩ rằng lạc đà tích chứa nước trong cái bướu của nó, nhưng sự kiện này được biết là sai lầm.

Những sự tìm kiếm hoàn tất vào những năm mới đây trong lãnh vực sinh lý học đã khám phá ra phần nào những bí mật huyền diệu của lạc đà. Các nhà nghiên cứu nhận xét rằng tấm da của lạc đà đã che chở cho chúng một cách đáng kể để tránh khỏi sức nóng và chúng chỉ bắt đầu ra mồ hôi khi nào nhiệt độ cơ thể lên quá 400. Một con lạc đà có thể vì mất nước mà sụt đi ba mươi phần trăm trong lượng cơ thể.

Mới đây ông Kalnam Perk, một Bác sĩ thú y người Do thái của đại học đường Rehobot đã công bố một khám phá mới hết sức lý thú. Bác sĩ Perk nhận thấy trong máu của lạc đà phân xuất Pro te in của nhóm dân bạch lên cao một cách bất thường. Những chất đảm

bạch này có lợi là giữ được nước trong máu. Bác sĩ cũng tìm thấy tỉ lệ dân bạch cao như thế trong máu của các động vật có vú sống ở vùng nhiệt đới. Cuối cùng một nhà nghiên cứu ở Tel Aviv đã có ý nghĩ phân tích máu của những người Do Thái có nguồn gốc khác nhau. Ông nhận xét rằng trong máu những người Do Thái ở Yémen, nơi thường gặp hạn hán, có nhiều chất dân bạch hơn là những người Do Thái đã di trú sang Âu Châu.

Chết Khát Ở Giữa Một Nơi Đầy Nước !

Trong một cuộc bay thám hiểm, hai phi công đã bắt buộc phải hạ cánh xuống vùng bờ biển Tây Bắc của Úc Đại Lợi, một vùng hoang vu, man rợ và khô cằn. Ở bờ biển không có nước cũng không có phái đoàn y tế. Từ ngày thứ hai, hai phi công thứ uống thứ nước dùng để làm nguội động cơ máy bay. «Chúng tôi múc một cốc đầy nước lẫn với dầu của máy tháo nhiệt, nhưng ngay từ hộp đầu tiên, chúng tôi đã phải khạc nhổ ra. Chúng tôi chưa đủ khát để đến nỗi phải uống thứ nước gớm ghiếc ấy». Thực ra, ngay ngày hôm sau, cả hai đã bùng nước uống ừng ực như thể uống một thứ nước nguồn trong và mát. Và vài ngày sau, họ đã không ngần ngại uống hết chỗ nước còn lại của máy tháo nhiệt và luôn cả máu của một con kanguru.

Sau mười ngày, nhờ một phép lạ, hai kẻ bất hạnh tìm ra một rãnh lớn nơi nền đá có chứa nước

trong. Một trong hai phi công này kể lại : «Chúng tôi ngồi xồm trong nước, đến nỗi chúng tôi không thể cúi mình xuống một chút và mở miệng ra... Tôi không bao giờ tin được rằng một cơ thể có thể thấm được nhiều nước đến thế. Nhiều giờ trôi qua, chúng tôi vẫn nằm, và khóc vì vui mừng khi nhìn thấy thứ nước đã cứu sống chúng tôi.»

Ngày xưa, chính nhờ những kẻ đắm tàu mà người ta biết được những mẫu chuyện kinh khủng nhất về cách tra tấn khủng khiếp do sự khát nước gây ra. Chắc chắn là những kẻ bất hạnh được vây quanh bởi một trời nước mênh mông. Tầm mắt họ chỉ nhìn thấy nước và nước ở chung quanh họ, nhưng thứ nước ấy, khổ thay lại không thể uống được. «Mặc dù chúng tôi hết sức đói, chúng tôi cũng không quan tâm đến điều đó. Chúng tôi không sợ chết đói. Điều làm chúng tôi sợ hãi nhất là viễn ảnh chết khát, một cách nhanh chóng, trong sa mạc mênh mông của nước ở Đại Dương». Trên đây là những lời của chú thủy thủ nhỏ bé Folke: t anders, một trong số mười hai người sống sót của chiếc tàu buồm «Pamir» bị đắm ngày 21 tháng chín năm 1957, trong trận bão Carrie. Nơi vài thủy thủ khác, những triệu chứng đầu tiên của cơn khát xuất hiện vào khoảng bốn mươi tám tiếng đồng hồ sau khi thảm kịch xảy ra. Vì cơn bão đã phá hư cái thùng gỗ chứa nước uống của ca nô, một vài người trong bọn họ đã uống sữa đặc có đường trong hộp. Dĩ nhiên cơn khát lại càng xé bõ nhiều hơn. Người

đầu bếp phải cảnh cáo họ : «Cần nhất là không được uống nước mặn đấy nhé ! » Nhưng hầu như là có hai thiếu niên không thể chống lại được ý muốn. Rạng sáng ngày thứ nhì, hai thiếu niên này hoàn toàn chìm đắm trong cơn mê sảng, chiều đến khi đêm gần xuống họ đã đứng trên mạn tàu nhảy xuống nước.

Uống Nước Biển Sẽ Chết Gáp

BÁC sĩ Anh Mac Donald Critch tả cái «chết mặn» như sau : «Khi một người đắm tàu quá khát uống nước muối mặn, cơn khát sẽ dịu đi trong giây lát nhưng cảm giác xâu xé sẽ trở lại rất nhanh, mạnh mẽ hơn, thúc hối hơn, đến nỗi kẻ xấu số sẽ uống thêm nhiều nước biển hơn. Sau đó nạn nhân dần dần rơi vào một trạng thái bình tĩnh và hồ hững. Tiếp theo là cơn mê sảng, khoảng 1 hay hai tiếng đồng hồ sau. Thế là tử thần đã đến gần, nhưng cái chết thường đến trong những điều kiện xung động. Thông thường, bị dầy vò trong cơn mê, người bệnh hay nhảy xuống nước và chết đuối.»

Thật là dễ hiểu tại sao việc chỉ uống toàn là nước muối để đáp ứng nhu cầu của cơ thể lại làm chết người. Chỉ cần nghĩ tới sự quân bình về hóa học sinh lý của cơ thể con người là đủ. Cùng lúc với việc uống nước biển, kẻ đắm tàu lại thấm nhuần một số lượng muối hòa tan, nhất là chlorure de sodium (muối ăn) và muối sít. Trên thực tế, cơ thể con người chỉ đồng hóa được một số lượng rất nhỏ của các thứ muối trên. Số muối dư thừa phải được loại

bỏ. Việc này do hai quả thận đảm trách. Chúng lọc máu và lấy ra những cặn bã, nhất là chỗ muối sẽ bị cuốn đi ra ngoài theo nước tiểu. Để cho việc làm này có hiệu quả, thận cần phải có nước, ít nhất là mỗi ngày nửa lít.

Do đó mà những kẻ đắm tàu nào sau mười ngày nhịn khát đã dùng nước biển để làm dịu nhu cầu sẽ không còn một chút hy vọng nào sống sót.

Dấu Hiệu Đích Thực Của Sự Khát

TRONG nhiều năm liên tiếp các bác sĩ đã nghiên cứu tỉ mỉ những vấn đề này. Họ cho rằng phần lớn những mẫu chuyện — thường rất trái ngược nhau — của những kẻ đắm tàu được cứu thoát đều không thật. Nơi tất cả những thí vật đặt trong những trường hợp y như thế, sự thiếu nước phát khởi những triệu chứng giống nhau và thường diễn tiến theo một thứ tự không đổi. Sự yếu ớt, hết thềm ăn, mệt mỏi xuất hiện như là những dấu hiệu đầu tiên của sự thiếu nước trong máu, trong bắp thịt và các cơ quan. Khi cơ thể đã phải chịu một sự giảm bớt 2,5 % trọng lượng, tình trạng ấy có thể được xem là nguy kịch.

Nếu sự thiếu nước kéo dài, một triệu chứng mới xuất hiện: nhiệt độ cơ thể lên cao bất ngờ. Tình trạng trở nên nguy ngập hơn gấp bốn lần khi cơ thể đã mất 5 % trọng lượng. Khi bắt đầu mất nước từ 6 đến 10 % thì cơ thể

phát hiện những cảm giác chóng mặt, nhức đầu, từ chi ngứa ngáy.

Thật hiếm có khi nào những người được cứu thoát khỏi địa ngục sa mạc hay đại dương lại có đủ nước để nhỏ những giọt nước mắt biết ơn. Tuy vậy trường hợp ấy đã xảy ra, và khoa học chưa thể biện minh được do đâu và làm thế nào mà cơ thể con người lại có thể tạo ra sự ẩm ướt cần thiết để cấu tạo nước mắt trong những lúc đó.

Trung bình một người trưởng thành tiêu thụ mỗi ngày lối hai lít chất lỏng. Một đứa trẻ nặng từ 10 đến 20 kí lô phải tiêu thụ một số lượng nước gấp đôi, còn đối với trẻ sơ sinh thì phải gấp ba lần số lượng ấy. Ngày xưa, trong trường hợp thiếu hụt, một người lớn có thể sống sót nếu họ hài lòng với số lượng 1 lít nước mỗi ngày, nhưng nhu cầu nước sẽ tăng lên nếu số lượng đàn bạch tinh trong thức ăn lên quá cao. Ở Hoa kỳ, vẫn còn có những "trường dạy sinh tồn" để dùng trong việc quân sự.

Ở đó, người ta khuyên không nên cho kẻ đang khát ăn thịt hoặc cá.

Trên Thực Tế, Khát Là Gì ?

SỰ giải thích rất dễ dàng nếu ta xem xét bộ máy thoát mồ hôi. Thân thể con người có khoảng hơn hai ngàn tuyến mồ hôi nhờ đó cơ thể thải chất muối ra bớt. Nhưng số nước dự trữ giảm đi nhanh hơn muối. Đến nỗi một sự thoát mồ hôi mạnh quá sẽ làm cái gọi là áp lực thẩm thấu lên cao. (Thẩm

thấu là hiện tượng sinh lý cho phép chất lỏng đi qua vách ngăn và màng bao bọc các tế bào và cơ quan)

Cảm giác khát phát khởi do sự tăng gia áp lực ở vùng những tầng giữa của óc, nơi chịu trách nhiệm về việc điều hòa sự tiết hợp của nước trong cơ thể con người. Trong khi đó cảm giác khát cũng có thể phát sinh do sự dư thừa muối trong cơ thể. Và không cần phải uống nước biển mới bị khát như vậy mà chỉ cần ăn thức ăn mặn quá thôi cũng đủ !

Từ nhiều năm nay, nhiều bác sĩ đã nghiên cứu vấn đề và cố gắng xác định số lượng nước tối thiểu mà con người cần có để giữ được sinh mạng. Cộng trình được biết đến nhiều nhất trong lãnh vực này là của bác sĩ E.F. Adolph, người đã kêu gọi những kẻ thiện chí đóng góp vào việc thí nghiệm và đặt căn bản trên những câu chuyện của những kẻ sống sót sau khi đã được phân tách và kiểm soát chặt chẽ. Theo những bảng kết quả do ông dựng nên, người ta thấy con người

có nhiều hy vọng được sống sót sau mười ngày không có nước, nếu họ sống dưới một nhiệt độ là 100 bách phân, và với điều kiện là họ phải ở yên trong bóng mát. Trong những trường hợp tương tự, số nước dự trữ là 20l sẽ cho phép người ấy sống trong ba mươi hai ngày. Những số lượng này tăng lên chút ít với 1 nhiệt độ là 20 độ bách phân. Ở 36 độ, một người chỉ có thể sống không nước trong năm ngày nếu có 20l nước sẽ sống được mười ba ngày.

Nhưng, với những nhiệt độ mà người ta thường gặp trong các sa mạc mênh mông hay các đại dương sức lực của cơ thể giảm đi rất nhanh. Nếu nhiệt độ là 490 ở trong bóng mát thì sự sống còn chỉ kéo dài có hai ngày nếu không nước và ngay cả với hai lít nước cũng vậy. Và nếu có 20l nước dự trữ, người ta chỉ có thể kéo dài đời sống trong bốn ngày rưỡi mà thôi..



thơ

NHỮNG MÙA CHIÊM BAO

Ta con nước muộn về khuya
 Nhớ thương em với những mùa chiêm bao
 Buổi chia xa nắng nhạt màu
 Đường trăng cỏ úa nghìn đau vạn buồn
 Ta còn nằm vẽ dung nhan
 Bên ngôi tháp lạ vô cùng liêu trai
 Trơ thân rừng rú lưu đày
 Buông xuôi mộng tưởng ta hải tị ta...

THY LYNH TỬ

Cuộc Hành Trình Của Ra II

- Nguyên tác của Thor Heyer Dahl
- Nguyễn Duy Trinh lược dịch

Cuộc hành trình vượt Đại Tây Dương đầy gian lao của một chiếc thuyền rom chế tạo theo kỹ thuật của thời Thương Cổ...

TRONG những văn thơ của Thánh Kinh, trong những hình ảnh về NINEVEH và trong hầu hết các tác phẩm văn chương thời La Mã cổ xưa, thuyền rơm được coi như là một trong những hiểu thuyền cổ nhất của loài người. Có điều lạ, là kiểu thuyền này vẫn còn thấy xuất hiện gần đây tại các xứ như MESOPOTAMIE, SARDINIA CORFU và Maroc (Phi châu). Dân chài lưới tại đây vẫn thường dùng thuyền rơm di chuyển trên hồ CHAD.

Điều ngạc nhiên hơn nữa là các kiểu thuyền rơm còn thấy xuất hiện ở châu Mỹ và hiện nay, người ta còn thấy dân da đỏ xứ PERU và BOLIVIA còn sử dụng loại thuyền y hệt như thời thượng cổ để lưu thông trên hồ TITICACA...

Tôi là người thường hay lưu tâm đến các vấn đề hải vận cũng như các thủy lộ của thời tiền sử. Vào năm 1942, tôi đã dùng thuyền KON TITL, một kiểu thuyền bằng rơm đi từ Nam Mỹ đến POLYNESIA để chứng minh rằng người PERU thời thượng cổ cũng đã góp phần vào văn hóa của xứ POLYNESIA và quả quyết rằng người INCAS đã từng dùng loại thuyền rơm này. Nhưng còn vấn đề khác nữa những loại thuyền rơm tại miền Nam Mỹ có giống như những chiếc thuyền rơm trước kia của xứ NILE, TIGRS và EUPHRATES không?

Nhiều giả thuyết từ Phi Châu, cũng như từ Mỹ châu đã được đưa ra để kết luận rằng văn minh đã bắt nguồn từ xứ Mexico (Bắc

Mỹ Châu) đến Nam Mỹ Châu bởi vì, người da đỏ tại châu Mỹ cũng chẳng khác gì người thượng cổ, họ cũng thờ Mặt Trời, xây Kim Tự tháp, Tượng Đá, dựng vợ gả chồng giữa những người trong dòng họ với nhau, dùng kiểu chữ Tượng Hình, ướp xác v.v...

Riêng tôi, tôi muốn giải quyết vấn đề này bằng cách dùng thuyền bằng rơm để đi từ Phi Châu đến Tân Thế Giới (Châu Mỹ) để tìm hiểu xem người xưa tại Mỹ Châu có thể thực hiện những chiếc thuyền này chưa!

Vào đầu năm 1969, với sự giúp đỡ của một vài người thợ đóng thuyền sống ở Hồ CHAD, chúng tôi đã thực hiện một chiếc thuyền bằng rơm tại bãi biển sau Kim tự tháp Ai Cập và lấy tên là Ra I. Thuyền được chế tạo gồm toàn những bó rơm nhỏ cột chặt lại với nhau, mũi thuyền thật cao trong khi cần lái thấp tẹt phía dưới đáy thuyền. Theo đề nghị của tôi những người thợ đóng thuyền nối thêm một cần nữa để cho cần lái cao tới mũi thuyền. Nhưng vì kỹ thuật ráp nối không tài tình lắm nên khi di chuyển cần lái bị gãy ngay. Thuyền RA II, chỉ đi được 600 hải lý thì nước thấm vào quá nhiều, những làn sóng đập vào thuyền như vũ bão nên các bó rơm nhỏ bị rời ra. Cuối cùng, sau 55 ngày lênh đênh trên biển, chúng tôi phải hủy bỏ chiếc tàu này ngày 18-7-1969.

Một năm sau, chúng tôi lại bắt tay làm việc để thực hiện 1 chiếc thuyền rơm khác. Tôi quyết định chế tạo một chiếc thuyền y hệt như kiểu mà người Ai Cập và

MESOPOTAMIE thường dùng thời xưa, tức kiểu thuyền mà hiện nay vẫn được dùng trên hồ TITICACA. Lần này, có 4 người da đỏ quê ở BOLIVIA và một thông dịch viên đến để trợ lực.

Chiếc thuyền thứ hai lấy tên là RAIL, được hoàn thành tại vườn Safi thuộc xứ Maroc (Phi Châu) Vỏ tàu gồm hai bó rơm thật lớn ở hai bên và một bó nữa ở giữa, tất cả được cuộn chặt lại bằng dây theo hình xoắn ốc Ngoài ra, còn có những bó nhỏ làm thành mạn thuyền. Cả chiếc thuyền không có một chiếc đinh hay vít nào cả! Những lọ sứ đựng lương thực trong thuyền cũng được bọc bằng bao rơm để khỏi bị vỡ giữa đường.

Lẽ ra mắt của Ra II

NGÀY khánh thành, Ra II được đem đến hai cảng Safi đặt ngay sau bức thành kiên cố do người Bồ Đào Nha xây vào thế kỷ 16. Chiếc thuyền rơm dài 12 thước này đã được rất đông người đến xem. Tôi đứng trên một trong 10 chiếc sà ngang dùng để đỡ boong thuyền và 1 cột buồm hình chữ A sắp được dựng lên. Nóc boong bằng tre nên chúng tôi có thể sử dụng như một cái giường nằm nghỉ được.

Ngày 7-5-1970, theo phong tục chúng tôi ném một hộp pháp điển xuống biển và nói «Nhân danh Mặt Trời, ta chúc nhà người (RA II) một chuyến đi thành công mỹ mãn». Và chiếc RA II khởi hành đi đến BRIDGTOWN thuộc tỉnh BARBADOS Mỹ Châu vào ngày 17-5-1970...

Khởi hành thuận buồm xuôi gió, nhưng...

NGOÀI khơi SAFI, giông nước cuốn mạnh và những cơn gió lớn thổi xuôi về hướng Mỹ Châu. (Tân Thế Giới). Chúng tôi khởi hành rất dễ dàng vì thuận buồm xuôi gió, nhưng chúng tôi đều mệt mỏi, có người lại say sóng vì quá vất vả trong những ngày sửa soạn cho thuyền vừa qua... Tôi ghi vào sổ Nhật ký Hải Hành: «Tất cả đều bình thường như lúc mới khởi hành... RA II vẫn chạy đều... có thể nguy hiểm vì mạn thuyền gần ngập xuống mặt nước». Qua ngày thứ hai, phía trước chúng tôi là mặt biển trắng xóa, gió vẫn thổi đều. Nhưng qua ngày thứ ba, ự nhiên trời im gió. Chúng tôi phải thả phao nổi an toàn. Chúng tôi thấy bị chìm xuống dần dần và phải vứt bỏ một số lương thực cho nhẹ thuyền. RA II đang ở lộ trình của tàu. Đêm đến chúng tôi thấy một chiếc tàu xuất hiện nhưng có lẽ họ không thấy chúng tôi. Chúng tôi chiếu đèn sáng lên cánh buồm hy vọng họ không để chúng tôi chết chìm nơi này...

Khi thuyền trôi đến gần Mũi JUBY (Phi châu) mặt biển bỗng nổi lên sóng bóng, rạn nứt như 1 tấm gương vỡ vì mấy chú cá mập đang vẫy vùng... Trước cảnh tượng hải-hùng này, Georges và Santiago cùng nhau hát những bài ca vui nhộn, rồi nhảy múa trên thuyền để khỏi nghĩ đến những nguy hiểm trước mắt.

Thực hiện những cuộc mạo hiểm bằng thuyền rơm này, tôi có

ý muốn có thể minh chứng được một điều là «văn minh thời xưa không nhất thiết chỉ thuộc về văn minh thời xưa, trái lại hiện tại và tương lai cũng có thể có những cái văn minh tương tự...» Thủy thủ đoàn của chúng tôi gồm đủ các quốc gia, tôn giáo và màu da. Điều này cũng sẽ giúp tôi quả quyết thêm một điều nữa là, «sự khác biệt về màu da, tôn giáo và quốc tịch vẫn không thể ngăn cản người ta cùng nhau hợp lực một cách hòa thuận để tranh đấu cho sự sống còn». Thuyền chúng tôi tựa như một thế giới nhỏ, trong đó nhân loại chung sống chặt chẽ với nhau. Bảy người cùng tôi đi thuyền RA I, bây giờ trên thuyền RA II còn 6 : Kỹ sư Norman Baker, 41 tuổi; Bác sĩ Santiago Genovés, 46 tuổi, nhà nhân chủng học xứ Mỹ; vua leo núi Carlo Mar, người Ý 40 tuổi; Yuri Senkevitch 33 tuổi, người Nga; «vua lặn» Georges Sourival 30 tuổi và tôi 55 tuổi. Ngoài ra còn có 2 người mới là Kei Ohara, điện ảnh gia người Nhật, và Madani. Ouhanni, thương gia người Ma Rốc, Phi châu. Chúng tôi hầu hết chưa có nhiều kinh nghiệm đi biển, có người chỉ mới đi thuyền, hay phà 1 hai lần mà thôi.

**Mũi thuyền là tổ chim,
Đáy thuyền là hồ cá**

C O N thuyền đang chìm dần chúng tôi không biết làm gì hơn là chờ xem nó sẽ chìm tới đâu. Dưới đáy thuyền là cả 1 hồ cá. Tôi nhảy xuống đó bơi đùa với mấy chú cá.

Nhưng khi trời người lên mặt

nước, bỗng thấy mình bơi lọt ra khỏi thuyền. Cũng may lúc đó trời lặng gió nên nhờ dây an toàn tôi đã leo lên thuyền trở lại được.

Khi qua đảo CANARY, chúng tôi được nhiều đàn chim chiếu cố đặc biệt. Chúng coi thuyền của chúng tôi như là 1 ổ rơm giữa đại dương. Tuy nhiên, có nhiều con đã bay đi đường như biết rằng cái «ổ rơm» này sắp chìm xuống nước. Tôi viết vào nhật ký «chúng tôi đang sắp chìm hẳn xuống nước, và khó mà tiếp tục được...»

Ra II tiến về hướng tây

THÁNG 6-70, trời bắt đầu gió mạnh. RAI chạy từ 60 đến 70 hải lý mỗi ngày. Nước vẫn thấm vào vỏ tàu, nhưng đồng thời cũng chảy ra theo những bó rơm mềm trở lại như 1 thác nước từ thuyền chảy ra. Đến giai đoạn này, RAI trở nên cứng chắc, hơn lúc mới, những bó rơm thấm nước nở ra bó chặt lại nhau, và chắc hơn là lúc còn khô ở trên bờ. Và với hai cần lái, một ở phía phải một ở phía trái mạn tàu đã giúp chúng tôi điều khiển con thuyền rất hiệu quả. Nhưng chúng tôi lại gặp một trở ngại khác: Khoảng giữa đáy thuyền bỗng trở thành 1 cái hồ vì những bó rơm, dù đã nở ra, cũng không thể cho nước từ trong thuyền thoát ra nữa. Và do đó con thuyền nặng thêm vì phải chở hàng tấn nước vô ích này. Nhưng sau cùng, thuyền không chìm nữa vì những bó rơm đã thấm đủ nước, không hút nước thêm trái lại cản nước như ván gỗ vậy. Tôi nghĩ, giá khi đóng thuyền chúng tôi

dùng cả 12 tấn rơm mà tôi đã kiếm tại hồ TANA (BLUE NILE) thì chắc thuyền sẽ không lâu chìm như bây giờ. Chiếc thuyền này, chỉ được dùng có 2/3 số rơm kê trên mà thôi.

Vào 1 buổi sáng, đứng ngắm bầu trời, viết vào nhật ký «Mặt trời mọc phía sau đuôi của RAI trông thật đẹp. Chiếc đuôi thuyền cao ngạo nghễ như nói lên sự bùng sống của chúng tôi». Về đêm tôi viết: «Cánh buồm RAI, hình ảnh của thời xa xưa, hiện giữa bầu trời đầy sao. Lúc này, ánh trăng đang đùa giỡn với những làn sóng đen mờ...» Cảnh tượng thật là khó quên...

Tại nạn : lái thuyền gãy

ĐANG đứng ngắm những cảnh tượng đẹp này, tôi bỗng thấy như có 1 làn sóng thật mạnh, đập vào

đuôi thuyền. RAI bỗng như con thú đầu lên xuống. Tôi nghe 1 tiếng «rắc», chắc là gãy cái gì rồi đây! Cúi xuống mạn thuyền nhìn, tôi thấy cần lái đã gãy.

RAI xoay mình qua một bên, không có gì bảo đảm cho chúng tôi giữa đại dương mênh mông nữa. Cánh buồm đập mạnh vào cột buồm liên hồi như tiếng súng, nước biển văng lên đầy người chúng tôi. Tiếp theo đó, là những giờ phút tuyệt vọng nhất. Chúng tôi không thể đặt lái thuyền xuống mặt biển. Con thuyền bắt đầu chìm trở lại. Chúng tôi chưa biết phải làm gì trước tình thế này!

Nhưng sau đó, chúng tôi đồng ý cuốn buồm lại và ứng chế một cần lái mới. Chúng tôi phải dùng thanh gỗ mỏng để thay vào khúc bị gãy. Nhưng vì ngắn quá, chúng tôi lại phải nối hai khúc mới tới

— Má ơi, đi
Ba gọi điện thoại
cho Ba nè!



đu. Tôi ghi vào nhật ký « chúng tôi phải tranh thủ với thời gian. Mọi người đều mệt mỏi vì phải làm việc bị bồm dưới nước. Nhưng sau cùng, chúng tôi đã sẵn sàng một căn lái mới... »

Sau hai ngày thuyền bỗng bồng bềnh không lái, chúng tôi căng buồm tiếp tục đi. Tôi thấy buồn ngủ kinh khủng.

Norman dùng ống nhắm đi biển xác định vị trí của Ra II. Anh cho biết chúng tôi đã vượt quá nửa đường. Người chúng tôi lúc này đều bị say sật vì phải tranh đấu với con thuyền không lái...

Cuộc sống trên thuyền xác định bản chất của con người..

TÔI ghi vào sổ nhật ký: Tôi chưa bao giờ có những người bạn đúng nghĩa như ngày hôm nay... Một nhóm người thuộc nhiều quốc gia làm việc bên nhau thật hoà ái và thuận hòa.

Tôi thấy rằng, sau những ngày chung sống với nhau trên thuyền, một vài người có thể xích mích với nhau vì những ý kiến cá nhân rộng việc thực hiện mục đích chung là làm cho cuộc hành trình hành công. Ngoài ra, tuyệt đối không có sự đáng tiếc nào xảy ra bắt nguồn từ sự khác biệt màu da, tôn giáo, và quốc gia. Và tôi nghĩ, đâu và lúc nào, « con người vẫn là con người », không thể nào đào tạo một bản chất đặc biệt cho con người bằng cách chia hoặc kết hợp thành những quốc gia, bằng cách phân biệt lãnh thổ trên bản đồ...

Cuộc gặp gỡ giữa biển khơi..

VAI ngày sau đó, chúng tôi bỗng thấy từ đằng xa một chiếc tàu CALAMAR đang tiến về hướng chúng tôi. Chúng tôi kéo cò Mỹ Quốc lên xuống để chào nhau. Đó là ngày 30/6. Thủy thủ trên tàu CALAMAR hét lớn, nói với chúng tôi bằng nhiều thứ tiếng rằng, «trông chúng tôi giống như những chiếc thuyền trong truyện thần tiên của dân du mục...»

Gặp các thủy thủ trên CALAMAR chúng tôi được biết đã sắp đến BARBODOS. Gặp CALAMAR tôi thấy rằng cuộc du hành thí nghiệm của chúng tôi sắp hoàn thành chỉ còn chịu đựng khoảng một ngày nữa. Nhưng ngày cuối cùng này chúng tôi lại gặp bão lớn.

Ngày 6-7: Những đám mây dày đặc bao phủ chúng tôi, mưa ào ào như thác.

Ngày 7-7: Tất cả đồ vật trên thuyền đều ướt sũng, kể cả chăn mền và chỗ ngủ của tôi. Không ai có thể ngủ yên giấc. Norman, trong cơn ác mộng, đã la lên: «buồm đã rách ra từng mảnh». Yuri, cũng nằm mơ, tự đâm vào người thỉnh thoảng, Carlo ngái ngủ kéo lấy mền của tôi để đắp.

Ngày 9-7: Gió kinh khủng. Buồm căng đến nỗi không ai nín được góc buồm nữa. Chúng tôi sợ buồm bị rách thì thật là nguy hiểm, vì đây là cánh buồm duy nhất còn lại... Tôi hét lên «Norman, làm sao bây giờ?» Norman trả lời. Nhưng vì gió và sóng ào ào, tôi nghe không được... Tôi lại hét lớn «Thả neo nổi». Và những cái phao này đã khiến chúng tôi sóng sót 1 lần nữa.

Cuộc hành trình kết thúc

VA O sáng ngày thứ 57 lệnh đèn trên biển, chúng tôi đã thấy mùi cỏ thơm của đất liền. Tối trưa, chúng tôi thấy 4 chiếc phi cơ và 50 chiếc thuyền nhỏ tại bến BRIDGETOWN, BARBADOS đang chào đón chúng tôi.

Chúng tôi thối còi và reo lên vì sung sướng. Norman — chào những chiếc thuyền và đón chúng tôi bằng cách giơ lên giơ xuống lá cờ Hoa Kỳ. Georges đốt đèn sáng tỏ dấu hoà bình... Carlo và Santiago đang đứng dựa cột buồm vẫy tay chào. Madani mỉm cười sung sướng, nhưng tay vẫn cầm cần lái. Tôi ngồi yên, trong lòng thầm cảm ơn mọi người...

Chúng tôi được các thuyền bạn cột dây kéo vào bến BRIDGETOWN. Đứng trên thuyền, 8 đứa chúng tôi thuộc 8 quốc gia khác nhau, bắt tay nhau mừng rỡ như đã lâu mới gặp.

Tại bến BRIDGETOWN, RAI vẫn lừng lững nguyên vẹn như ngày khởi hành, không hề mất

mất một bó rơm hay khúc dây thừng nào. Sau đó, Ra II được chở tới viện Bảo Tàng Kontiti. (Norway)

Lên bờ, chúng tôi gặp lại gia đình, tiếp xúc với báo chí. Chúng tôi cũng được Thị Trưởng BARBODOS và hơn 25000 dân chúng tại đây đón tiếp.

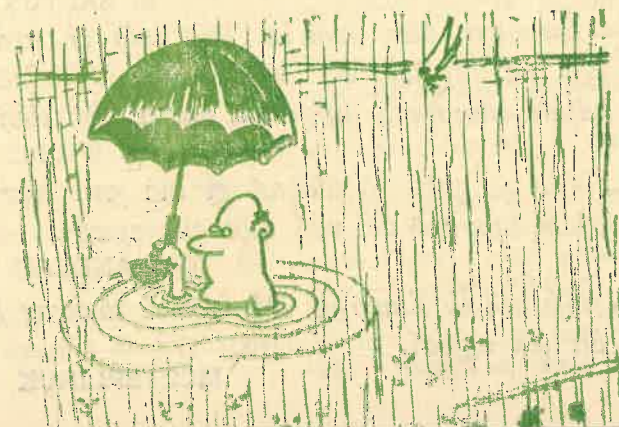
Cuộc hành trình đã thành công: nhưng đã giúp chúng tôi minh chứng được những gì?

Trước hết, chúng tôi chứng minh được rằng loại thuyền rơm có thể dùng để vượt đại dương.

Thứ hai, chúng tôi có thể kết luận rằng, kiểu thuyền rơm — một kỹ thuật bắt nguồn từ Bắc Phi — đã được các thủy thủ vượt Đại Tây Dương — đem nhiều ảnh hưởng đến thổ dân tại Tây Bán Cầu.

Và sau hết, chúng tôi thấy rằng, con người có thể hợp tác với nhau để thực hiện bất cứ việc gì, nhằm đến sự sống còn của nhân loại mà không hề có sự trở ngại vì sự khác biệt màu da, sắc tộc hay tín ngưỡng.

TRANH KHÔNG LỜI





Tư tưởng

— Hôn nhân : Kỷ niệm của một tình yêu.

ROWLAND.

— Một tên gốc luôn luôn tìm ra một kẻ khác gốc hơn ngưỡng mộ mình.

BOILEAU

— Người đàn ông thật giản dị là người không bao giờ nghe nói về tiềm thức của mình.

W. DEEPING

— Người không có chỗ ở là một tên ma cà bông. Người có hai chỗ ở là kẻ phóng đảng.

G. B. SHAW

— Nếu tất cả đàn bà đều có chồng và tất cả đàn ông đều độc thân thì xã hội sẽ trở nên hoàn toàn.

E. SALTUS

— Ba mươi lăm tuổi là lứa tuổi lý tưởng của phụ nữ. Xã hội đẩy dẩy các bà, từ bao nhiêu năm nay, đã quyết định cho mình được ba mươi lăm tuổi.

O. WILDE

— Yêu và ghét, là những gì mà con người cảm thấy một cách đam mê đối với một con người.

JOUHANDEAU

— Nếu tôi là Thượng Đế, tôi sẽ thương hại cho tâm hồn của loài người.

MECTERLINCK

Một khám phá mới của phổ thông

Tamassou hải đảo thần tiên của Việt Nam

• NGUYỄN THUỘC

K H Ô N G ngờ giữa không khí chiến tranh này, chúng tôi lại được sống những ngày rất thần tiên, thơ mộng trên một hải đảo của Việt Nam, đó là hải đảo Tamossou !

Hôm đó vào một buổi chiều cuối tháng 10 năm 1970, chúng tôi và 2 người bạn từ Saigon ra đã được nằm thoải mái trên một chiếc ngư thuyền lớn đang bỏ neo cạnh hải đảo Tamossou để chờ đánh cá. Trên thuyền có khoảng 10 người, hầu hết là thanh niên khỏe mạnh.

* Đặt chân tới Tamassou, (Lại Sơn) du khách có cảm tưởng là mình đi tới một xứ thần tiên nào khác chứ không phải là xứ Việt Nam đau khổ vì chiến tranh này nữa...

Được nằm ngửa trên mặt thuyền nhìn trời bao la, nhìn biển Thái bình Dương rộng mênh mông như là cảnh hùng vĩ của Hải đảo Tamossou, chúng tôi có cảm tưởng như mình đã rời khỏi Việt Nam, và đang sống ở

một khung trời nào xa lắm, không có tiếng súng Chiến tranh, không có sự ồn ào quá độ của thành phố không có những sự tranh giành cầu xé đã làm cho dân Việt Nam đau khổ triền miên từ nhiều năm qua.

Chúng tôi đang thả hồn theo tiếng sóng biển gầm thét từ xa tiếng gió reo vì vút giữa cảnh non nước quá hữu tình này, thì ông bạn thuyền trưởng kêu lớn :

— Nào mời ba ông bạn ăn cơm chớ, cơm xong rồi đây nè !

Lúc đó tôi mới cảm thấy mình đói bụng lạ lùng. Đi theo thuyền đánh cá này lên đến trên mặt biển hơn 3 tiếng đồng hồ, chúng tôi không ăn uống gì cả, vì trên thuyền chỉ có lưới và các ông bạn ngư phủ mà thôi. Khi nhìn mâm cơm với một nồi cơm thật lớn và một nồi cá tươi kho, không cao lương mỹ vị, tôi chợt thêm lạ.

Có lẽ không chuẩn bị kịp cho khách nên trong bữa cơm ăn giữa biển hôm đó, nhiều bạn phải ăn bằng đĩa thay chén. Đôi đĩa phải chế đôi mới đủ dùng.

Những miếng cá kho ăn ngon tuyệt. Cá này là cá tươi vừa mới bắt dưới biển lên, lại kho bằng nước dừa, và nước mắm hải đảo nên có một hương vị khó tìm thấy ở đất liền.

Thêm một điều ngon miệng hơn nữa là những con cá biển này do công của mình bắt lên : Trước đó một giờ, vì thuyền chưa bủa lưới, nên một ông bạn đã liệng một trái lựu đạn xuống biển.

Nhiều ông bạn khác lặn xuống lượm cá bị ngạt vì sức ép lựu

đạn. Tôi cũng nhào theo xuống biển nhưng khi nhìn những hòn đá lạ lùng, những loại rong rêu kỳ dị dưới đáy biển tôi không dám lặn xuống sâu. Hai thằng bạn cùng đi cũng ăn cơm một cách ngon lành như tôi.

Trong bữa cơm đậm bạc nhưng quý giá này, các bạn ngư phủ còn đãi chúng tôi một thứ rượu khá đặc biệt : Whisky pha với nước dừa hải đảo ! Ở Saigon, tôi không bao giờ dám đụng tới rượu mạnh. Nhưng không hiểu sao hôm đó tôi lại uống nhiều hơn những người nghiện rượu nữa. Một ông bạn đã phải buột miệng :

— Chà ! Lạ quá nhỉ, đi với ông bạn lâu rồi, tôi có bao giờ thấy ông bạn nhậu đâu, sao hôm nay lại trở tài dữ vậy ?

Nghe nói, tôi lại càng mời mọi người cùng ly nữa.

Mãi về sau, tôi mới khám phá ra rằng vì ăn cơm lạ miệng, thở không khí trong lành, nhất là không có thức uống nào khác ngoài rượu này nên tôi mới uống nhiều như vậy.

Thiệt ra tính đến lúc tôi ngồi lên thuyền trên ngư thuyền này thì chúng tôi đã tới hải đảo Tamossou được hai ngày. Chúng tôi từ Saigon xuống Rạch Giá, rồi theo thuyền đánh cá ra Hải đảo Tamossou. Thời gian đi thuyền mất gần 6 tiếng.

Hải đảo Tamossou nằm trong Vịnh Thái Lan cách đất liền (Rạch Giá) khoảng 60 cây số, cách đảo Phú Quốc 80 cây số. Khi tàu đưa chúng tôi gần tới Hải đảo, chúng tôi đã cảm thấy vô cùng ngạc nhiên lần

lần thứ. Hải đảo có những đồi núi chập trùng, nước biển trong xanh hòa hợp với nhau một cách tuyệt mỹ chưa từng thấy, khiến chúng tôi có cảm tưởng như thể mình đang lạc đến một quốc gia nào khác không phải là nước Việt Nam nữa.

Thuyền tiếp tục chạy theo chung quanh đảo, nhiều tảng đá hình thù lạ lùng lần lượt xuất hiện dưới những cặp mắt tò mò thích thú của chúng tôi. Rồi một khu phố với nhiều dãy nhà lầu 2 tầng xuất hiện. Chúng tôi lại ngạc nhiên nhìn khu phố toanh ở nơi xa xăm trống vắng này. Sự sung túc và đông đảo dân cư của khu phố thật là một sự kiện bất ngờ. Vì từ lâu ai cũng nghe nói Việt Nam chỉ có hai đảo lớn phồn thịnh là Phú Quốc và Côn Sơn mà thôi chứ đâu ngờ lại thêm một hải đảo phồn thịnh chưa từng nghe nói này nữa.

Trên bờ nhiều người đã tập trung để đón chúng tôi. Không phải đón khách mà là đón bất cứ chiếc tàu nào từ đất liền ra, vì đối với hải đảo, đây là một cảnh lạ mắt cho nhiều người.

Đứng bên bờ, nhìn bãi cát trắng phau ngay trước mặt, nằm sát một vùng biển trong xanh rộng mênh mông, chúng tôi nhận thấy trong đất liền chưa có bãi biển nào nên thơ bằng bãi biển ở đây, kể cả những nơi danh tiếng như ở Vũng Tàu, Nha Trang.

Cảm tình của chúng tôi dành cho hải đảo này càng gia tăng hơn khi chúng tôi được gặp những người dân với bộ mặt hiền lành, chất phác đứng trên bờ.

Chúng tôi không để mất thì giờ, vừa xuống thuyền là lo tìm đến thăm ông Chủ đảo ngay. Danh hiệu này đã được nhiều bà con ở Rạch Giá tặng cho Ông Chủ tịch Hội đồng Nhân dân xã Lại Sơn tức đảo Tamassou. Ông Trần khai Hòa, Chủ tịch HĐ Xã và ông Nguyễn văn Khôi, Tư Trưởng đã tiếp đón niềm nở và dành cho chúng tôi nhiều ưu tiên trong thời gian ở đây. Trong căn nhà của ông Hòa, nằm trên sườn núi giữa một khu đất rộng thoạt trông như là một hoàng cung của vị chúa đảo, chúng tôi đã hết lời khen những cảnh đã trông thấy về hải đảo. Ông Hòa giới thiệu thêm :

— Nếu các bạn ở đây lâu, các bạn sẽ được chứng kiến nhiều cảnh lạ lùng nữa. Hải đảo này tuy nhỏ nhưng đặc biệt lắm. Trên ngọn núi cao nhứt của đảo đã có một khu vực không khí mát lạnh quanh năm trong trọi như là Đà Lạt. Chúng tôi không hiểu tại sao hải đảo này lại có được một khu vực như vậy. Ngoài ra trên đảo còn có cảnh Đá Bàn, đó là hòn đá lớn nhất trên đảo, mặt bằng phẳng, máy bay trực thăng từ đất liền ra thường đáp trên tảng đá này.

Trầm ngâm một chút ông Hòa nói tiếp :

— Trước đây, lúc nhà Tây Sơn khởi nghĩa, vua Gia Long thất bại đã dẫn tàn quân chạy ra đây, ăn nấu trên hải đảo này, và để lại nhiều di tích lịch sử. Hiện hải đảo còn nhiều đền chùa để thờ người xưa, như đền thờ Lang Lại Đại Tướng Quân, Miếu Bà Cố chủ, và vị tướng đã được vua (Xem tiếp trang 80)

cười

● Một nhân viên trẻ rụt rè bước vào phòng Ông Giám Đốc vốn nổi tiếng khắc nghiệt, độc đoán :

— Thưa ông Giám Đốc, Ông có thể nào cho tôi được nghỉ làm 8 hôm không ạ ?

— Tám hôm ! Anh làm gì mà xin nghỉ tám hôm ?

— Dạ, thưa Ông Giám Đốc, tôi mới cưới vợ hôm thứ bảy và vợ tôi sẽ rất sung sướng nếu có tôi cùng đi hưởng tuần trăng mật với nàng...

● Một anh chàng trẻ tuổi độc thân bước vào phòng mạch bác sĩ và than phiền rằng anh không ăn không ngủ được. Sau khi khám bệnh, bác sĩ hỏi anh ta về các triệu chứng, trong đó có câu :

— Còn về cuộc sống tình dục của ông ?

— Ồ, tuyệt diệu lắm. Nhưng những hoạt động tình dục của tôi không cho tôi rảnh lấy một phút để ăn hay ngủ nữa !

● Một ông nọ hăm hăm bước vào phòng một ông bác sĩ phân tâm học, tay kéo theo một người đàn bà :

— Thưa bác sĩ, đây là vợ tôi. Chúng tôi lấy nhau đã hai mươi năm nay... và bỗng nhiên bà ấy hành động một cách kỳ cục...

— Kỳ cục ?

— Vâng, thưa bác sĩ : bà ấy nuôi nhiều con đẻ trong phòng

khách, xong mới mới chịu không nổi.

— Thế tại sao ông không mở tất cả cửa lớn và cửa sổ trong phòng ? Mấy con đẻ đó thấy cửa trống có thể sẽ chạy ra ngoài...

— Bác sĩ nói sao ? Mở cửa lớn và cửa sổ ? Để cho mấy con vịt của tôi bay tuốt hết à ?

● Hai người bạn nói chuyện với nhau về đời sống vợ chồng.

— Vợ của tôi tiêu hoang quá.

— Vợ tôi cũng thế. Vì vậy tôi mua tặng bà cuốn sách nhan đề « Làm thế có thể tiết kiệm trong gia đình ».

— Thế nào kết quả gì không ?

— Có chứ. Bà cấm tôi hút thuốc và uống bia.

● Tại một bộ nọ, một chủ sự phòng gọi một nhân viên lại bảo :

— Này anh, tôi đề ý thấy anh cứ thường đi về vào lúc 5 giờ 30 trong khi 6 giờ mới tan sở.

— Thưa ông, tôi đâu có đi về, tôi vừa mới đến đây chứ ạ.

● Trong lúc đi ra khỏi quán rượu một ông khách gọi một ông khách khác :

— Này ông, cái áo khoác mà ông cầm đó là của tôi đó.

— Ồ, xin lỗi Ông, tôi lại cứ tưởng nó là của cái ông vừa bước vô nhà tắm.

● Một đôi tình nhân vừa đi dạo vừa âu yếm nói chuyện với nhau :

— Em mong chờ làm sao ngày chúng mình thành hôn với nhau để em có thể chia xẻ những nỗi đau khổ và âu lo của anh...

— Nhưng mà anh đâu có nỗi đau khổ hay âu lo nào ?

— Khi chúng ta lấy nhau rồi, anh sẽ có.

● Sau khi ăn trưa tại một nhà hàng, một khách hàng đến gọi người chủ đến để khen tặng :

— Tôi rất hài lòng vì thứ căn ngon mà giá không đắt lắm.

— Xin lỗi ông, nếu vậy thì có lẽ là cô đầu ngân viên đã tính nhầm rồi.

Tamassou...

(Tiếp theo trang 77)

Gia Long phong sắc thân.

Ông cũng cho biết chúng tôi quả may mắn nên đến vào đúng ngày dân trên hải đảo tập trung đến nội địa đảo để lo lễ cúng bà Cổ Chủ.

Theo lời giải thích của ông, trước đây, người đặt chân đầu tiên tới hải đảo này là bà Tăng thị Phú, vì vậy khi bà mất đi những người đến sau đã lập một Miếu thờ bà gọi là Miếu bà "Cổ Chủ". Hiện nay Bà Cổ Chủ còn một người cháu sống trên đảo, tên Nguyễn Văn Chạy đã được 90 tuổi. Sự kiện này có thể giúp các nhà viết sử biết được bà Cổ Chủ khám phá ra hải đảo này trong thời gian nào.

Buổi tối, chúng tôi được hướng dẫn tham dự buổi cúng tế.

Toàn thể dân chúng hải đảo Tamassou có độ 3.000 người, và hơn phân nửa đã đến dự. Dân

hải đảo tổ chức cúng bái rất trang nghiêm và linh đình, có nhạc và múa lân. Đến 1 giờ sáng một chiếc thuyền đánh cá bằng giấy được thả xuống biển để cầu xin cho các thuyền đánh cá của hải đảo được bình yên vô sự khi đi hành nghề giữa biển cả.

Sau đó, nhiều tràng pháo được đốt lên giữa đêm khuya nổ ròn rã. Ông xã trưởng nói với chúng tôi:

— Đêm khuya thế này mà chúng tôi dám đốt pháo là vì ở đây từ 10 năm qua gần như không có không khí chiến tranh. Chúng tôi sống trong khung cảnh hoàn toàn an ninh, không có giới nghiêm, dân chúng có quyền đi lại suốt ngày đêm một cách tự do và thông thả.

Đối với vùng đất liền đang bị bom đạn dày xéo thì đây quả thật là một hải đảo thần tiên!

(Còn một kỳ)

— Anh giận làm gì, con nó đã nói là nó rất ân hận đã chẳng sợ dây nơm cầu thang.



Cười thăm

Một cậu bé viếng thăm bảo tàng viện với bà mẹ.

— Con xem này, đây là bức chân dung của họa sĩ do chính ông ta vẽ lấy

— Không phải vậy đâu mẹ...

— Sao con nói sao?

— Vâng, thưa mẹ, làm sao họa sĩ có thể tự vẽ được? Mẹ không thấy trong bức tranh ông ta đang thọc hai tay vào túi quần sao?

Một người tò mò hỏi người câu cá:

— Ông cho nó ăn mồi gì vậy? Tôm, cá hay trùn?

— Không. Tôi dùng mồi bằng bạc cắc, để cá muốn ăn gì thì mua theo ý thích của nó!

Tại cửa ra một nhà ga, một hành khách hấp tấp ra cửa, gặp người bạn chờ sẵn liền nói:

— Thoát nạn, tôi mừng quá vì không thấy người soát vé đâu cả.

— Ủa anh đi tàu không có vé hay sao?

— Không, tôi có vé chứ, nhưng tôi ngồi trong toa của những người hút thuốc mà tôi lại không có hút.

Một cặp vợ chồng mời một người bạn về nghỉ mát cuối tuần tại nhà mình ở đồng quê. Nhưng hết ngày chủ nhật sang thứ hai, rồi một tuần trôi qua người bạn vẫn không nói gì đến việc ra đi cả. Cuối cùng người vợ thu hết can đảm để nói khéo:

— Nay anh, anh ở đây đã tám ngày rồi, chắc chị và các cháu ở nhà mong anh và buồn lắm.

— Vâng, chị nói phải, để tôi đánh điện cho nhà tôi và các cháu đón đây ở chơi luôn,



THƠ CHO THANH VÂN

Em cũng vậy đi trên vùng chợt ngã
Mỗi trăm năm cao vút đỉnh yên bề
Ngày thăm thiết mang theo cùng đi chúc
Chợt nghe không lời âu yếm vô ngần

Em ngồi sáng trong trí người yêu dấu
Động trên mi trời âu yếm vô vàn
Xanh thăm quá cuộc đời màu lá mạ
Là vàng phai một quá khứ trong đời

Khi người đến mang phần yên vui đến
Vỗ về nhau lời nói dễ ru tôi
Bao nhiêu thơ không nói hết trong đời
Bao nhiêu tháng thơm hương màu lá biếc

Thôi chấm hết vùng trời mưa bão đó
Như giấc mơ đánh thức một phương trời
Dĩ vãng ấy thoáng nghe như mộng寐
Kỷ niệm trong tay ngà ngọc trong đời

Em về với buổi bình minh chợt tới
Mang cho tôi phần yên nghỉ đời đời
Tôi sẽ chết trong vòng tay âu yếm
Tôi sẽ trẻ thơ cùng tháng năm cười

Hạnh phúc ấy trăm năm còn gìn giữ
Những ân tình treo giá ngọc cho cam
Hạnh phúc ấy hạnh phúc tôi mong ước
Hỡi em yêu tôi đón rước theo cùng

TRẦN LIỄU HẠ

V IẾT văn làm thơ được nhà báo, nhà sách thù tặng một số tiền, gọi là nhuận bút.

Tiền nhuận bút nghĩa là tiền «mua» một bài văn bài báo hay bài thơ mà tác giả đã viết ra, nhưng đôi là «mua» hay «bán» hoặc «trả» thì nghe nó khiếm nhã và không văn nghệ đối với văn chương vốn là một ngành cao quý thuộc về tinh thần, cho nên người ta gọi là nhuận bút, nghe nó thanh nhã hơn.

Lệ nhuận bút đã có từ thế kỷ 15, 16 ở nước Tàu, bắt đầu từ đời Tùy :

Trịnh Dịch được nhà vua phong tước Bái quốc công, ngôi Thượng Trụ quốc. Triều thần là Cao Dĩnh, phụng mệnh vua viết Chế thư, tức là sắc phong. Cao Dĩnh hỏi đùa Trịnh Dịch rằng :

— Đề bút khô ư ?

Trịnh đáp :

— Làm tới chức Phương nhạc (tức là tước công, tước của vua chư hầu) thì đã chống gậy xin về, không được một đồng tiền nào còn lấy gì mà làm nhuận bút nữa?

Người ta bảo hai chữ nhuận bút khởi đầu có từ cuộc văn đáp này và hơn đó, người ta dùng luôn cho đến nay.

Cũng có kẻ bảo là chưa đúng. Vì tác giả sách «Dung trai tục bút» nói rằng tiền nhuận bút đã có từ đời Tấn Tống, (T tiền Tống — sau đời Tam Quốc) nhưng đến đời Đường (823-907) mới thịnh hành.

Chưa biết thuyết nào đúng, nhưng điều chắc chắn là không thời nào tiền nhuận bút thịnh hành bằng đời Đường. (Có lẽ do nhuận bút hậu

TIỀN NHUẬN BÚT BẮT ĐẦU CÓ TỪ THỜI NÀO ?

• Bà ÁI LAN

Hàn Dũ, một người được trả nhuận bút nhiều nhất — Liễu Tân lại thẹn đến sượng sùng khi nghe nói đến tiền nhuận bút,

trọng như vậy nên đời Đường, văn chương nghệ thuật mới được cực thịnh như ta đã biết ?) Người ta muốn chỉ về văn học thanh suy ở nước Tàu, thường bảo là thời thịnh Đường.

Như Lý Ung chỉ chuyên viết văn mà tiền nhuận bút thâu về, làm giàu đến cự phú. Hoàng phủ Đề viết văn bia chùa Phúc Tiên cho Bùi Độ, Bùi Độ tặng lại cho tác giả xe ngựa, vóc lụa rất hậu. Nhưng Đề cả giận không lấy. Sau Độ phải tặng thêm chín ngàn vuông lụa, bây giờ văn sĩ mới bằng lòng.

Thi hào Bạch Cư Dị làm văn mộ chí cho thi sĩ Nguyễn Thận mà được con cái của Nguyễn Thận tạ lễ nào yên ngựa, nào lụa vóc, nào đai ngọc, các thứ trị giá tới bảy tám mươi muôn.

Bùi Quân mất, con trai Bùi đem vạn quan tiền đến cậy văn sĩ Vi Quán Chi làm văn khắc bia mộ chí.

Tục nhuận bút đã thành cái lệ, không có không được, nên bất luận văn sĩ nào liêm khiết trung chính đến đâu cũng không từ chối món tiền thù tặng. Chẳng hạn như Hàn Dũ, tức Xương Lê mà cũng không bỏ mỗi lợi nhuận bút đó.

Trong bài văn Lưu Vũ Tích tế Hàn Dũ, có câu rằng :

«Đỉnh trước Công, bia trước Hầu ghi ở hầm, khắc ở bờ (ý nói mộ chí) cái giá một chữ, xe vàng như non» (Công Đỉnh Hầu bi, chí tụy, biểu thiên, nhất tự chí giá liên kim như sơn.)

Ý nói một chữ của Hàn Dũ ghi vào bia đỉnh nhà quyền quý, hoặc đề vào bia mộ đáng giá xe

vàng ; Người bảo sinh thời Hàn Dũ đã kiếm được rất nhiều tiền về việc bán văn chương cho nhà quyền quý.

Tuy nhiên, thỉnh thoảng cũng có nhà văn lấy làm ngượng ngùng hổ thẹn khi nghe nói đến khoản tiền bán văn, chẳng hạn như Liễu Tàn làm quan Thứ sử Lô châu đời Đường,

Bấy giờ Đông Xuyên Tiết Độ Sứ là Cổ Ngạn Huy, nhờ Liễu Tàn làm văn bia đức chính, Liễu nói :

«Nếu tặng tiền nhuận bút thì không dám vâng lời !»

Đó là một ngoại lệ rất hiếm có ở thời thịnh Đường.

Sang Đời Tống, tục nhuận bút tuy chưa mất hẳn, nhưng cứ suy dần.

oOo

Ở nước ta trước đây, hồi Tàn Đà tiên sinh còn, thì tiền nhuận bút tẻ đến đời tiên sinh phải kêu lên : «văn chương hạ giới rẻ như bèo !» và ở hạ giới bán văn rẻ mạt như thế nên tiên sinh đem văn thơ lên bán ở chợ Trời. (xin đừng lộn với chợ trời ở đây!)

Dân chúng đa số lúc đó lại hoan nghinh món ăn tinh thần hợp «khẩu» là văn nghệ đấu tranh, văn chương ái quốc của các nhà chí sĩ, hay ít ra cũng loại văn thơ có nội dung chẳng hạn như bài thơ «Gánh nước đêm» của cụ Á-Nam Trần tuần Khải. Còn lời thơ văn «mơ theo trăng và vơ vẩn cùng mây» thì không còn hợp tình hợp cảnh nữa, cho nên không đắt hàng và đắt giá là lẽ đương nhiên vậy.



những mùa mưa lãng quên

• truyện dài TỪ KẾ TƯỜNG

CÁNH rừng nằm bên kia con lộ đá, cách ngôi trường tiểu học một khoảng đồng mạ cấy chưa xanh. Đã gần một tuần lễ nay không có cơn mưa nào. Những thửa ruộng trong tầm mắt Nguyễn đã bắt đầu cạn nước. Đứng ở đây, nhìn bao quát một lượt cái khung cảnh của những ngày không mưa, mọi vật ngó thấy được đều rất tội nghiệp như màu mạ cháy vàng tươi, kéo từ một chân đê lên mãi đến bia rừng. Đó cũng là một con đường, một lần ranh không gian. Nguyễn muốn đi vào đó, thở với nắng, với bắt một ngọn gió của buổi chiều khô. Tôi không là một cái cây nên tôi không sợ những dẫn dắt của mặt trời mang tôi tới sa mạc. Nguyễn cười một tiếng nhỏ. Điều thuốc sắp tàn làm rơi những vụn lửa. Nguyễn đưa lên môi ngậm, hít một hơi dài. Hơi này là hơi cuối cùng, hơi không bao

giờ có nữa. Nguyễn ném mẩu thuốc tàn xuống bờ ruộng, nước sệt quanh chân mạ nghiêng, không đủ hơi sức đẩy mẩu thuốc nổi lênh bênh như những ngày thường có mưa trút xuống. Nguyễn châm một điếu khác, và chàng hút chậm rãi. Không có việc gì phải vội vàng cả, như gần một tháng nay trời không vội vàng mưa.

Buổi chiều xuống thật chậm, mặt trời như một trái cây chín treo trên cành. Nắng trải nhẹ trên màu mạ và chan hòa phía rừng. Con lộ đá chạy len lỏi qua những hàng cây thưa. Chuyến xe cuối cùng trong ngày chưa về tới. Chiều nay Nguyễn trông đợi gì ở chuyến xe đó, hay cũng chỉ là những trông đợi thường lệ. Mơ một mối liên lạc về thành phố kia. Nơi Nguyễn đã rời xa không hồi tiếc. Nguyễn đi men ra bờ cỏ, chàng ngồi xuống. Điếu thuốc lóe trên môi. Chỗ ngồi thật êm mát, thật tự do. Nguyễn bây giờ không phải là Nguyễn của ngày hôm qua. Nguyễn ngồi trên bờ cỏ chắc chắn khác xa Nguyễn ngồi trong lòng ghế mây rộng. Và từ đây, tất cả đều đã đổi thay, chuyển dịch. Từ phía này tôi đã nhảy một cái sang phía kia, trong vòng tròn này tôi đã xoay một cái sang vòng tròn kia. Tôi đang bắt đầu lạ mặt như thể một cái chong chóng quay nhanh trước đôi mắt kinh ngạc, mở lớn của đứa trẻ con. Đôi mắt đang là những nhận định, và vì sự quay nhanh của tôi nên những nhận định mơ hồ, không thoát qua những lăm lăm. Buổi chiều đang xuống, cánh đồng đang khô, màu mạ đang cháy. Tất cả đều là sự tiếp nối đến trùng trùng. Nguyễn nhìn về phía rừng, dáng rừng im sững. Cái bóng không lồ thiên nhiên ấy thật cách biệt với bầu trời cao, bằng quơ, mệnh mang không có lấy một chỗ nghỉ chân. Nguyễn đưa tay che miệng ho một cái. Chiếc xe bò từ lúc nào đã hiện rõ trên lộ đá. Người đàn ông đánh xe cầm roi, chiếc roi dài, cái nón lá úp xuống, cũ kỹ, mục nát, như phủ đầu một thời đại đã qua. Hai con bò đi sóng đôi, bụi mù bốc lên phía sau xe. Người đàn ông quơ quơ chiếc roi phía trước mặt. Chiếc xe bò lạch cạch quẹo vào con đường làng, bụi càng bốc lên dữ dội. Nguyễn đứng lên đi khỏi bờ ruộng. Khi chiếc xe bò tới chàng đã đứng ngay trước đầu xe giờ cánh tay lên. Người đàn ông hơi nhồm đít và cười với chàng.

Nguyễn vịn tay vào thành xe hỏi :

— Ông Năm từ chợ trong ra phải không? Người đàn ông gật đầu:

— Phải.

— Chiếc xe đồ Tam Hiệp về chưa ?

— Thầy hỏi chuyến nào ?

— Chuyến cuối cùng, chuyến năm giờ đó. Người đàn ông hất chiếc nón lá lên. Khuôn mặt hiện ra với nụ cười bành miệng.

— Ờ, hình như về rồi.

— Sao tôi không thấy ?

— Chắc thầy quên.

— Quên sao được. Ông có chắc chắn không ?

— Ờ, cũng không chắc lắm. Tôi chỉ đoán vậy thôi. Thầy thấy không, mặt trời xuống thấp quá rồi. Mặt trời xuống thấp là chiếc xe đồ Tam Hiệp đã về.

— Ông Năm tính giờ bằng mặt trời sao ?

— Mặt trời với đồng hồ cũng như nhau. Đồng hồ có khi hư chứ mặt trời không khi nào hư được. Ngon mà thầy.

Nguyễn vỗ nhẹ vào thành xe, cười một tiếng. Ông Năm hỏi :

— Tan học chưa thầy ?

— Chưa.

— Thiệt vậy sao ?

— Tôi nói dối ông làm gì ?

Người đàn ông ngạc nhiên đến sững sờ :

— Ủa, vậy hóa ra hôm nay tôi về sớm sao ?

— Ai biết gì ông.

— Vậy là chiếc xe đồ Tam Hiệp chưa về đâu thầy.

— Tôi cũng nghĩ vậy, và tôi đang chờ nó đây.

— Chắc thầy có ai ở trên tỉnh xuống thăm ?

— Không có ai hết, tôi chờ như một thói quen vậy thôi. Người đàn ông gật đầu tỏ vẻ hiểu biết câu nói của Nguyễn. Nhưng chàng đoán ông ta chưa hiểu gì hết. Nguyễn nhìn bằng quơ hai vệt bánh xe hằn trên mặt cỏ. Đã có những đồ nát trong những đồ nát. Con đường làng trầm lặng này đã trải qua hằng ngày hằng tháng, hằng năm, với biết bao đồ nát tương tự. Mũi giày của Nguyễn xúi dưới lán cát khô, một cử động nhỏ của bàn chân làm cát rơi xuống

mặt đường. Sự rời rã đó làm Nguyễn ngây người, như vừa vướng phải một cơn sốt nhẹ khi chàng cố sức chạy qua một cánh đồng khô nắng chói chang. Lúc Nguyễn ngẩng lên, tiếng trống bên kia ngôi trường tiểu học đổ gầy gọn một tiếng. Nguyễn vỗ nhẹ vào thành gỗ nói:

— Chào ông Năm nhé, tôi phải vào dạy đây.

Người đàn ông dạ nhỏ. Chiếc xe nhỏ chuyển bánh sau cái quất nhẹ ngọn roi của ông ta. Nguyễn nghĩ nhanh tới hai con bò. Chúng đã thành ra hai cái máy biết đi. Hai cái máy dễ điều khiển, và ít trục trặc. Nguyễn băng qua đường, đi vội về trường.

Chàng cũng gần giống như một cái máy, nhưng là một cái máy biết suy nghĩ. Cũng vì vậy mà cái máy Nguyễn thường bị hư, và những nguyên nhân gây nên chứng bệnh thường bất trị.

Nguyễn vào tới cổng, học sinh đã xếp hàng thành hai dãy. Giờ học cuối cùng của một ngày như viên phấn lốm sêu. Sự bải oải rất dễ nhận ra trong cung cách, trong sự ngó mông băng quơ của lũ học trò trên hàng sao khô có nhiều chim. Rất nhiều những bông sao rụng quay như chong chóng trong gió. Nguyễn bước vào lối đi chính trong sân cỏ. Chân chàng nện trên những thẻ gạch Tàu lót khít nhau nối dài một hàng thẳng băng. Cái lối đi này có vẻ trật tự hơn đám học sinh, và có vẻ đàng hoàng hơn những giáo viên già. Nguyễn bước hết thẻ gạch cuối cùng thì tới bậc thềm. Chàng lấy giọng ho một tiếng. Uyên từ phía lớp cuối cầm thước kẻ xoay xoay đi tới. Hình như Uyên có nheo mắt cười với chàng. Nụ cười thường lệ và thầm kín. Nguyễn quay lại nói với Hân:

— Cậu coi cho tụi nó vào lớp đi, tôi hơi nhức đầu. Có lẽ phải lên phòng cứu cấp xin thuốc uống.

Hân ngó chàng một cái định nói gì đó nhưng nghĩ sao lại thôi. Hân quay lại đám học sinh, anh rầy một đứa đứng hàng đầu và phạt quì gối ngay tại chỗ một đứa vì tội đá vào chân đứa đứng trước. Xong Hân cho đám học sinh vào lớp học. Đứng kia, Uyên cũng cho đám học sinh của mình vào lớp, và những đồng nghiệp khác cũng vậy. Nguyễn nói với Hân:

— Hay là cậu dạy hai lớp một lúc đi đi. Tôi lên đó xin thuốc uống rồi nằm nghỉ một lát. Tôi mệt quá. Hân nắm lấy cổ tay Nguyễn, anh hỏi:

— Coi chừng bị cảm đấy. Mới đổi về sợ không hợp với khí hậu ở đây.

— Có lẽ vậy. Uyên bỗng đi tới hỏi:

— Anh Nguyễn sao đó, trông anh có vẻ thất sắc thế kia?

Hân vỗ vai Nguyễn trả lời họ:

— Nguyễn bị cảm.

— Lúc nãy em thấy anh đứng ngoài cửa ruộng gần lộ đá phải không, hèn gì bị cảm là phải. Gió ở đây độc lắm, gió biển mà, anh phải biết.

Nguyễn cười nhẹ:

— Tôi thấy ở đây dễ chịu lắm. Nhưng có lẽ tôi chưa quen.

— Thì hãy rán mà quen đi, chứ bộ thầy giáo như anh sớm mai cảm chiều cúm học trò nó cười cho đó.

Câu nói đùa của Uyên làm Hân cười phá lên. Nguyễn cũng cười nói:

— Thôi mà cô Uyên, đồng nghiệp đồng nghề mà phá nhau làm chi.

— Đồng nghiệp đồng nghề mới phá nhau chứ. Phá người khác bộ trường dễ lắm à.

Nguyễn bỏ ngang câu chuyện bước vào lớp. Chàng đi suốt lớp học rồi trở lên nói:

— Thầy đau nên không dạy các em vào giờ chót được. Chút nữa thầy Hân sẽ qua cho toán các em làm. Nhớ đừng nói chuyện trong khi thầy vắng mặt đấy nhé. Ngày mai thầy hết bệnh sẽ tiếp tục dạy các em.

Một vài đứa quay đầu bàn tán. Một vài đứa ngó chàng. Có đứa mạnh dạn hỏi:

— Thầy đau gì ạ?

— Thầy bị cảm.

Nói xong Nguyễn đi ra khỏi lớp. Hân và Uyên cũng đã về lớp mình. Đứa học trò đang quì gối dưới bậc thềm ngó chàng với cặp mắt đỏ ửng, có lẽ nó sắp khóc. Nguyễn bảo nó đứng lên và đi vào lớp,

lần sau nhớ đừng nghịch như vậy nữa thầy Hân sẽ phạt nặng hơn. Đứa học trò ngoan tay cúi đầu nói cảm ơn thầy. Nguyễn vuốt tóc nó và đi về phía phòng cứu cấp. Ngân đang chúm mũi vào quyển sách đặt ở đầu nghe tiếng chân Nguyễn bước vào, nàng ngừng lên hỏi, giọng như vừa tỉnh một cơn mơ:

— Anh cần gì?

— Tôi cần xin vài viên thuốc cảm.

Ngân đề cuốn sách lên bàn đi đến cái kệ đầy ắp những ngăn kéo hình chữ nhật. Nàng loay hoay một lúc đem cho Nguyễn bốn viên thuốc xong đi rót một ly nước trà. Nguyễn bước lại gần bàn nhìn vào cuốn sách Ngân đang xem dở. Truyện kiếm hiệp. Nguyễn quay lại hỏi hết sức ngạc nhiên:

— Cô Ngân cũng xem truyện kiếm hiệp nữa à?

— Xem chứ anh, thích và mê nữa là đằng khác, nhất là cuốn đang coi đó. Anh cũng xem truyện kiếm hiệp?

— Tôi với cô vừa là đồng nghiệp vừa là đồng bệnh. Tôi mang bệnh ghiền tiểu thuyết kiếm hiệp nặng lắm.

— Anh đã xem cuốn đó chưa?

— Xem rồi.

— Có hay không anh?

— Cô đang xem kia mà.

— Nhưng tôi muốn biết ngay đoạn kết. Thường thì tôi ít khi có đủ can đảm xem hết cuốn sách nếu truyện không hay.

— Truyện không hay, hay là đoạn kết không hay?

— Cả hai.

Nguyễn cầm lấy ly nước, chàng chu môi thối nhẹ để làm nguội bớt một phần sức nóng cho ngụm đầu tiên. Bốn viên thuốc trong lòng bàn tay bay mùi khó chịu. Không phải là mùi thuốc, mà là một thứ mùi nào khác. Nguyễn nhìn bốn viên thuốc ngần ngừ, tự dưng chàng thấy lạnh ở xương sống như vừa có một luồng gió độc thổi len vào da thịt. Nguyễn từ nhỏ đến giờ vốn là người sợ thuốc, kể cả thuốc Tây lẫn thuốc Bắc. Nếu được chọn giữa hai thứ uống và chích để lành cơn

bệnh chàng sẽ không ngại gì mà chọn cách thứ hai. Thật ngược đời. Nhưng thật không ngược đời chút nào đối với Nguyễn. Ngân dòm bộ điệu của Nguyễn một lúc, nàng như đã đoán ra cơn bệnh của chàng. Ngân nói:

— Anh không uống ngay, chút nữa nước nguội sẽ khó uống đấy.

— Uống một lúc hết bốn viên?

— Không, hai viên bây giờ, hai viên để tối.

Nguyễn kêu à một tiếng:

— Không nói sớm, chút nữa tôi sức hết bốn viên rồi.

Ngân nheo mắt:

— Chắc là khó trôi phải không?

Nguyễn cười:

— Cô Ngân tài lắm, mới nhìn qua là đã biết tôi sợ thuốc.

Thú thật, uống thuốc đối với tôi là một cực hình.

Ngân cười khúc khích:

— Đó là anh thú thật đấy nhé. Tôi chỉ nói vậy thôi, không có ý gì hết.

— Thật vậy sao, nhưng đằng nào tôi cũng lỡ thú thật rồi. Bây giờ cô làm ơn quay mặt chỗ khác cho tôi uống thuốc.

— Ghê đến thế sao, uống thuốc như anh thật khó lòng cho bà xã.

Nguyễn ngửa cổ nhét hai viên thuốc vào đốc giọng, chàng uống một ngụm nước, lúc ấy mặt mũi chàng chắc khó coi lắm, Nguyễn để ly trả lại lên bàn, quay nói với Ngân:

— Cô Ngân đừng lo, tôi chưa có bà xã đâu. Như vậy cái sự uống thuốc của tôi xét ra vẫn còn vô hại cho người khác. Nó chỉ đẩy dọa một mình tôi thôi.

— Sao anh không lấy vợ đi, lấy vợ may ra anh sẽ uống thuốc thấy ngọt. và biết đâu chừng anh sẽ không còn sợ thuốc nữa.

— Đó là một lời khuyên không tốt của người thầy thuốc đấy nhé.

Ngân mỉm cười, lần giờ những trang sách. Nguyễn ngồi xuống chiếc ghế rộng, chàng nhắm mắt lại. Căn phòng vắng lặng hoàn toàn.

Cơn chóng mặt làm Nguyễn có cảm tưởng chàng và chiếc ghế đang xoay cùng với trái đất. Nếu thật sự trái đất đang thực hiện cái chu kỳ muốn nơi và muốn thừa của nó. Hình như Nguyễn có thiếp đi một lúc, và chàng nghe mơ hồ có một vật gì ấm áp nóng đậu lên trên trán mình. Nguyễn đưa bàn tay lên sờ thử, bàn tay chàng chạm phải một bàn tay khác, cái khác thật đúng nghĩa. Bởi vì đó là bàn tay của người con gái, bàn tay của Ngân. Nguyễn muốn chàng trở lại với cơn mê sáng, trong cơn mê chàng sẽ mạnh dạn hơn khi nắm lấy bàn tay Ngân, sẽ nồng nàn hơn với một nụ hôn. Nhưng chàng đã lỡ mở mắt, mở mắt để hối tiếc. Như hối tiếc một giấc mơ đẹp, thoáng qua. Ngân nói :

— Anh cảm nặng lắm đó. Lúc này anh mê gọi tên một người. Anh nhớ đã gọi tên ai không ?

— Không, nhưng có lẽ tên của một người bạn. Hẳn đã đi lính và đã chết cách đây một tuần.

— Không phải, anh gọi tên của một người con gái.

— Một người con gái ? Cô Ngân nói tôi đang đóng một vai trong vở tuồng cải lương chắt. Tôi vẫn cho rằng khi ngủ mê mà gọi tên một người nào đó, một người con gái, là cải lương không ai bằng, Thật là buồn cười.

— Tôi thì không nghĩ vậy, nếu trong cơn mê tôi gọi tên ai thì đó là người tôi yêu mến nhất. Đó là lúc tôi tỉnh hơn bao giờ, và thành thật hơn hết. Nếu anh cho biểu lộ tình cảm như vậy là cải lương quả anh là người nghịch thường.

— Có lẽ cô nói đúng. Tôi là người bất bình thường.

— Chưa đến độ đó. Tôi không dám, chỉ hơi khác thường một tí tí thôi.

Nguyễn đưa tay vuốt mặt, mồ hôi rịn từ kẽ chân lông. Bàn tay Nguyễn nhấp nhúa như là khuôn mặt. Chàng uể oải đứng lên. Buổi chiều nhẹ như thảm lụa. Nắng yếu ớt trên màu lá, nắng đầy đặn trên sân cỏ, nắng chan hòa hồn người. Nguyễn đứng ti tay trên thành cửa sổ nhìn ra con lộ đá. Một vài người đi trên con đường mòn nhấp nhô về hướng bia rừng. Trên lộ đá thật vắng. Trên con đường ngang chỉ có vài người đàn bà vai gánh tay bưng đi vôi vữa. Họ đi cách khoảng không đều nhau, và hình như không nói chuyện. Họ không có chuyện

gì để nói hay họ không muốn nói ? Sinh hoạt của buổi chiều rời rạc, như trong một bức tranh vẽ người và cảnh vật thôn quê. Nguyễn hỏi Ngân :

— Cô Ngân thấy chiếc xe đồ Tam Hiệp về chưa nhỉ ?

Ngân đang quay lưng về phía chàng, nàng đang dọn dẹp sách vở, bàn ghế và thuốc men để chờ đợi tiếng trống. Tiếng trống chấm dứt sinh hoạt của một ngày, cắt lia những liên lạc ánh sáng. Ngân cầm một ve thuốc lên ngắm nghía và nói :

— Chiếc xe đồ đã về trong lúc anh nằm mê trên ghế.

— Sao tôi không nghe nó chạy qua đây. Nó phải có động cơ chứ ?

— Thật buồn cười, anh mê sáng mà làm sao nghe được.

— Chiếc xe ấy hôm nay không chạy bằng máy. Tôi nghĩ vậy. Ngân cười khúc khích :

— Anh cho nó chạy bằng gì ?

— Chạy bằng sức đẩy của gió.

Ngân cười lớn :

— Anh vừa mê sáng vừa điên.

Nguyễn quay lại dòm Ngân một cái nhưng không nói gì. Ngân đề ve thuốc vào chỗ cũ, nàng cẩn thận đi đóng những ngăn kéo lại. Xong đầu đẩy Ngân tới đứng trước Nguyễn nói :

— Câu nói vừa rồi chắc làm anh buồn ? Thật ra tôi không cố ý nói như vậy.

Nguyễn cười nhỏ một tiếng trong miệng. Tôi như vậy mà điên sao ? Tôi như vậy mà mê sáng sao ? Tiếng trống bất chợt nổi lên như ai ném đá vào tim Nguyễn. Chàng thấy lồng ngực bị ép lại giữa hai sức mạnh vô hình, và máu giá băng lan đầy da thịt. Nguyễn muốn làm một cử động nào đó để thoát khỏi trạng thái ấy. Một cái quẫy đập tay chân chẳng hạn, nhưng toàn thân Nguyễn tê cứng, không có một di động nào được phát khởi. Nguyễn đứng đó như một hình tượng, một người bị trói chặt chân tay. Nguyễn nhắm mắt và bất động thật sự. Tiếng trống dứt trong âm thanh lê lết kéo dài. Đó là hơi thở cuối cùng của một ngày, hơi thở của một bệnh nhân trong giờ phút lâm chung. Nguyễn mơ hồ thấy tiếng chân nện ròn rã bên ngoài hành lang, tiếng cười của Hân, giọng ho khàn của ông hiệu trưởng. Ngân mang guốc cao

lộc cộc đi ra rồi trở vào hỏi :

— Anh đã khỏi chưa, có cần phải đi xe lôi về nhà không ?

Nguyễn cố gắng đáp:

— Nồi chứ sao lại không. Khỏi cần xe lôi xe kéo gì cả.

Ngân bỏ đi ra, Nguyễn nghe tiếng Ngân nói chuyện với Hân ngoài phòng. Ngân nói Nguyễn bị cảm nặng lắm, có lẽ anh phải kêu cho anh ấy một chiếc xe lôi, Hân nói không [sao, coi vậy chứ Nguyễn còn mạnh hơn tôi nữa là đằng khác. Và Hân đùa:

— Nếu Nguyễn đi không nổi tôi sẽ cõng. Tôi cũng là một chiếc xe lôi vậy.

Hân và Ngân cùng cười. Dứt tiếng cười Hân bước vào :

— Cậu cảm thật sao, liệu đi nổi không thì nói tôi cõng cho được việc.

— Cảm mà là đùa sao ? Tôi đâu có làm ra nó được. Ngó bộ tôi như vậy mà là cảm giả à ?

Hân cười :

— Thôi thì cảm thật. Cậu khó quá.

Hân ôm lấy Nguyễn lôi đi. Nguyễn cự nự :

— Làm như tôi là người say rượu hay sắp chết đến nơi.

— Cảm này nguy hiểm lắm chứ cậu đừng tưởng đùa.

Hai người ra tới hàng lang, ông hiệu trưởng hỏi :

— Thầy Nguyễn sao đó ?

Hân nói :

— Cảm nặng.

— Mau về nhà cạo gió đi. Chắc tại không quen với thời tiết chứ gì ?

— Tại gần tuần nay trời không mưa nên nó hay say sẩm mặt mày.

— Thầy nói đâu thầy Nguyễn là con cá hay con tôm gì đó chắc. Nguyễn muốn hét lên thật to các người đừng giỡn mặt với tôi, nhưng chàng đuối sức, hụt hơi. Nguyễn ngó cái trán hói và gương mặt đầy thịt của ông hiệu trưởng mà muốn nhả nước bọt vào đấy. Ông hiệu trưởng này cũng giống như ông hiệu trưởng kia mà thôi. Có khác gì, khác chăng là một ông hói đầu, một ông bụng phệ. Cả Hân nữa, mà

cũng là thằng bú dù mặt mũi không giống ai, ăn nói chả ra cái gì cả. Nguyễn cố đứng lại trên bậc thềm. Học sinh đã về hết, sân cỏ đã vắng, ngoài Nguyễn, Hân ra không còn ai. Ông hiệu trưởng cùng các đồng nghiệp khác cũng đã ra về. Họ đang đi ngoài đường. Nguyễn thấy Uyển đi cùng với Ngân, và ông hiệu trưởng đi với bà Liên, một nữ giáo viên kỳ cựu nhất của trường tiểu học này. Phía sau Nguyễn những cửa lớp đã đóng kín, cái không khí ồn ào lúc nãy không còn nữa. Tất cả đều chìm lắng, xa xôi như một nơi nào khác. Hân lôi Nguyễn ra đường. Lúc đi trên lối gạch, Nguyễn cố để bước chân mình vào những thềm gạch phai màu bám đầy bụi cát. Nhưng chân chùng bước xiêu vẹo như chân người say rượu. Hân nói :

— Cậu phải đi xe rồi, đừng có cái chết không ai thương đâu. Nguyễn đứng tựa vào một gốc sao, chân chàng dẫm lên một lớp lá chết. Tiếng lá nát kêu ròn rã dưới chân làm Nguyễn nghĩ ngay đến một lúc nào đó những khớp xương trong người mình cũng rã nát ra. Hân vội vả đi kêu một chiếc xe lôi ở gần đó. Lúc xe chạy tới Nguyễn gần như muốn sụm xuống đất, chàng cố bám hai tay vào gốc sao chờ Hân cúi xuống đỡ chàng lên. Người đánh xe lo ngại :

— Thầy Nguyễn coi bộ cảm nặng.

— Vậy mà nó không chịu đi xe. Anh nghĩ coi tôi như vậy mà làm sao cõng nó về cho nổi.

Người đánh xe gật đầu :

— Dạ. Thầy nói chơi chứ đâu đến nỗi như vậy.

Nguyễn ngồi rũ trên xe. Hân vòng tay ôm lấy chàng. Người đàn ông rồ ga, chiếc xe lao đi. Nguyễn có cảm tưởng đến một đoạn đường nào đó cái thùng xe sẽ rơi lại phía sau, chàng và Hân sẽ văng ra đường nằm thẳng cánh. Con đường luôn luôn có những chỗ lõm, chiếc xe đảo lia đảo lịa như muốn hất Nguyễn và Hân xuống đường thật sự.

Về đến nhà Hân dìu Nguyễn bỏ lên giường. Chàng nằm lẩn ra buông xuôi hai tay như người chết. Hân tìm ở đâu được một lọ dầu nhị thiên đường, bôi đầy mặt mũi chàng. Mùi dầu nồng nặc làm Nguyễn muốn ngộp thở. Hai mắt chàng cay sẽ không mở ra được. Nguyễn tức quá đập tay xuống giường :

— Bộ cậu định tắm dầu nhị thiên đường cho tôi sao ?

— Xức dầu nhiều tốt chứ có làm sao đâu. Dầu này trị bá

chúng. Cậu có cần cạo gió không ?

Không đợi Nguyễn trả lời, Hân đề nghiêng Nguyễn ra thoa dầu xương sống chàng rồi lấy đồng bạc cạo cạo rột rột. Nguyễn nhăn mặt vì đau. Cạo gió xong Hân hỏi Nguyễn uống thuốc như hồi chạy giặc. Nguyễn cố nuốt hai viên thuốc còn lại của Ngân cho hồi chiều với một ngụm nước trà nguội. Chàng nằm trở lại kéo mền đắp lên tận cổ. Hân nói đề tôi nhờ cô Uyên nấu cho cậu một tí cháo ăn cho nó giảm cái. Nguyễn làm thinh. Hân ghé sát mặt chàng nói thầy Nguyễn sưng nhẹ, Nguyễn cũng muốn phì cười. Chàng quay mặt vào tường nhắm mắt. Hình như sau đó Hân đi tắm, Nguyễn nghe tiếng nước dội ào ào và tiếng Hân hát oang oang một bản nhạc rẻ tiền «vời biển cả anh là thủy thủ, với lòng nàng anh là hoàng tử» Nguyễn không nhìn được cười, chàng bật cười một tiếng lớn. Hơi nóng từ miệng chàng phả ra hừng hực da mặt. Nguyễn biết mình đang lên cơn sốt và chàng từ từ thiếp đi. Như thế này không thể gọi là giấc ngủ được. Nguyễn như chơi với giữa giông, và trời lênh bênh như một cánh hoa, sóng đẩy chàng từng chập, mỗi chập là một cơn đau êm đềm. Nguyễn nhắm mắt, trí óc chàng mù mờ, nhưng không phải là Nguyễn đang ngủ. Chàng còn nghe được tiếng nước ngưng dội. Hân ca một bản nhạc khác. Tiếng chân đi lại, tiếng mở cửa. Rồi Hân đi mất một lúc lâu mới trở về. Nguyễn nằm quay ra phía ánh sáng. Cơn sốt như dịu dần, lắng xuống một cách êm ả trong da thịt. Bốn viên thuốc cảm của Ngân không chừng như vậy mà bay.

Nguyễn thử lắc nhẹ đầu. Trí óc đã bớt căng, đầu đã bớt nặng nhưng có lẽ ngồi dậy không nổi. Hân ngồi ở ghế hút thuốc không nhìn lại phía chàng. Anh ta dùng thân hình và chân làm xê dịch chiếc ghế lên xuống. Căn phòng ngoài chiếc ghế ra không còn một tiếng động nào khác. Và Hân cũng im lặng. Cái bóng của anh ta in đậm vào vách tường với mấy ngón tay ngo ngoe, điệu thuốc và mấy sợi tóc. Ngọn đèn không đủ ánh sáng soi hết căn phòng nên có những nơi rất quen thuộc nhưng Nguyễn không nhìn thấy được bằng mắt. Cửa ra vào đã khép; nhưng cửa sổ thì mở. Nguyễn nhìn ra những chấn song thưa thấy được vườn cây của bên cạnh. Trời đã tối mịt mù chụp xuống những ngọn cây đen. Ánh sáng từ cửa sổ ngôi nhà hắt ra soi sáng một khoảng vườn. Trong vườn không có ai hết, những cái băng gỗ dài trống không, buồn tẻ. Toàn thể khu chợ đi ngủ hết rồi sao. Cái đồn

lính đóng ở phía chợ Đông sao cũng im lặng. Đêm nay thật khác lạ có lẽ mọi người đều bị cơn sốt hành hạ cho mê mang bất tỉnh. Hân đột nhiên đứng dậy, đột nhiên ngấm thơ. Tiếng chân một người nào đó qua trước cửa nhà, không, dừng lại trước cửa nhà. Tiếng chân của ai ? Cánh cửa xịch mở, và Uyên bước vào, nàng xách theo một ngăn gào mền, Hân nói :

— Sao mau vậy, tôi tưởng sẽ lâu lắm :

— Sợ anh ấy đói.

— Anh nào ?

— Anh quý lắm nghe.

Tiếng hai người cười khúc khích. Nguyễn nằm im, chàng nhắm mắt, giả bộ như đang ngủ.

Uyên tới đặt cái ngăn gào mền lên bàn. Hân nói tôi đi đằng này một chút. Tiếng cửa mở rồi đóng lại. Tiếng chân Hân đi phía ngoài thềm. Uyên tới ngồi bên mép giường đưa tay sờ trán Nguyễn. Chàng mở mắt ra và nắm lấy bàn tay nàng. Uyên mỉm cười; một nửa khuôn mặt nàng giấu trong mái tóc rũ xuống :

— Anh đói chưa dậy ăn một miếng cháo cho đỡ mệt.

— Không đói nhưng em kêu ăn thì cứ ăn.

Nguyễn ngồi dậy, cơn sốt lúc này đột nhiên biến đâu mất. Chàng bây giờ như người già vờ đau. Uyên xuống nhà sau tìm một chiếc muống. Nàng mang cả ngăn gào mền lại cho Nguyễn húp từng muống cháo nóng, và lúc đó Nguyễn mới biết cơn sốt tạm lắng xuống đâu đó trong da thịt. Uyên ngồi im lặng theo dõi, nàng không nói gì. Tại sao lại không nói ? Giữa chúng ta có rất nhiều điều để nói. Nguyễn đưa trả nàng ngăn gào mền, nắm nhẹ bàn tay Uyên gác một cái nói :

— Em không có gì để nói hết sao ?

— Có chứ, anh uống nước không, em đi lấy.

(CÒN TIẾP)

Đặng Tấn Tới thu máu hồng

Ôi biết bao giờ em đến đây
Mùa thu gầy guộc với hai tay
Ôm không hết đất trời vô vọng
Lòng chết trần ai gãy thảng ngày

Thôi nhé, là thu hề tóc cũ
Là thôi men rượu bốc trắng mù
Cũng thôi từ lúc lòng lay nhẹ
Hương phấn thu vàng ngang liễu thu

Mai tôi về người có theo không
Bụi mê tang chế bước phiêu bồng
Tôi còn thở mộng vào thu máu
Hồn của ngàn thu hiu hắt bông.

tơ xanh

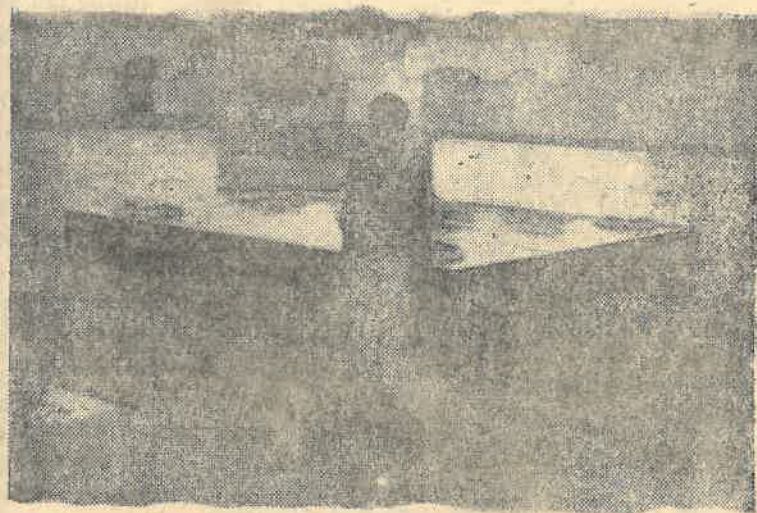
Đất bằng đưa bước chân qua
Muốn quên trọn kiếp làm ma tang bồng
Đừng xô tôi má môi hồng
Đừng lừa hoang lạnh ủa đồng dương gian
Tôi xin cây lá bên đàng
Cùng tôi rụng lại đôi hàng tơ xanh.

ĐẶNG TẤN TỚI,

Bức thư Ấn-Độ

đường sang new delhi

của Trần-Lê-Nguyên-Vũ



Em bé đánh giày Muna đứng trước mộ Thánh Gandhi ở Rajghat
(ảnh của tác giả)

TRUNG thân ái,

Nợ tang bồng lại réo gọi hồn lãng tử ! Lần này nhờ sự giúp đỡ của Hiệp hội Báo Chí Quốc tế, bạn Trung lại quây gói giang hồ sang nẻo Đông Phương. Hành trình dự tính viếng thăm Ấn Độ, Nhật Bản, Đài Loan, sau đó sẽ ghé về Việt Nam nhìn lại quê cha đất tổ. Hai chữ Việt Nam chỉ mới gọi thăm cũng đủ để gọi lên trong lòng kẻ lãng tử bao nhiêu náo nức mong chờ, bao nhiêu thương yêu quý mến. Quý hơn tất cả mọi bảo vật của cuộc đời. Năm đất Việt Nam mà Trung gói cho năm trước vẫn giữ nguyên trong túi gấm ấp ủ cạnh sườn, để bao giờ cũng được ôm lấy non sông, ôm lấy hương vị giống nòi năm ngàn năm văn hiến. Trong mỗi hạt đất nhỏ bé đã thấm biết bao mồ hôi nước mắt, bao nhiêu máu xương của các anh hùng liệt nữ đã hy sinh cả hạnh phúc riêng tư và cả cuộc đời tươi trẻ của mình vì sự sống còn của dân tộc Việt. Tổ tiên dày công dựng Nước, từ khi khai quốc đã phải ôm yên gối trống, vó ngựa xuyên vạn lý trường chinh, muôn vàn khó nhọc mới có được giải giang sơn hoa gấm hôm nay. Con cháu phải nối gót ông cha giữ lấy giống nòi. Giận lữ vô liêm sỉ vì phú quý nhất thời đã phỉ nhổ lên miền đất nghèo nàn khốn khổ của Tổ Tiên, gây cảnh máu lửa tương tàn gần một phần tư thế kỷ. Đất nước phân chia, lòng người ly tán, mỗi hận lòng mỗi ngày cứ thấm mãi vào trong. Bước sang quầy Cafeteria bên cạnh uống cùng các bạn ly rượu Trường Đình. Men Hải hồ chưa thấm đã nghe tiếng người Nữ tiếp viên, qua máy phóng thanh, lễ độ mời các du khách sang Viên Đông, vé màu xanh lục, ra cổng số 21. Phi trường FRANKFURT am MAIN ban đêm náo nhiệt lạ lùng ; đèn màu lung linh sáng chói, thiên hạ tấp nập vào ra, chen chân như đi trẩy hội. Bắt tay từ già ông Hoàng, người bạn già vong niên đã lưu lạc tha phương mười hai năm chẵn và các bạn trẻ ngoại quốc đưa tiễn, vừa bước qua cổng bỗng nghe tiếng của Minh, người bạn Việt Nam trẻ nhất quê ở Mộ Đức Quảng Ngãi vừa trả tiền tắc xi vừa ngoắt tay gọi giật giọng. Minh băng qua đám hành khách đang đứng nối đuôi, nắm lấy tay bạn Trung khấn khoản dặn dò : Trăm lạy anh, khi trở sang, dù nặng nhọc thế nào cũng nhớ mua cho em cái khoản : « Kẹo gương Thu-Xà, mạch nha Thi-Phồ ».

Nhìn vào danh sách quà cáp mà các quan Nghè, quan Trạng trưng lại của Việt Nam ở quốc ngoại, mỗi ngày tự tay « long trọng » ghi

trên một mảnh giấy bỏ vào túi bạn Trung, thấy nào là mắm nêm, ruốc, tôm chua, nước mắm, mè xừng, mứt gừng... toàn là những thứ chỉ mới đọc lên đã thấy nước miếng chảy ròng ròng. Cô tiếp viên hàng không, tóc bạch kim mang tên JULIER không hiểu tiếng Việt nhưng thấy vẻ hân hoan trịnh trọng của Minh cũng mỉm cười vui lây. Tấm bảng chọn chỗ đã thủng trống nhiều lỗ, Bàn tay ngà xinh xắn của người đẹp như nhẹ trên nền xanh thẫm, chọn giúp khách một chỗ ngồi lý tưởng. Nàng đang tay trên số 22a, bóc nhẹ dán vào tấm vé, nhoèn miệng cười chúc khách thượng lộ gặp nhiều may mắn :

— « Alles Gute für Sie ! »

Ôi đôi mắt huyền hoặc liêu trai của những nàng Xuân nữ sông Main đẹp đến nỗi lòng người ! Những hạt ngọc trứ tình lãng mạn sáng ngời trong văn chương Đức. Đôi mắt « lá rằm » dưới đôi mày « lá liễu » khiến vật vô tri cũng phải đeo bông :

« Những nàng con mắt lá rằm,

« Lòng mày lá liễu đáng trăm quan tiền »

Sau những vụ cướp máy bay táo bạo ở nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt có cả máy bay của Nga, một chuyện ít thấy tại các xứ cộng sản, Cảnh sát Tây Đức được tăng cường lực xét rất kỹ lưỡng. Chiếc phi cơ xuyên lục địa Boeing 707 với dấu hiệu quen thuộc cánh chim bằng lướt gió của hãng Lufthansa từ từ tiến ra phi đạo. Những cánh tuyết đầu mùa lá tả rơi. Hoa tuyết làm trắng cả không gian đen thẫm, gợi nhớ hình ảnh Hy Mã Lạp Sơn, Phú Sĩ, những ngọn núi linh thiêng quanh năm tuyết phủ bạc đầu. Trục máy chuyển động mạnh tiếng gió lướt vào trong không gian, phi cơ bốc lên cao, cao mãi, mười tám ngàn bộ binh phi. Nhìn xuống bên dưới, thành phố Frankfurt, nơi chôn nhau cắt rốn của đại thi hào J.W. Goethe chỉ còn là một sáng mờ ảo li ti, ẩn hiện giữa những cuộn mây ngà trôi nổi lang thang. Bên trên, vòm tinh tú lung linh sáng rõ, giải Ngân Hà gọn sóng lao xao, không gian vô tận, chẳng biết vết chân nào của Huyền Nữ Đông Phương ? Ngày mai, trạm dừng gót đầu tiên của kẻ lãng tử sẽ là Ấn Độ, quê hương của Đức Phật, của những Rishis Đạo Sĩ thi nhân siêu phàm nhất thế giới. Ngã đầu vào nệm ghế, bạn Trung lim dim mắt thả hồn vào những nẻo tâm linh huyền hoặc trong Cờ Sứ Đông Phương. Những giòng thơ Vệ Đà trứ tình lai láng, ăm ắp như ngọn gió mùa từ Ấn Độ Dương phả vào Lục địa làm cho cây cảnh sầm uất

xanh tươi. Những trang đã sử Maha-bharata Ramayana, Phan ngữ của Kalidasa, đã ru hồn dân du mục từ cao nguyên Dekkan xuống lưu vực Hằng Hà (Ganga). Những trang Áo Nghĩa Thư Upanisad phảng phất hương lạ thơm sơn cùng cốc, thần trí siêu nhiên chiếu tỏa rạng ngời. Ánh sáng nhân bản của nền văn minh tối cổ Mohenjodaro trong lưu vực Ngũ Hà với những ngẫu tượng lạ lùng của Dương vật Linga và Âm vật Yoni... Những triết ngữ Atman, Brahman Purusa... nhảy múa quay cuồng như cơn lốc, cuốn bạn Trung vào một giấc ngủ ngon lành, cho đến lúc phi cơ hạ cánh xuống phi trường Hellinikon ở ngoại ô kinh thành Nhà Điện Athens, mới choàng mình tỉnh dậy. Nhìn đồng hồ hơn một giờ sáng (giờ địa phương). Phi cơ nghỉ 45 phút để tiếp thêm nhiên liệu. Bạn Trung lững thững theo đoàn người vào phi cảng giải khát. Cũng lối kiến trúc tân kỳ và ánh sáng vàng vọt quen thuộc ngày xưa. Cũng những pho tượng thần bán cho du khách, đứng trong lồng kính sang trọng. Treo lên lầu cao nhìn ra xa xa. Con đường ngày xưa dẫn đến nhà Nàng gần bên ngự uyển Zappeion, đang thiêm thiếp giấc nồng. Hương vị Dolmadakia, cơm trộn với thịt hầm lá nho Hy Lạp do tay nàng nếm nấu như còn thơm bay trong không khí, phảng phất đâu đây. Hỡi Asteria! Bây giờ em ở đâu, sao chỉ mình anh trên ngọn đồi này! Chỉ khác một điều là mặt vụ Hy Lạp sẽ mó khấp người du khách soát xét rất tỉ mỉ.

Phi cơ lại bốc lên cao, lao mình vào đêm đen dày đặc. Không gian bên ngoài thực cô đơn trống trải. Vặn chiếc nút không khí, hơi gió lùa vào lành lạnh, cô nữ tiếp viên bưng khay thức ăn đêm đến. Hộp mứt ngậm trà, kéo cao cổ áo, bạn Trung lại ru mình vào một giấc ngủ say sưa, lòng tự bảo cố bắt chước «Trang Sinh hiền mộng mê hồ điệp». Ngày xưa đường sang Tây Phương đi ngược kim đồng hồ, ngày nay trên đường về phải trả lại thời khắc cho Đông Phương. Nếp sinh hoạt tâm sinh lý thường nhật bị hoàn toàn đảo lộn. Nào mặt trời lên đã bắt đầu ửng sáng. Phi đoàn trưởng, qua máy phóng thanh vấn an du khách và cho biết phi cơ đã vào không phận nước Ấn. Màu trời đỏ thắm, cảnh sắc đẹp lạ lùng. Núi non trùng điệp sóng uốn khúc giao long. Những chóp núi nhọn nhô lên cao như những chiếc gậy chống trời. Xa xa nhìn nước biển OMAN phẳng lì bất động. Ở góc Đông Nam mờ mờ như có thảm cỏ xanh chạy dài đến vô tận, sương mai phủ kín. Có lẽ là khu đồng bằng Ấn Hằng được bồi lên từ nguyên đại thứ tư. Cảnh sắc làm động tình người! Phải chăng đây mới đích thực là Đại Ngã

Brahman, quang minh linh diệu đẹp như lời thơ thần tụng Rig Veda: «Khí thiêng là thể xác Ngai. Ánh sáng là hình hài Ngai, thái hư là thực thể của Ngai.» Đông Phương là thiên nhiên. Con người Đông Phương là một thiên địa. Một Atman huyền bí siêu phàm. Đứng 10 giờ (giờ địa phương) phi cơ hạ cánh xuống phi trường PALAM ở ngoại ô Tân Đề Li. Cảm giác đầu tiên chợt đến là khí hậu quá nóng bức, mồ hôi vã ra như tắm, hai tai phừng-phừng lửa đốt. Nhìn vào mục loan báo thời tiết của nhật báo The Statesman thấy con số 32 độ. Quả thật bạn Trung đã viển du trong hai thái cực đối nghịch. Từ một khu vực dưới chân dãy đại sơn Alpen, mùa Đông hàn thử biểu thường xê dịch từ 10 đến 20 độ dưới số 0, đến xứ được xem đang ở giữa mùa mát mẻ nhất (I) với con số 32 độ trên số 0; sự cách biệt của thời tiết lên đến 50 độ, một con số khổng lồ. Xe chạy qua những con đường thẳng tắp có bóng cây im mát. Đã lâu lắm mới được thấy lại những con đường thẳng Đông phương đầy màu sắc thiên nhiên làm mát mẻ hồn người. Đại diện của hãng LUTTHANSA tiến ra chào đón, đưa về ngụ tại khách sạn The Diplomat ở số 9 Đại Lộ Sardar Patel với giá 60 Rup^{es} một ngày (Khoảng hơn 2000 đồng VN) chưa kể tiền thuế. Khách sạn trang bị đầy đủ tiện nghi có máy điều hòa không khí, điện thoại, Radio và có cả phòng ăn bên cạnh giá đắt gấp 3 bên ngoài. Bồi bếp diện toàn đồ lớn qua lại trịnh trọng như trong tiệc. Sau nửa giờ nghiên cứu kỹ lưỡng tấm bản đồ Thủ Đô Tân Đề Li do sở du lịch Ấn Độ tặng bạn Trung tản bộ qua nhiều đường phố, giữa cái nắng trưa cháy da. Nồi hảo hức ban đầu của một du khách mới đặt chân đến xứ lạ đột nhiên vụt tắt khi chạm phải những hình ảnh nào nề. Những hình ảnh mà khi ngồi viết cho Trung những giòng chữ này, dù tâm tư đã lắng dịu, vẫn còn thấy thê lương âm đạm. Thê lương âm đạm hơn cả bầu trời đen kịt và ngọn sóng thần tàn ác đổ xuống ven vịnh BENGALÉ đoạt mất gần một nửa triệu nhân mạng. Vì lẽ ở Đông Hồi chỉ là thiên tai nhưng ở Ấn Độ quả là nhân tai. Ở Đông Hồi những nạn nhân bất thần bị nước cuốn trôi và chết trong nháy mắt không đau đớn. Ở Ấn Độ con người chết dần mòn, quần quai dưới những cơn đói hành hạ thê xác, giữa những nổi thống khổ bất công do chính con người tạo nên. Trung hãy tưởng tượng đến những «Con vật người», đông có hàng trăm, hàng ngàn, nằm la liệt trên các vệ đường, trong các công viên, đền đài, miếu vũ, không phải ở các vùng quê hẻo lánh nghèo nàn

đều im lìm sợ sệt trước nhưng nếm kẹp của bạo lực. Độc nhất có một người đứng dậy chống đối, hô hào từ bi bình đẳng. Người ấy tên là Sidahrta, thuộc dòng họ quý tộc Sakia, quê quán ở Kapilavastu. Thiên hạ xưng tụng ngài là Đức Phật nghĩa là đấng giác ngộ ! Nói đến đức Phật là nói đến một vùng ánh sáng cao cả vĩ đại. Ngài là nguồn suối trong trẻo và mát mẻ nhất trong Triết sử và Giáo sử nhân loại. Buồn thay, Ngài có thể khom lưng gánh tất cả nỗi khổ của toàn nhân loại, của cả chúng sinh khắp ba nghìn Đại thiên thể giới, nhưng lại không cứu nổi dân tộc khốn khổ của Ngài như ngày xưa Chúa Jésus đã không cứu được dân Do thái và Không Tử bàn đến thuật Bình thiên hạ nhưng bất lực trước sự xâu xé của lục quốc. Phải chăng đó là định thức phủ phàng được nhắc đến trong Thánh kinh Thiên Chúa : «Không ai có thể là tiên tri của xứ mình». «Nul n'est prophète chez soi»? Và từ chiếc miệng nhân từ vô lượng Đức Phật đã phải thốt lên những danh từ thâm nào : Ma vương, Ác quỷ ! Trung ơi ! Ma vương ác quỷ không phải là lũ đầu trâu mặt ngựa dưới địa ngục, Thập điện Diêm la mà chính là bọn hoạt đầu dễ tiện đang sống giữa chúng ta. Chúng là lũ vô liêm sỉ chuyên sống bằng máu xương của đồng loại, ở Tây Phương gọi chúng là lũ sói Người (Homo Homini Lupus). Bạn Trung tự hỏi không biết có phải vì quá khổ mà dân Ấn Độ có được một đức Phật và sau này thêm một thánh Gandhi ? và có phải những dân tộc nào có một nền văn hóa cao tinh thần linh mãnh thì cuộc sống vật chất thường đạm bạc nghèo túng : ngược lại lại càng bon chen vơ vét đầy túi tham, linh hồn càng sa xuống thấp :

« Thân quá nặng nên hồn sa xuống thấp,

« Cho giận chi những kẻ mất thiêng đường,

(Huy Cận)

Bạn Trung lại dạo qua những đại lộ thành bang sang trọng của khu phố Connaught Place. Khu Connaught Place là một nét độc đáo của Thủ Đô Ấn Độ ít thấy ở các nơi khác trên thế giới. Khu phố làm theo hình tròn có nhiều vòng. Vòng trong gọi là Connaught Place nằm sát sân Nehru Park, vòng ngoài cùng là Connaught Circus. Các bán kính của vòng tròn là những con đường lớn xuyên từ ngoài vào đến trung tâm điểm, được đánh số từ 1 đến 8 và gọi tên Đại lộ bán kính (Radial Road). Cách tổ chức hệ thống lưu thông rất thông minh nên nạn kẹt xe được giải tỏa dễ dàng. Phố xá xây đồng loạt giống nhau. Lầu hai tầng gộp thành một khối, mặt tiền có nhiều cột tròn lớn và một dãy hành lang

rộng dùng cho bộ hành qua lại. Khu Connaught Place là nơi làm an của các tay áp phe thương thặng, các tay triệu phú, tỷ phú có khả năng khuynh đảo nền kinh tế của Ấn. Connaught Place còn là địa điểm hoạt động của các hãng Hàng không Quốc tế, các ngân hàng lớn như Chartered Bank of India, Allahabad Bank Ltd., The Punjab National Bank Ltd... , các khách sạn sang trọng mang nhiều tên Quốc Tể như Volga, Wenger, York, Kwaliti, La Bohème, Mikado v.v... Bạn Trung may mắn đến đúng vào đại lễ DIWALI kỷ niệm ngày giáng trần của Nữ thần LAKSHMI, vợ của Thần VISHNU. Nữ Thần Lakshmi là Thần của sự giàu sang sung túc, sinh ra từ đại dương, cũng cỡ như Tài thần của các chú Ba Tàu Chợ Lớn hoặc ông Lộc trong bộ ba Phước Lộc Thọ. Nhưng ở Ấn Độ lớn hơn. Ban đêm Connaught Place chìm ngập giữa bề ánh sáng. Nhà nào cũng mở cửa thấp đèn cung đón Nữ Thần. Các tua hoa đèn thông xuống trước tường hành lang, kết thành những chùm ánh sáng nối đuôi nhau bất tận, khiến du khách ngỡ mình lạc vào một vùng hoang lạc nào của Nirvana. Ánh sáng tràn mọi ngõ nhưng Trung ơi hèn người lại tối đen như mực. Bọn trọc phú đàn ca xướng hát phê phỏn vui chơi trên nổi lăm than của đồng loại. Những chiếc xe hơi bóng loáng ngạo nghệ lướt qua. Những khuôn mặt đồ sộ núng nính trong bộ đồ lớn vênh râu nhìn xuống lũ bé đánh giày đang chạy theo hàng đàn. Trung ơi ! chỉ có bọn phi nhân, phi nghĩa, bất cổ liêm sỉ mới dành tâm phê phỏn trên nổi thống khổ của kẻ khác. Bọn tài phiệt ở khu Connaught Place chính là lũ vô liêm sỉ đó. Nói theo kiểu Victor Hugo chúng là bọn «ăn cắp».

Từ Connaught Place bạn Trung rẽ sang đại lộ Parliament Street ghé thăm tòa nhà Quốc-Hội Ấn-Độ, nơi lưỡng-viện Rajya Sabha và Lok Sabha (Hạ-Viện) họp bàn quốc sự. Cũng như ở xứ ta Quốc-Hội Ấn-Độ là nơi bọn chính khách xô thịt cãi nhau như mổ bò. Tòa nhà hình tròn, lối kiến trúc hết sức đẹp, do Sir Herbert Baker lập đồ án và đôn đốc xây cất. Ở Ấn độ những đường nét kiến trúc chính hình như được nhìn từ khía cạnh «Tròn» khác với lối kiến trúc của Trung Hoa mà Việt Nam chịu ảnh hưởng chú trọng đến ý niệm «vuông». Phải chăng đó cũng là sự khác biệt về nhân sinh quan và vũ trụ quan của hai nền văn minh Hoa Ấn ? Chỉ cần nhìn sơ qua lối kiến trúc của một vài đền đài lăng miếu như mộ của GHIAS-UD-DIN TUGHLAK, của HUMAYUN, SAFDARJUNG hoặc các Thánh đường Jama Masjid, Fate. puri... đối chiếu với các ngôi đền ở Đài Loan hoặc với Lăng

Tầm các vua nhà Nguyễn ở cố đô Huế cũng đủ để nhận thấy ngay sự khác biệt kỳ thú ấy. Từ tòa nhà Quốc Hội trông ra thấy đại lộ RAJPATH chạy thẳng tắp từ dinh Thủ-Tướng RASHTRAPATI BHAVAN xuyên Ấn Độ Môn (India Gate) đến tận vận động trường. Sau dinh Thủ-Tướng là Gardens có nhiều hoa đẹp. Phía sau Dinh, biệt đội phòng vệ Phủ-Thủ-Tướng dựng trại canh gác cẩn mật. Trong ngày quốc-khánh của Ấn Độ (26-1) trên đại lộ Rajpath có cuộc diễn binh vĩ đại với những thót voi cổ truyền trang hoàng cực kỳ lộng lẫy, tàn che lộng phủ, làm sống lại quá khứ vàng son của Ấn-Độ. Dân chúng đứng hai bên đường chen nhau xem đông như kiến.

Dinh thự sang trọng như thế, quân sĩ hùng hồ như thế, ngựa xe lộng lẫy như thế, mà vẫn không đủ để che lấp những thống khổ của dân chúng. Đừng tưởng trau chuốt bộ mặt bên ngoài cho sang trọng là có thể đánh lừa được quốc tế. Đừng tưởng càng lõe loét nhiều càng nêu cao quốc thể. Quốc-thể chính là hạnh-phúc của muôn dân, là sự ấm no của trăm họ! Chiếc áo không thể làm nên vị tu-sĩ (L'habit ne fait pas le moine), dân chúng sống lầm-than, tình người bị chà đạp, quyền-lợi thu vào tay một thiểu-số chỉ biết vinh-thân phì gia thì dù có vàng trau ngọc chuốt quốc thể cũng tan-tành, thiên-mệnh cũng lúi xa. Nhiều người Ấn-Độ mà bạn Trung đã gặp, đều ca-ngợi bà nữ Thủ-Tướng INDIRA GHANDI là người yêu nước; khắp các nơi công cộng đều treo hình của bà miệng cười rất tươi và khuôn mặt hiền-từ; nhưng trước thực-trạng của xứ sở bà, bà đã nghĩ gì và làm được gì? Hay cũng chỉ quanh-quẩn trong những biện-pháp, vá-vúu nhất-thời của một đảng-phái cầm quyền? Đọc kết-quả trên báo-chí cứ ngỡ Ấn-Độ là một thiên-đường nơi hạ-giới với những kế-hoạch hết sức vĩ-dại. Đi sâu vào thực-tế mới thấy là một bi-thảm mĩ-mai. Bọn tài-phiệt vẫn vinh-thân phì-gia và đám bần dân vẫn tiếp tục lê thân tàn ma đại đầu đường xó chợ dù suốt bốn năm được mùa liên tiếp nhờ mưa nhiều (dân Ấn tin là nhờ Thần INDIRA). Số ngũ cốc mỗi năm thu được trên một trăm triệu tấn (100.000.000) Trong một xứ nghèo khổ như thế mà chủ nghĩa cộng sản thiếu đất đứng, hay nói đúng hơn chỉ có một vị trí quá khiêm tốn quả là một phép lạ, dù rằng không nhất thiết nhờ vào nghèo cực chủ nghĩa cộng-sản mới bành trướng được. Phép lạ ấy chính là nguồn sáng tâm linh phát xuất từ Đạo-Giáo.

(Còn một kỳ)

thơ



tặng cơn mưa cuối mùa

Bây giờ như Liên đã đi

Rất xa xôi

Con dấu đóng trên bì thư đã mờ ngày tháng

Tôi ném tim tôi không ai cưỡi

Không ai nghe những tiếng động đó

Không ai nghe. Phải không?

Hỡi những Liên đã đi

Đi mãi

Chào cơn mưa cuối mùa trong thành phố
 Bao nhiêu ngày chiếc nón rách tả tơi
 Bao nhiêu ngày một đôi giày há mồm
 Bao nhiêu ngày như mặt mũi tay chân
 Cái khóa lưu thân còn nằm trong túi áo
 Mơ những đêm đội lốt kẻ điên
 Trở về cầm con dao dọa nạt
 Phải. Bao nhiêu ngày, bao nhiêu ngày rồi

Thôi, xin chào
 Nghĩ cho cùng cũng không nên tức giận
 Nếu mỗi ngày vẫn nhớ soi gương
 Thấy niềm vui xen lẫn nỗi buồn
 Như tóc ta mềm, râu ta thì cứng
 Như đoá hoa tươi rú xuống trong hồn
 Như con chim
 Sửa soạn đề bay

Chợt nhớ sinh thời quên mang đôi cánh
 Tôi không giải thích nổi vì sao
 Những viên đá dị kỳ lẫn mãi
 Và đám rong dại dột trong hồ
 Yên lặng suốt đời như dĩ vãng
 Bời thế nên Liên đã đi
 Những Liên đã đi
 Ngay trong năm mờ ký ức

Tháng này là tháng mười
 Những cơn mưa cuối
 Chiều tôi đi qua một nghĩa trang
 Thấy mình hấp hối

Chính căn nhà ở sâu trong tối tăm
 Con hẻm chạy dưới hai hàng tre mỡ
 Tôi đã về
 Trên dòng sông tan vỡ

Bây giờ
 Như Trâm đã tới
 Mang cho tôi một lọ thủy tinh
 Dành cắm những đoá hoa hồng mới nở
 Tự hứa một ngày tôi phải bứt tang
 Xây giữa lòng mình huyết mộ
 Chôn hết những Liên
 Ôi những Liên

Bay mất trong đời lệ nhỏ
 Tặng cơn mưa cuối mùa
 Một chút hồn tôi như cửa biển
 Chiều hôm nay bọt sóng lại dâng
 Những vỏ sò tiêu hao chuyền động
 Chiều hôm nay
 Phơi ngoài cửa hồn tôi
 Chiếc áo Trâm muôn đời sũng nước.

Đời Sống Trên Một Chiếc Tàu Ngầm Nguyên Tử

Kỹ giả Mỹ Fred Blumenthal thuật lại những ghi nhận của ông trong chuyến du hành với một tiềm thủy đình Polaris

• YÊN CHI

N NGÀY nào mà chúng tôi được lệnh phải phóng những hỏa tiễn này thì ngày đó sẽ là ngày

thảm khốc của toàn thể nhân loại. Và đó cũng là ngày đánh dấu sự thất bại của chúng tôi trong sự mạng chính yếu là tránh né một

cuộc chiến tranh nguyên tử. Nếu Tổng Thống ra lệnh chúng tôi khai hỏa, chúng tôi sẽ thi hành nhưng đồng thời hiểu rằng chắc chắn quốc gia và gia đình chúng tôi cũng đang bị tấn công bằng nguyên tử ?

Người nói câu trên là chuyên viên hỏa tiễn Fames Johnston quê ở Duchesne, tiểu bang Utah. Anh hiện giữ nhiệm vụ kiểm soát dàn phóng của chiếc tiềm thủy đình có mang hỏa tiễn Polaris John Adams BN 620. Chiếc này là một trong số 41 tiềm thủy đình có khả năng phóng hỏa tiễn Polaris của Hải Quân Mỹ, đang di chuyển từ mũi Kennedy đến căn cứ Hải Quân Charleston.

Nhiều hơn khối chất nổ đã dùng trong thế chiến 2

MỖI chiếc tiềm thủy đình Polaris chở được 16 hỏa tiễn mang đầu đạn nguyên tử với tầm bắn 3.000 dặm. Hải Quân Mỹ đã từng cho biết không có một địa điểm nào trên đất liền của thế giới lại cách bờ biển quá 1.700 dặm, nghĩa là không nơi nào trên thế giới có thể nằm ngoài tầm bắn của hỏa tiễn Polaris.

Nằm trên mặt nước, một chiếc tàu ngầm Polaris trông giống như một con cá voi ngái ngủ hiền từ nằm chúi đầu xuống nước. Nó là loại chiến hạm «hòa nhã» nhất chưa bao giờ thấy trên thế giới: không có lấy một họng súng nhỏ ở phía ngoài. Nhưng, trái ngược thay, nó lại là sản phẩm kỹ thuật giết người kinh khủng nhất của loài người.

Mỗi chiếc Polaris chứa một sức công phá dữ dội hơn tất cả khối chất nổ đã được mọi phe tham chiến sử dụng trong suốt thế chiến thứ hai.

Khi chúng tôi bắt đầu rời mũi Kennedy, Hạm trưởng chiếc Adams là Hải quân Trung tá A.K. Lopusser đã đưa tôi đến nhìn vào một trong hai ống viễn vọng kính của tàu. Tôi thấy mặt nước dâng lên dần dần, rồi ngập cả ống kính, và chút ít bọt nổi lên. Điều này khiến cho tôi tin chắc rằng không có ai... quên đóng các nắp tàu lại.

Ở trên mặt nước thì chiếc tàu ngầm nào cũng lắc lư như chiếc phao, thế nhưng khi xuống sâu dưới lòng nước thì thật vững vàng và yên tĩnh. Không một chút rung chuyển. Không có cả cảm giác đang di động. Chiếc Adams này lặn sâu dưới lòng biển với tốc độ hơn 20 hải lý một giờ mà tôi cảm thấy vững chãi như ở phòng khách của tôi, lại được yên tĩnh hơn. Chỉ có cách duy nhất để biết tàu đang chạy là nhìn sức nước lên xuống trong máy đo.

Bên trong của một tàu ngầm nguyên tử thật là sạch, sạch đến độ không ngờ, và được sơn sáng sủa bằng màu xanh nhạt. Các lối đi đều rộng hơn so với lối đi trên thương thuyền, và trần của tàu cũng khá cao đủ để một người thật cao đi đứng thông thả.

Phòng ngủ của thủy thủ đoàn được đặt rải rác khắp tàu; các sĩ quan thì ở chung hai hay ba người một phòng, phòng nào cũng nhỏ nhưng bày biện đẹp đẽ; chỉ riêng

viên Hạm trưởng là có phòng riêng. Tổng số 12 sĩ quan trên tàu có chung một phòng hội rộng rãi được dùng làm phòng ăn và hội quán luôn, trong khi thủy thủ thì có một hội quán riêng rộng 6 thước, dài 18 thước. Hội quán này cũng được dùng làm nơi chiếu bóng, giải trí và đọc sách. Thư viện của tàu hiện có đến 2000 cuốn sách.

Mọi thứ trên tàu đều được phân loại và giữ gìn thận trọng, kể cả các động cơ nguyên tử. Những động cơ này chẳng những đẩy chiếc tàu đi mà còn cung cấp điện lực cho các hệ thống truyền thông và điều động chiếc tàu, cũng như cung cấp điện lực dùng vào việc nấu ăn, lọc không khí, lọc nước biển, giặt quần áo của thủy thủ đoàn và chạy máy kem.

Hệ thống phóng hỏa tiễn cũng được phân loại và phân nhiệm rõ ràng để các nhân viên có thể điều khiển dễ dàng 16 chiếc hỏa tiễn Polaris. Những chiếc này nằm một dọc ngay ở giữa thân tàu, mới trông chẳng khác nào một hàng cây của tử thần. Ba chiếc máy điện từ cạnh đó, với hệ thống tự kiểm soát nhau từng cặp để tránh lẫn lộn, cung cấp liên tục những dữ kiện chính xác về mục tiêu hầu giữ các hỏa tiễn luôn luôn hướng đúng các mục tiêu định sẵn mặc dù chiếc tàu đổi tốc độ hay đổi hướng đi.

Trong các lần thí nghiệm, các hỏa tiễn Polaris đã được phóng lên với tốc độ mỗi phút một cái, bằng nhiều liệu đặc. Mỗi hỏa tiễn có

khả năng riêng biệt với các hỏa tiễn khác. Chúng được phóng lên bằng hơi ép từ ống phóng lên mặt nước và ngay trước khi nó chạm mặt nước, bộ phận hỏa tiễn sẽ khai hỏa và "con chim nguyên tử" khởi sự bay đến mục tiêu.

Trên nguyên tắc, chiếc John Adams có thể hoạt động sáu dưới nước 130 thước, nhưng nó thường hoạt động sâu hơn khi nằm trong lòng biển cả; chiếc tàu ngầm này di chuyển nhờ máy điện từ hướng dẫn, và luôn luôn được phối kiểm với các đài kiểm soát ở đất liền với vệ tinh nhân tạo.

Luôn luôn đề phòng trực trực

Vì mỗi hải vụ tuần tiểu thường kéo dài 60 ngày, nên hầu hết mọi thứ trên một chiếc tàu Polaris đều được chuẩn bị cho một trường hợp bất trắc khẩn cấp có thể xảy ra thành linh trong khi đang di chuyển dưới mặt nước. Trong trường hợp các động cơ nguyên tử ngưng hoạt động, một năng lực dự phòng khác sẽ thay thế ngay, đó là bộ máy chạy bằng diesel. Bộ máy này sẽ tiếp tục giúp tàu hoạt động và trở về căn cứ để sửa chữa bộ máy nguyên tử bị hư. Nếu vạn nhất bộ máy diesel cũng không hoạt động nữa, thì chiếc tàu có thể sử dụng một nguồn năng lực khác, là một hệ thống điện chạy bằng pin với hơn 100 viên pin không rỉ, mỗi viên cân nặng một tấn. Với hệ thống điều hành chi chít những máy móc rắc rối, với hệ thống dự trữ

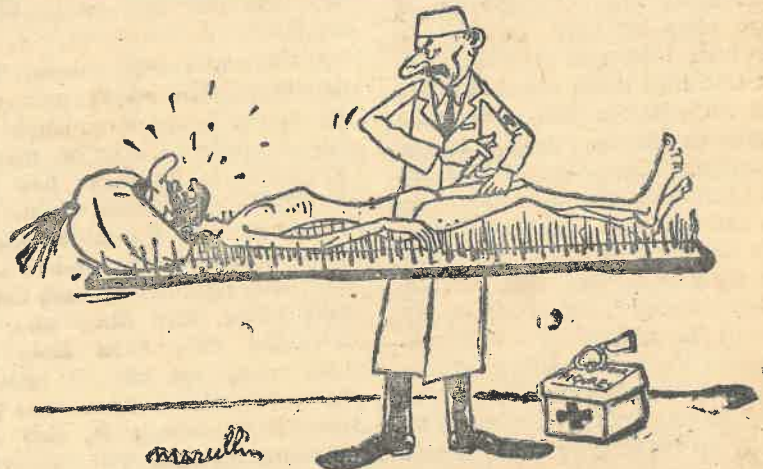
phòng ngừa như vậy, và với tầm vóc lớn lao (8000 tấn khi hoạt động dưới mặt nước), chúng ta chẳng lấy gì làm ngạc nhiên khi được biết một chiếc tiềm thủy đỉnh Polaris trị giá khoảng 110 triệu Mỹ Kim, không kể trị giá các hỏa tiễn.

Ngay cả thủy thủ đoàn cũng có một ê-kíp «dự trữ» phòng ngừa. Chiếc John Adams có hai thủy thủ đoàn thay phiên nhau đi tàu. Khi tới dự vào cuộc hành trình của chiếc tàu này là đúng phiên của thủy thủ đoàn «vàng», trong khi thủy thủ đoàn «xanh» đang ở trên Trân Châu cảng, là hải cảng chính của chiếc tiềm thủy đỉnh này. Sau mỗi hải vụ, một thủy thủ đoàn sẽ được nghỉ một hay hai tuần, và sau đó sẽ chịu một cuộc huấn luyện ôn-tập năm ngày một tuần trước khi đến phiên xuống tàu.

Bị cấm dùng nhiều thứ

Hệ thống kiểm soát thân tàu luôn luôn giữ nhiệt độ ở 16 độ, vừa lọc không khí, tổng khử các mùi hôi, và thường xuyên rút dưỡng khí từ nước biển để cung cấp cho toàn thể chiếc tàu.

Đề chắc chắn rằng không khí có thể thở hít bình thường như trên đất liền, một vài thứ thông dụng đã bị cấm sử dụng trên tàu, gồm: 1) Mọi loại thuốc xịt: vì hơi Freon trong các bình xịt rất khó tổng khử bằng hệ thống dưới tàu và trong vài trường hợp, có thể sẽ tạo ra chất a cit trong tàu. 2) Hầu hết các loại phấn đánh giày: Loại này có nhiều chất hydro — carbon rất khó lọc khỏi không khí. 3) Các loại âm kể có chất



TRANH-KHÔNG LỜI

mercure; nếu bị vỡ, chất mercure sẽ bay ra và tẩm độc không khí tức khắc. 4) Đồng hồ dạ quang: loại này sẽ làm hỗn loạn các máy dò phóng xạ trên tàu.

Một khi một chiếc tàu ngầm nguyên tử đã khởi hành, nó phải luôn luôn lặn dưới nước và giữ máy truyền thanh yên lặng suốt 60 ngày trời đi tuần tiêu, bởi lẽ khi nào máy truyền tin đã phát tín hiệu, thì lập tức vị trí chiếc tàu có thể bị một tàu địch hay một vị trí địch ghi nhận ngay. Hạm trưởng Loposer nói: Ngay cả nếu T.Thống Hoa Kỳ gửi lời chúc mừng về việc vợ tôi sinh đôi, tôi cũng không thể nói cảm ơn Tổng Thống nữa!

Cái gì sẽ xảy ra nếu tai họa vụt đến cho chiếc tàu trong khi đang thực hiện một chuyến đi dài hai tháng dưới lòng biển?

Chiếc tiềm thủy đình có thể biến mất trong 59 ngày và không ai trên bờ có thể biết được điều đó. Nhưng chỉ có chiếc tàu là được phép im lặng còn đất liền vẫn luôn giữ tín hiệu đến tàu. Các hiệu thính viên nhận tín hiệu ở dưới một chiếc tàu ngầm nguyên tử không bao giờ ngừng hoạt động. Các đài tín hiệu của Hải Quân trên đất liền liên tiếp gửi các bản mật mã 24 giờ một ngày đến các tiềm thủy đình đang hoạt động. Các bản mật mã này có khi có tính cách công vụ, có khi chỉ là những lời nhắn tin riêng tư. Vì lẽ đó, không có một đài dò mật mã nào của kẻ địch có thể khám phá một điều gì trong sự liên lạc vô tuyến giữa chiếc tàu và đất liền.

Loại điệp văn mà mọi người

trên tàu ưa thích nhất là loại "Điện tín gia đình", một thứ điệp văn do gia đình các thủy thủ nhờ đài Hải Quân chuyển đi, chỉ giới hạn một số ít chữ. Mỗi thủy thủ có nhận 5 điệp văn loại này trong suốt 60 ngày công tác. (Trong trường hợp khẩn cấp, số chữ của điệp văn được tăng vô giới hạn).

Một vài điệp văn điển hình:

"Mọi người đều khỏe; các con rất ngoan. Nhớ anh lắm". — "Vừa mua một máy truyền hình màu giá 700 đô la. Yêu" — "Má em vừa đến nhà mình chơi và sẽ chờ đón anh trong kỳ về phép tới". v.v.

Chiếc tàu cũng nhận hai lần truyền thanh tin tức một ngày, gồm tin quốc nội, tin quốc tế và tin thể thao.

Tuổi trung bình của thủy thủ đoàn chiếc *John Adams* là 24. Hạm trưởng Loposer với 39 tuổi là người già thứ nhì của chiến hạm. Người già nhất là viên cầm đầu hạ sĩ quan trên tàu, 42 tuổi. Hạm phó J. E. Bailly được 36 tuổi.

Ai cũng có thể điều khiển một chiếc tàu ngầm nguyên tử. Với điều kiện.. người đó phải là tay chuyên nghiệp về năng lực nguyên tử, xuất sắc về kỹ thuật điện tử, về điện cơ, về hỏa tiễn tầm phóng xa, về sonar, về truyền thông, về thủy lôi và về kỹ thuật nhắm mục tiêu. Và đó mới chỉ là chút ít điều kiện căn bản. Còn rất nhiều điều kiện khó khăn khác, trong đó có lẽ phải kể đến sự kiên nhẫn và chịu đựng một cuộc sống chật hẹp giữa những thủy thủ cũng sống trong những điều kiện chật hẹp giống như mình. ●●

những giòng



THƠ MỚI

• HOÀNG TUYẾT KHANH phụ trách

TÌNH yêu muôn nơi và muôn thửa vẫn là một trái tim chan chứa máu đỏ, rung động đến tận cùng những trái tim. Đời sống có tình yêu là đời sống có sinh động, chim hót, bướm bay, và hoa nở. Tình yêu tượng trưng cho tình yêu của tâm hồn, và tình yêu, đôi khi cũng tượng trưng cho những ghenh, những thác. Tình yêu cho người hay cho ta, nếu không là một dấu chấm than thương đau, thì cũng là một dấu phẩy lặng lẽ giữa mộng và thực. Và nếu ra ngoài những khoảnh khắc êm đềm, tình yêu cho người một nghi ngờ quá lớn. Cái dấu Lỗ đánh ra cho ngày tháng làm ngày tháng có những phím tơ trùng, tuy nhiên, càng nghi ngờ, tình yêu càng đẹp, như một điều ta chưa hề biết. Thơ của Miên Hương, chắc phải của một người con gái, như cái tên, và như giọng thơ. Lời hãy còn dễ thương như tình yêu hãy còn là một nghi ngờ lớn.

LỜI VỀ

Nếu một ngày
Ta đánh dấu yêu thương bỏ lại trên cánh tay trần
Ngọn đèn vẫn mãi hoài xanh biếc
Bước chân viễn du của người
Vẫn là cánh chim ở hai bờ quên lãng
Xin màu đỏ hãy một lần trở về

Trên ngọn đèn cuối ngõ
Đề có một ngày
Từ bao lơn cao ngút
Ta ngàn ngơ khi thấy bạn bè
Về trong dáng nhìn ăn năn, bờ ngõ.

MIỀN HƯƠNG

Và tình yêu không hẳn chỉ có nghi ngờ, không hẳn chai lỳ buồn phiền như đá núi. Một tình yêu khác, cho chúng ta cái buồn nhẹ nhàng như hôm nào chợt nhìn ra mùa thu chớm về với những chiếc lá vàng rơi nhẹ trên đường. Người ta thường nói tình yêu cho dù đang hiển hiện vẫn được coi là ngày xưa, như nụ cười, thoáng trông mà đã hóa ra ngày dĩ vãng. Thiển Ý là một người làm thơ, mới, cho ta cái buồn rất ngày xưa. Thơ Thiển Ý bình dị như ta nói, như ta nhìn, như ta mới lần đầu biết yêu và biết khổ đau.

ĐIỆU XƯA

Xưa anh còn ở trại cây
Nhà em cách dậu rào cây gòn già
Cha mẹ tính việc xuôi già
Tuổi thơ nào biết chỉ là trăm năm
Đùa vui cái tuổi thiên thần
Hết chơi thân lại giận hờn ghét nhau
Hai đứa thường gọi mầy tao
Dưới gốc vú sữa bày bao trò đùa
Em bảo anh giả làm vua
Bắt chúc hát bội kết tua mào vàng
Chặt cây trúc giả gươm mang
Bọn con Mèo đứng hai hàng lính canh
Hoàng hậu có lá chuối xanh
Tay phe phẩy quạt bằng cành điệp non
Tóc cài hai đóa bí vàng
Ngài vua anh ngự dưới giàn mướp hương
Lá vú sữa rụng lót đường
Cho Vua, Hoàng Hậu ngày thường bước qua
Nhặt trái sưa đùa sau nhà
Làm vòng, làm nhẫn, làm hoa giấy chuyển
Em ước mơ được thành tiên
Tung đôi cánh nhỏ khắp miền bay cao
Gió ngàn lay áo lao xao
Ước khấn lụa cũng xanh màu cỏ non
Thời gian tuổi trẻ hao mòn

Thơ ngày ngày một héo hon chóng chày
Lớn khôn theo tháng năm dài
Tình yêu như mảnh trăng đầy lờ lờ
Người xưa nay dạ hờng hờ
Đề tình em động thành thơ khóc thầm
Tiếc cho cái quãng ngày xanh
Vội bao kỷ niệm như thành vách tan
Ngai vua với lính hai hàng
Hoàng Hậu áo lá với giàn mướp hương
Bây giờ còn lại chữ thương
Độc hành âu đó con đường em đi

THIỆN Ý

Thơ năm chữ vẫn là một lối thơ khó làm, cũng như làm khó hay. Những người làm thơ mới bây giờ ít ai đi qua cây cầu đó mà không khỏi nhìn giòng nước chảy khúc mắc ở phía dưới. Nhìn và chóng mặt, như chiếc bóng lướt đi bênh bồng trên mặt nước. Thơ năm chữ không bình dị, vì người mới làm thơ năm chữ dễ bị say sóng. Chúng ta nhìn Nhạn vĩ Anh như một người làm thơ mới, đi trên cầu cao và bị say sóng.

TRÊN ĐỈNH CÂY SẦU

Trên ngọn cây sầu đông
Áng mây buồn ủ rũ
Khóc một ngày vừa tàn
Như một giấc chiêm bao

Trên ngọn cây sầu đông
Đôi chim hồng rìa cánh
Đậu trên cành cây khô.
Như trên tàn hơi thở.

Trên ngọn cây sầu đông.
Chim vành khuyên mở ngõ.
Thương một kiếp lênh đênh.
Trên một chiều không nắng

Trên ngọn cây sầu đông
Qua khung cửa sổ hồng.
Nàng công chúa bé thơ
Đang gục đầu nước nở
Thương một giấc chiêm bao.

NHẠN VĨ ANH

Một bài thơ nhỏ, nói về một thứ tình yêu nhẹ nhàng, như chim mộng còn đang tìm người mơ. Nguyên Hải với một đôi chân ngơ ngác của loài nai vàng đi lạc. Nắng vàng trên cao kia mới xuống, hãy còn đẹp lắm, và tình yêu ở Nguyên Hải cũng hãy còn đẹp lắm.

TUỞNG NHỚ

Thong thả em ngồi nghĩ vãn vơ
Chiều nao chim đến đậu bên lồng
Lặng nghe giọng nói, lời quen thuộc
Ru mãi hồn em giấc mộng hồng.

NGUYỄN HẢI

Và cũng lại một người làm những bài thơ nhỏ nữa đề ca ngợi tình đầu. Một người làm thơ ở Huế, có một bút hiệu hơi lập dị: Mất cận. Người làm thơ chắc hãy còn trẻ lắm, với một giọng thơ học trò thật dễ thương như hai bài sau:

HOÀI CẢM

Lần thứ nhất khi nhìn cô bé nhỏ
Dáng ngoan hiền trong áo trắng đơn sơ.
Và từ đó tôi bắt đầu mơ mộng
Một tình yêu diệu tuyệt nhất đời người

MẤT CẬN

E NGẠI

(cho một người ở lâu đài họ Đỗ)

Em còn bé nên tôi thường e ngại
Sợ tình yêu làm động giấc mơ hồng
Sợ trái đắng sẽ làm cô bé khờ.
Nên vẫn im, vẫn lặng lẽ mong chờ.

MẤT CẬN

Đề chấm dứt cho những giọng thơ mới kỳ này. Người phụ trách xin giới thiệu một người làm thơ mới: TH. DU. Thơ Th. Du mang ảnh hưởng của những người làm thơ nổi tiếng, đi trước. Cái buồn trong bài thơ tự do của tác giả có thể là một nỗi buồn chung, nhìn ở đâu, cũng thấy như vậy, nghe ở đâu cũng nghe như thế. Tuy nhiên, bài thơ báo hiệu cho một hơi thơ độc đáo, bén nhạy và vững.

BƠ VƠ

Trên khoảng vút cao ngàn nước trắng xóa tuôn xuống bờ đá gập ghềnh
Em đứng thật buồn nhìn từng đốm hoa chợt nở rồi tan
Kiếp người ưu tư chợt tắt như ngàn bọt nước
Nghìn trùng giọt buồn giăng mãi mãi miền man
Trên khoảng không cao tiếng chim lạc đàn vọng về ảo não
Cánh môi, mắt mờ nhưng bến dừng chân biết là phương nào?
Em nhìn loài chim nhỏ với niềm ưu ái
Mình cũng bơ vơ như kiếp chim hoang không chỗ tựa nương.

TH. DU

LỜI NGƯỜI PHỤ TRÁCH

Kể từ nay Phỗ Thông mở mục « Những giọng thơ mới » ở đây, những người mới làm thơ về ngồi lại trên một chiếc và nhìn ra khắp mọi hướng. Không hướng nào trùng hợp với hướng nào. Cũng như « những giọng thơ mới », không hẳn là không mở ra được một chân trời rộng lớn. Người phụ trách, mong đón nhận tất cả, từ những nơi ấy, để giới thiệu tiếng thơ chân thành nhất của một đời người từ lúc mới biết yêu và tập làm thi sĩ. Bài vở viết trên một mặt giấy, gửi về tạp chí Phỗ Thông, đề tên người phụ trách: Hoàng Tuyết Khanh.

Chúc Mừng

Chúng tôi vừa nhận được tin

Nhà văn Du Tử Lê

đã thừa lệnh song thân, làm lễ thành hôn với

Cô Thụy Châu

Xin chúc mừng tân lang và tân giai nhân được Trăm Năm Hạnh Phúc.

CAO ĐẮC BÙU
BUI THUƠNG UYÊN
KIỂM THÊM



Sinh Hoạt Văn Nghệ

• ĐẶNG BẢO TRÂM

SÁCH SẮP XUẤT BẢN CỦA NHÀ TRÌNH BÀY

Đó là cuốn **Vùng Đất Hung Bạo** (TERRAS DO SEM FIM) của JORGE AMADO (người Ba Tây), cuốn này do nhóm nghiên cứu Văn Học Thế Giới dịch. **Vùng Đất Hung Bạo** là một cuốn sách dày tới gần 700 trang.

Đây là cuốn sách thứ 65 của nhà Trình Bày. Trong hiện tình khó khăn về kinh tế, in một cuốn sách dày tới 700 trang quả là một công trình, nhất là sách này chỉ được tìm kiếm bởi những độc giả chọn lọc.

BỘ THÔNG TIN BỊ KIỆN

Người chủ trương nhà xuất bản Thái Độ, nhà văn Thế Uyên vừa gửi một lá thư ngỏ tới «những người cầm bút tại các đoàn thể, hiệp hội, tổ chức văn hóa và cơ quan ngôn luận» cho biết hai việc: thứ nhất: Ngày 11-2-71 tối cao Pháp Viện đã thụ lý hồ sơ của tôi Thế Uyên do LS Vũ văn Mẫu nhiệm cách và biện hộ kiện bộ thông tin vi hiến khi duy trì sở kiểm duyệt sách.

Thứ hai: Gửi theo cuốn Đoàn Đường chiến binh đã bị Bộ Thông Tin bôi xóa trước đây, yêu cầu được đọc và thẩm định xem có phải đó là một cuốn sách như Bộ Thông Tin cho là «đề cao cộng sản», «khiêu dân».

Kể từ ngày có kháng thư của Thế Uyên, và bây giờ là đơn kiện, Bộ Thông Tin chưa có phản ứng nào.

Khi nhận được lá thư của nhà văn Thế Uyên, dư luận của giới cầm bút, và các nhà xuất bản hy vọng vụ kiện này sẽ thắng và rất có cảm tình với nhà văn Thế Uyên.

ĐIỆU RU NƯỚC MẮT.

Điệu Ru Nước Mắt là tên một truyện dài viết về du đăng của Duyên Anh. Truyện dài này vào những năm trước đây là một truyện dài bán rất chạy. Bây giờ, trong phong trào phim Việt Nam, sau phim Loạn Mắt Nhung thành công về số thầu, **Điệu Ru Nước Mắt** đã lên phim. Là một phim màu pha đen trắng. Kể lại chuyện một du đăng khét tiếng, anh ta là một nhân vật có thật ở Saigon, dựa vào «huyền thoại» của anh ta, cuốn truyện thành hình với những màn «du đăng». Vai chính trong phim này là Hùng Cường, diễn viên sân khấu cải lương.

Trước một cuốn sách bán chạy, **Điệu Ru Nước Mắt** thành phim chắc sẽ được chiếu cổ đông đảo, vì đó là đặc tính của đám đông.

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU VĂN HỌC TỤC BẢN

Tạp chí Nghiên cứu Văn Học trước đây là một tạp chí... nghiên cứu Văn Học, do L.M. Thanh Lãng chủ trương, sau một thời gian im tiếng khá lâu, tạp chí này lại tục bản vào ngày 15-3-1971. Số 1 sẽ có chủ đề: **VĂN NGHỆ ĐEN**.

Nghiên Cứu Văn Học trong lần tục bản này sẽ là một tạp chí Nghiên Cứu phê bình sáng tác sinh hoạt Văn Học, chủ nhiệm vẫn là linh mục Thanh Lãng, cộng tác viên gồm những cây bút tên tuổi: Vũ Hạnh, Nguyễn văn Trung, Nguyễn Sa, Nguyễn thị Hoàng...

VỤ BÁO ĐỐI DIỆN

Vụ báo Đối Diện bị đưa ra tòa, linh mục chủ nhiệm Chân Tín bị án tù ở đã gây sôi nổi trong báo giới.

Người viết bài khiến cho tờ Đối Diện bị tịch thu và truy tố là linh mục Trương Bá Cần. Và có sự làm lẩn, lúc đầu nhiều báo đã đăng linh mục Trương Bá Cần, tác giả bài báo cũng bị 9 tháng tù ở như linh mục Chân Tín. Thật ra chỉ có linh mục chủ nhiệm 9 tháng tù ở. Và linh mục Chân Tín đã kháng án: Dư luận và phản ứng của báo chí về vụ này như đã nói ở trên, rất sôi nổi. Thái độ chung là muốn báo chí không thể bị bóp nghẹt.

TUẦN BÁO TUỔI NGỌC SẮP TỤC BẢN

Nhà văn Duyên Anh cho biết ông sắp cho tục bản tuần báo Tuổi Ngọc. Tuổi Ngọc trước đây là một tuần báo của "những ngày tháng đẹp nhất đời người". Lần này xuất bản, theo ông Duyên Anh, Tuổi Ngọc sẽ ra nhỏ hơn và là tờ báo của tuổi tình yêu, của nữ sinh.

SÁCH CHO TUỔI NHỎ

Những năm trước đây, những loại sách dành cho Tuổi Thơ xuất bản một cách dè dặt vì những nhà xuất bản chưa rõ được số độc giả cho loại sách này. Nhưng những ngày gần đây, thị trường sách báo Tuổi Thơ tiêu thụ mạnh. Và nhà xuất bản cũng hoạt động nhiều. Nhìn chung, chúng ta thấy có Tuổi Hoa, Khai Trí, Huyền Trân, Tuổi Ngọc, Ấu Thời, Nam Cường và một nhà xuất bản mới: Trầm Hoa. Những tác giả của loại sách nhẹ nhàng này cũng đều quen thuộc như Nhật Tiến, Duyên Anh, Lê Tất Điều, Từ Kế Tường, Đinh Tiến Luyện, Phan Du, Minh Quân v.v...

Riêng nhà xuất bản Nam Cường vừa đưa ra một chương trình hoạt động cho năm 1971 với một loạt sách của Từ Kế Tường, in khổ vuông 11 x 11, bìa Offset, dày khoảng 100 trang bán giá rẻ. Mỗi tháng xuất bản một cuốn, đều đặn. Mở đầu nghe đâu sẽ là cuốn Ấu Thời của Từ Kế Tường.

TRÊN NGỌN GIÓ BẮC

Đây là nhan đề một truyện dài mới của Từ Kế Tường do nhà xuất bản Nam Cường vừa phát hành. Truyện viết về những kỷ niệm của những ngày thơ ấu, với trường lớp, bạn bè, và một mùa đời chưa nguôi như ngọn gió bắc của những ngày lập đông nơi quê nhà. Được biết, Trên ngọn gió Bắc là tác phẩm thứ năm của Từ Kế Tường, một tác giả trẻ, có sách bán rất chạy những năm gần đây.

TRIỂN LÃM TRANH CỦA HỌA SĨ NGUYỄN PHAN VÀ ĐỖ TOÀN TẠI QUI-NHƠN

Cuộc triển lãm họa phẩm sơn dầu của hai họa sĩ Nguyễn Phan và Đỗ Toàn tại Trung tâm Văn hóa Bình định số 18 đường Nguyễn Huệ Qui Nhơn, đã cử hành lễ khai mạc vào chiều ngày 24-2-1971, dưới quyền chủ tọa của Đại tá Tỉnh trưởng Bình Định và đặt dưới sự bảo trợ của Hội Văn H a.

Trong phòng triển lãm này trưng bày 32 bức tranh sơn dầu của hai họa sĩ Nguyễn Phan 21 bức và Đỗ Toàn 11 bức, đặt xen kẽ nhau. Các quan khách dự xem đã đặc biệt chú ý đến những tác phẩm như: Trầm Tư, Đỗ Quyên, Tựa Cửa, Thanh Thoát của họa sĩ Nguyễn Phan và Nhìn Lên Mòn Mỏi, Thiếu Nữ Trên Đồng, Xác Đá, Đường Chiều Lá Rụng của họa sĩ Đỗ Toàn. Mỗi nghệ sĩ có một khuynh hướng một lối diễn tả riêng nhưng phần nhiều theo trường phái biểu tượng. Nhìn chung các tác phẩm trưng bày, chứng tỏ nhiều cố gắng của tác giả để diễn tả những dấu hiệu của thời đại, những thống khổ của con người. Về nghệ thuật hai tác giả đã cố gắng dung hợp, không cầu kỳ, sắc màu êm dịu đượm hồn tánh Đông phương khiến người xem có thể chiêm ngưỡng và cảm thức dễ dàng.

Ngay sau buổi lễ khai mạc, các quan khách đã mua khá nhiều tranh, của Nguyễn-Phan: Chiều vàng 10.000đ, Hồn trẻ thơ 10.000đ, Thiếu nữ 10.000đ, Nguyễn cầu cho quê hương 10.000đ, Trăng lạnh 8.000đ, Tựa cửa 8.000đ và của Đỗ-Toàn: Khiêm-lãng 10.000đ, Xác đá 10.000đ, Tuổi mộng 8.000đ. Theo hai họa sĩ cho biết, số tiền bán tranh trong cuộc triển lãm này sẽ trích 20% giúp cho quỹ của Hội Văn-hóa để phát-triển Thư-viện của Hội.

Được biết:

Họa sĩ NGUYỄN-PHAN tốt nghiệp Trường Quốc-gia Cao đẳng Mỹ thuật và Giáo khoa hội họa tại Huế và Sài gòn (1960), Giáo sư hội họa tại trường Sư phạm Qui Nhơn (1961-63) Anh đã đoạt bằng Danh dự về Mỹ thuật Á đông của Hiệp hội Nghệ sĩ Pháp ở Paris (1964), huy chương bạc tại Rome (1965) và đã tham dự nhiều cuộc triển lãm tại quốc nội và quốc tế từ năm 1959 đến nay.

Họa sĩ Đỗ Toàn (tên thật Đoàn văn Toàn) tốt nghiệp trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật và Giáo khoa Hội họa tại Huế và Sài Gòn (1962). Anh đã từng triển lãm tranh cùng với các Sinh viên Mỹ thuật tại phòng Thông tin Huế (1959-1960), triển lãm Hội họa mùa Xuân và Mỹ thuật Phật-giáo tại công viên Tao đàn Sài gòn (1964). Gần đây vì hoàn cảnh bắt buộc, Anh đã nghiêng về điêu khắc hơn và tác phẩm của Anh rải rác khắp nơi.

Cuộc triển lãm này sẽ mở cửa hằng ngày cho đồng bào đến xem tự do từ ngày 24-2 đến 2-3-1971. Đây là cuộc triển lãm họa phẩm lần thứ hai tại Trung tâm Văn hóa Bình định và do Hội Văn hóa Tỉnh nay bảo trợ. Lần trước là của họa sĩ Phạm đình Khương tốt nghiệp trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật Huế.

(SINH-HÒA)